

SỐ 116 – NGÀY 1-11-1961

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *khrouchtchev chống hammar-skjöld bằng khí giới nào?* • NGUYỄN HIỂN LÊ *đuổi bắt ảo ảnh* • NGUYỄN HỮU PHIẾM *gia đình và học đường* • TRẦN HƯƠNG TỬ *hai ngành chính của phong trào triết hiện sinh* • HOÀI HƯƠNG *mẹ chúng ta* • VŨ HÂN *dời chờ* • VƯƠNG HỒNG SẼN *về bộ tiền đồng đời xưa* • TRỌNG LAI *bàn về cái chết của vua quang trung* • VÂN TRANG *kén rề* • ĐẶNG TRẦN HUÂN *(dịch leonce guerrero) con gà điên* • SAO TRÊN RỪNG *đêm thu* • BÙI GIÁNG *bờ lúa* • VÕ HỒNG *chuyện cái răng* • ĐOÀN THỀM *vẽ tranh* • CÔ PHƯƠNG THẢO *đọc cái bong bóng lợn của phan văn tạo* • PHAN DU – HỢP PHỔ *trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ của bách khoa* • THU THỦY *văn hóa và kỹ thuật* • TRẦN THIÊN *văn nghệ và đạo đức* • YÃ HẠC *và TRINH NGUYỄN từ truyện thần tiên đến truyện khoa học tưởng tượng* •

Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUI VỊ NÊN DÙNG :



* Rượu mùi **CURACAO "DIE"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lần năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì
rượu nhập cảng

Qui vị thường thích luôn **EAU DE VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**
Pasteur Saigon . ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

. ALCOOL RECTIFIÉ

. ALCOOL DENATURÉ

. RƯỢU THUỐC "Ich. Tho. Từn"

. DẤM ĂN HẢO HẠNG CHẾ BẰNG CAO 6°



HIỆN TÌNH VÀ TƯƠNG LAI LIÊN-HIỆP-QUỐC :

KHROUCHTCHEV CHỐNG HAMMARSKJOELD BẰNG KHÍ GIỚI NÀO ?

Hoàng-minh-Tuynh

THOẠT nhìn thái độ của ông Khrouchtchev đối với Liên - Hiệp - Quốc, ta thấy hình như có điểm mâu thuẫn. Hồi tháng 9 năm ngoái, giữa khi tấn công mặt sát ông Hammaraskjoeld nhằm trung lập hóa phòng Tổng thư ký Liên - Hiệp - Quốc và tước cả mọi quyền hành chính trị của phòng này, ông nguyên - thủ Xô - Viết lại chủ tâm tô điểm cho Hội Đồng Liên-Hiệp-Quốc một lớp sơn hào nhoáng chưa từng có, bằng cách đích thân tham dự các cuộc tranh luận cùng với tất cả các lãnh tụ số một của khối Cộng-sản, khiến sau đó một số đông các nhà lãnh tụ thuộc các nước Châu Á và Châu Phi cũng bắt chước tham dự theo. Như vậy là ông Khrouchtchev có

dụng tâm củng cố hay phá hoại Liên-Hiệp-Quốc ?

Sự thực phải chăng là ông Khrouchtchev không thể nào chấp nhận việc tổ chức một quyền hành cảnh bị và bảo vệ quốc tế, — mặc dù chỉ là một quyền hành hạn chế, nhưng là bước đầu để đi tới thành lập một quyền hành hành pháp bang liên hay liên bang, — nếu quyền hành ấy không ở trong tay người Cộng-sản, hay ít nữa, những quyết nghị của nó ban hành không đặt dưới quyền phủ quyết của Mạc-Tư-Khoa ? Tất cả nỗ lực của ông « K » dồn về mục-tiêu lật đổ một người đang cố gắng xây dựng quyền hành trên với sự phù trợ của các nước nhược tiểu, người ấy là ông Hammaraskjoeld.

NGUỜI Xô-viết không thấy gì trở ngại trong việc lợi dụng Đại-Hội-Đồng, với điều kiện Hội đồng này phải là một cái trống khua động, làm vang lên những lời tố cáo của họ chống Tây Minh, một khi dụng để chặn đứng những khuynh hướng quân phiệt và thực dân của các nước Bắc Đại Tây Dương lâm thời có thể phát hiện ra. Ông « K » cũng thấy rõ cái lợi của phe Liên-Xô, khi các tân quốc gia Phi châu đông đảo bước vào L. H. Q. để mau chóng tiêu trừ những « khu-vực săn bắn » cuối cùng dành riêng cho các nước Tây Âu dưới hình thức căn cứ quân sự và vị trí kinh tế đặc quyền của họ ở ngoại quốc. Nếu ông chịu đích thân đến Nữu-Uớc dự khóa họp năm ngoái của Đại-hội-đồng, đó chỉ là vì ông muốn khai thác triệt để những mối hoài nghi và phản uất của người Châu Á và Châu Phi đối với các nước xưa vốn là chủ-nhân-ông của họ. Việc phê bỏ các thuộc địa, cũng như tình trạng hậu tiến của các cựu thuộc địa, đã đem lại cho ông một đề tài mẫu nhiệm để tuyên truyền chống Tây Minh.

Lại thêm sự kiện 650 triệu người Trung-Hoa hiện vẫn chưa được cử đại diện tại Liên-Hiệp-Quốc do bởi sự khước từ của người Mỹ, ngoài số 45 triệu người thuộc Phi Châu hiện vẫn còn chịu lệ thuộc người da trắng và 130 triệu người thuộc những nước hiện đang bị chia cắt (75 triệu người Đức; 30 triệu người Triều-Tiên; 25 triệu người Việt-Nam); sự kiện này

đã để cho ông Khrouchtchev được lớn tiếng rêu rao, chỉ trích, với dụng tâm làm bí mật các nước thuộc phe Tây-Minh trước công luận hoàn cầu.

Một khí giới lợi hại của ông Khrouchtchev : vụ Congo

Kremlin không chấp nhận cho Đại hội đồng Liên-Hiệp-Quốc đóng một vai trò nào khác hơn vai trò tố cáo thái độ của Tây Minh và ủng hộ thái độ của người Xô-Việt. Kremlin chống đối việc Đại hội-đồng có thể dùng những biện pháp và đề ra những giải quyết không phải là những biện pháp, giải quyết của người Xô - Việt, để dàn xếp những vấn đề và những cuộc khủng hoảng trong thế giới. Kremlin không chịu để một Phòng Tổng thư ký dưới quyền điều khiển của người Tây phương hay người Trung lập, đứng ra lãnh trách nhiệm thi hành những biện pháp và giải quyết ấy.

Việc Kremlin và các nước vệ tinh cương quyết khước từ đóng góp vào chi phí cho quân đội « mũ xanh » ở Congo — chi phí quan trọng nhất — đã khiến cho Liên-Hiệp-Quốc phải lâm vào một tình trạng túng quẫn tài-chính rất mực trầm trọng.

Sự từ-khước đóng góp này nhằm mục đích cản trở ông « H » hành động tích-cực và tự phát sáng ý mà không có sự chấp-thuận của Liên-Xô.

Song điều người Xô-Việt theo dõi trước hết vẫn là răn sức làm giảm uy-tín của ông Hammarskjöld đối với các nước nhược tiểu. Để đạt mục tiêu này, họ đã khai thác triệt để vụ

Congo. Mạc-Tư-Khoa khôn ngoan biết rằng mình chưa thể nào tạo ra được vị-trí vững-chắc cho phe Xô-Viết tại Trung Phi, nên lúc này họ chủ yếu nhằm gây cảm tình với người Phi Châu và thuyết-phục cho quần chúng miền này đừng tin tưởng vào thái độ thụ động hay hành động bất lực của ông trưởng Phòng Tổng thư ký, trước thủ đoạn xâm-lấn của bọn thực-dân và trước nguy cơ can-thiệp của Liên-Hiệp-Quốc do một người đứng ra thi hành tùy theo sở-thích và không chịu sự kiểm-sát của một ai cả. Như thế là ông Khrouchtchev muốn đổ lên đầu ông « H » tất cả những trách nhiệm của một tình trạng hỗn-loạn, thực sự gây ra bởi các đại cường quốc trước hết và bởi chính Liên-Xô nữa. Mặc dầu các nước tiểu nhược phần lớn không đồng quan điểm với ông Khrouchtchev, ông này vẫn đạt được điểm thắng lợi là làm cho người Châu-Phi sinh ra tức giận Phòng Tổng thư ký Liên-Hiệp-Quốc đã tỏ ra không có đủ quyền năng điều khiển quân đội « mũ xanh » để chặn đứng những làn sóng viện trợ của các nước thực dân gởi cho Tschombé, Mobutu và Kasavubu hay không có đủ lực lượng bảo vệ ông Lumumba, đến nỗi để cho ông này phải chết một cách bi đát do bàn tay đẫm máu của bọn thực dân.

Một nước vô tình nổi giận cho ông Khrouchtchev

Liên-Xô không phải là nước duy nhất tỏ lòng hiềm khích đối với Liên-

Hiệp-Quốc và tìm phương kẻ chèn ép ảnh hưởng và quyền hành can thiệp của tổ chức này. Nước Pháp cũng tỏ ra thái độ tị hiềm đối với Liên-Hiệp-Quốc, tuy với những phương thức khác hơn, mà cũng kín đáo hơn. Mọi người đều biết tướng De Gaulle vẫn thường tỏ ý ít ưa chuộng Liên-Hiệp-Quốc. Theo ông thì số một trăm quốc gia trong tổ chức Liên-Hiệp-Quốc đa số gồm những quốc gia « tự nhiên thành » ở đâu bỗng rơi vào Tổ chức một cách ngẫu nhiên, gây ra hỗn loạn trong đó, một cách rất tai hại. Do đây, nước Pháp phải đợi cho tới cái ngày có những quốc gia « biết điều » hơn, « biết nắm giữ lấy công tác lớn lao nọ là công tác quốc-tế, cùng đặt nó trên một nền tảng mới mẻ và hợp lý hơn », nhiên hậu mới có thể đặt tin tưởng vào Liên-Hiệp-Quốc được.

Với những lời tuyên bố và những cách quan-niệm như vậy, người ta thừa hiểu rằng nước Pháp khó lòng đóng nổi được một vai trò nào đáng kể tại Liên-Hiệp-Quốc. Đó thật là điều đáng tiếc cho nước Pháp, vì lúc này hơn lúc nào hết, nước Pháp hiện đang có những lá bài rất đẹp, có thể mua chuộc được nhiều nước trong Tổ chức về cùng một phe với mình, nhất là những nước trước đây ở dưới quyền chi-phối của Pháp và vẫn liên-kết với Pháp bằng nhiều mối liên lạc hữu-nghị khá mật thiết.

Để cho hành vi được phù hợp với quan niệm, nước Pháp vừa rồi đã từ khước tham dự cuộc tranh luận về

HIỆN TÌNH VÀ TƯƠNG LAI LIÊN-HIỆP-QUỐC

vụ Bizerte tại Đại hội đồng bất thường và đã làm cho ông « H » phải nhục nhã, mà không nghĩ rằng thái độ của mình đã để cho Tunisie được toàn thắng dễ-dàng và đồng thời khiến cho mỗi liên-lạc hữu-nghị giữa mình với các nước Cộng-hòa Phi-châu thuộc nhóm Brazzaville bị thương-tồn. « Không muốn tham dự bằng người cũng như bằng tiền vào bất-luận một công cuộc nào hiện nay hay mai sau của Tổ-chức này (chỉ Liên-Hiệp-Quốc) hay đúng hơn của vô tổ chức này », nước Pháp cũng cương quyết từ khước đóng góp vào chi phí của Liên-Hiệp-Quốc trong cuộc can-thiệp tại Congo, như khối Cộng-Sản. Nước Pháp như không quan tâm đến hành vi của họ là một đòn nặng đánh vào Liên-Hiệp-Quốc, chẳng khác gì hành vi rút chân ra khỏi Liên-Hiệp-Quốc vậy. Vì thế, lúc này nước Pháp đang diễn ra cái cảnh trái thường nghịch lý là nổi giáo cho Liên-Xô, cùng Liên-Xô phối-hợp để làm tê liệt hành động của Liên-Hiệp-Quốc và của người bấy giờ đang cố gắng làm cho nó trở nên sinh động, linh-hoạt hơn (1).

(1) Nhìn kỹ thì sự phối hợp ấy không có gì lạ. Liên Xô với nước Pháp cũng có một ý niệm giống nhau về chủ quyền quốc-gia, về kiêu hãnh dân tộc, về xác tín của nhà cầm quyền, khiến cả hai nước cùng sẵn sàng cự tuyệt mọi tổ chức, mọi định chế có chiều hướng căn cứ vào nguyên tắc thiết lập một chính quyền siêu-quốc-gia hay vào một pháp chế lấy đa-số để quyết định quan-hệ giữa các quốc gia... Cố nhiên mục tiêu nước Pháp theo đuổi không phải là mục-tiêu

Cách hoan-nghênh thiếu nhiệt-thành của các nước tiểu nhược đối với Liên-Xô

Dù sao chẳng nữa, ông Ham-marskjöld vẫn có thể còn nắm được nhiều phần thắng lợi trong cuộc đấu tranh tại Liên-Hiệp-Quốc nếu ông vẫn kiên nhẫn giữ vững chủ-trương và lập trường của ông để duy trì mỗi đồng tâm nhất trí cho các nước tiểu nhược. Đó không phải là điều khó thực-hiện, với điều-kiện là thái-độ của các nước Tây-minh, nhất là Hiệp-Chúng-Quốc không ra tay cản trở. Có điều không may là giữa khi ấy, ông Tổng thư ký đã từ trần trong một tai nạn quá ư đột ngột.

Sở dĩ các quốc-gia, «không tham gia» Châu Á và Châu Phi thường vẫn hoan-nghênh sáng kiến của Liên-Xô,

của Liên Xô. Song bởi một nước thì có một quan-niệm «qui-tộc» về quan hệ quốc-tế khiến họ phải nổi lên chống lại những hình thức mị dân (hay họ cho là mị dân) và hỗn loạn, thường phổ biến ra tại Đại hội đồng; còn một nước thì nhằm thực hiện một thế giới Cộng-sản dưới quyền điều khiển của Kremlin, cả hai nước cũng có mối chăm lo chung, là phục hồi cho mình những trách nhiệm và quyền hành trong quốc tế, là những trách nhiệm và quyền hành ông Ham-marskjöld đang tìm cách tước mất của họ để đem về cho L. H. Q. Khi Tướng De Gaulle tuyên bố không đếm xỉa gì đến những quyết nghị của L. H. Q. về vụ Bizerte mà ông gọi là bất hợp pháp, ông quả đã có phản ứng không khác gì phản ứng của ông Khrouchtchev, khi ông này tuyên bố rằng Liên Xô sẽ không thi hành các quyết nghị xét ra trái nghịch với quyền lợi của Liên-Xô.

đó là vì uy thế của nước này trên thực tế vẫn bảo vệ được cho họ chống lại tham vọng quây rối của các chủ nhân ông cũ hằng tìm cách lung-lạc nền độc-lập của họ. Họ hoan-nghinh Liên Xô, không những để thoát khỏi ách không-chề kinh tế và tài chính của các nước Tây-Âu, mà cũng để làm áp lực cho các nước này viện trợ họ ngày một rộng rãi hơn.

Các nước «không tham gia» vì quá chăm lo bảo tồn nền độc lập — nền độc lập mà không bao giờ họ cho là chắc chắn bao lâu các dân-tộc anh em vẫn còn bị lệ thuộc vào các quốc gia da trắng với sự đồng lõa thụ-động của các quốc gia da trắng khác — và vì nóng lòng muốn bước ra khỏi tình trạng hậu tiền, thường vẫn tỏ ý muốn sắp mình đứng vào lập trường của người Xô-Việt, nhưng họ muốn mà không thật thấy hứng thú chút nào. Các nước Châu Á và Châu Phi tuy vẫn ngưỡng mộ Liên-Xô, song không phải vì vậy mà không có mỗi hoài-nghĩ, e ngại. Mới đây, tại Belgrade, một bản văn chính thức lên tiếng trách vấn người Xô-Việt đã tỏ ra thái độ trịch thượng và tinh thần phe phái trước những phong trào giải phóng Châu Á và Châu Phi, rồi lại đem đòi chiều thái độ ít nhiều vụ lợi ấy của Liên-Xô với thái độ đầy tình huynh-đệ của người Nam-Tur không bao giờ tìm cách nhúng tay vào nội bộ các nước Phi Châu và bắt họ phải đứng vào một hàng ngũ với mình. Bản văn thật đã công khai nói lên những điều mà rất nhiều nước trung lập thường vẫn

kín-đáo suy nghĩ ở tận đáy lòng... Đó là điều Mạc-Tur-Khoa không thể nào tha thứ cho Belgrade được.

Bây giờ ta thấy vấn đề trở nên hết sức giản dị. Nếu Tây Minh hoặc vì bơ thờ, ích kỷ hay kém hiểu biết, để mình đồng lõa với những nước không chịu nhà miềng mỗi ngon tại các lãnh địa cuối cùng ở Châu Phi, như tại Nam Phi, Rhodésie, Angola và cả Algérie nữa và nếu cuộc viện trợ của các nước Tây Minh đem tới cho các nước hậu-tiền còn bị hạn-chề gắt gao và lệ thuộc vào những điều kiện quá khe khắt, thì người ta phải ngờ rằng các nước nhược tiểu Châu Á và Châu Phi sẽ ngày càng bị bó buộc tựa mình vào uy-thế của Liên Xô, bởi không thể làm khác được. Khi đó, để bù lại sự ủng hộ do Mạc-Tur-Khoa đem tới — như trường hợp của ông Nkrumah, — họ phải ủng hộ cuộc đấu tranh của ông «K» chống lại Phòng Tổng thư ký và người cầm đầu nó là ông «H», với tất cả chủ trương của một chính nhân quân tử.

Thế tiến-thoái lưỡng-nam của ông Kennedy

Chính sách Hiệp chúng Quốc về điểm này tỏ ra dứt khoát. Sự kiện chính quyền mới Mỹ-Quốc nhận chân được tầm quan trọng của vai trò các nước Châu Phi và thấy rõ được sự cần thiết phải thiết lập những mối bang-giao hữu nghị với các nước này, có thể làm lợi cho thế đứng của Liên-Hiệp-Quốc và của ông Tổng thư ký rất nhiều. Song nói vậy

không phải là bảo rằng Hoa-Thịnh-Đồn đã thông cảm được hết mọi nguyện vọng của người Châu Phi vì người Châu Phi có những cách nhìn khác người nước Mỹ.

Như trong vụ Cuba, cuộc phiêu lưu của Hiệp-chúng-quốc tại Cuba đã gây ra nhiều hậu quả tai hại và rất mực nghiêm trọng. Sau vụ này, hình như đã có một số các nước « không tham gia » tự hỏi liệu từ nay có nên trông cậy tuyệt đối vào sự cương quyết của Hiệp-chúng-quốc, vào sự sâu xa của tinh thần chống thực dân và vào sự thành thật trung kiên của nước này đối với các nguyên tắc đã được ghi nhận trong hiến chương Liên - Hiệp - Quốc nữa không. Mỗi nghi ngại này đúng hay sai là vấn đề khác, song thực tế nó có thể mau chóng biến trở thành mối xác tín, nếu Tổng thống Kennedy còn một mực cho rằng giềng mối quan hệ quốc-tê vẫn phải theo đường lối của chủ-trương Monroe, đường lối mà các nước Châu Mỹ La-Tinh ngày càng có khuynh hướng coi là một hình thức thực dân kiểu Yankee.

Đứng đầu một dân tộc tự cho là số mệnh của mình có liên đới chặt chẽ với số mệnh của các nước Âu-Châu, Tổng-Thống Kennedy có thể đứng lên thuyết phục cho các nước thuộc khối Tây Minh từ bỏ tinh thần thực dân trong những cuộc tranh luận cam go và bênh vực tích cực cho các nước Á Phi chống lại các đồng minh của mình như đã từng làm đối với

Portugal không? Sự bắt tham dự của các nước Tây Minh trong vụ biểu quyết về vấn đề Bizerte tại Đại hội đồng bất thường Liên-Hiệp-Quốc mới rồi có thể khiến người ta hoài nghi. Quyết định của các nước « không tham gia » Châu Á, Châu Phi và cả Nam Mỹ hoàn toàn tùy thuộc ở thái độ người Mỹ trong những năm tới đây. Các nước này có đứng vào hàng-ngũ các người Xô Viết hay không là tùy theo người Mỹ có nghi ngờ và sợ sệt hay không, hoặc nói cách khác, tùy theo người Mỹ có lấy sự an toàn của mình làm trọng hơn cái đại nghĩa bảo vệ nền độc lập và giúp đỡ cuộc thắng tiến về kinh-tê xã hội cho các nước hậu tiến hay không. Trong trường hợp Hiệp-chúng-quốc biết lấy lòng khoan đại mà thực hiện đại nghĩa trên thì các nước « không tham gia » sẽ tiếp tục ra công ủng hộ quan niệm của một ông Tổng-thor ký nay đã ra người thiên cổ song từng tin tưởng sắt đá rằng đã đến giờ Liên-Hiệp-Quốc phải đảm nhiệm một vài quyền lực để cứu vãn hòa bình thế giới, để bảo vệ những nước nhược tiểu và để đầu tranh, bằng những phương tiện lớn lao, chống lại tình trạng kém trang bị đến b. đạt của hầu hết các nước Á Phi và Nam Mỹ.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Kỳ tới: *Vai trò của các nước tiểu nhược tại Liên-Hiệp-Quốc.*

ĐUÔI BẮT ẢO ẢNH

2

Nguyễn-Hiển-Lê

(Xem tiếp B. K. số 115)

Nhưng rồi thời đó cũng qua, và có người lên tiếng :

— Chủ quan ! Vũ trụ là vũ trụ, vũ trụ sao là con tâm được ? Vạn vật sao lại là muôn đá nam châm, mà xuân phải đâu là trái cây, cái bánh, hay cặp má em bé mà cắn vào được ? Tưởng-tượng ! Các ông có say mê, điên cuồng, vạn vật cũng như vậy thôi. Vũ trụ không vô tình, cũng không hữu tình, không vì cặp mắt giai nhân mà thêm duyên, cũng không vì tình thần thác loạn của các ông mà thêm đẹp.

Xuân không phải chỉ có hoa có bướm, có « ngào ngạt hương bay », có « lá nỡn ngành non », xuân còn có mưa phùn gió bắc, có những đường quê lầy lội, những cánh lam lũ trên cánh đồng chiêm, những bước thất thểu trên con đê vắng. Mà sao tả xuân, các ông chỉ nghĩ đến những thiếu nữ, thiếu phụ, đến những mắt trong, những má hồng ? Nếu để ý nhìn kỹ vũ

trụ, các ông sẽ thấy xuân không luôn luôn nên thơ như vậy.

Còn biết bao cảnh khác nữa chứ : những anh phu xe cúi rạp mình leo một cái dốc, những bà già co ro trong manh áo rách ở những bờ ao hôi hám, những em bé xanh xao khóc ré lên trong những ổ rơm vì đói, vì bệnh.

Muốn tả chân tướng của vũ trụ, theo phái mới đó thì phải hoàn toàn khách quan, bỏ tất tưởng tượng đi, và nén con tâm xuống Flaubert bảo kẻ nào phô diễn tình cảm của mình trên trang giấy là đáng khinh, không phải là nghệ sĩ. Điên hay sao mà kể lể những tình yêu say đắm, những hồi ký đau đớn của mình, rồi tả những ngôi mộ của ông thân, bà thân, mà than gió với khóc trăng ? « Dùng trái tim của mình làm cái bàn đạp để đạt được một cái gì, là làm trò hề ! Họ là một bọn hề hết ráo ».

ĐUÔI BẮT AO ANH

Nén con tâm và mở rộng cặp mắt ra, mà nhận xét cho kỹ, thấy cái gì ghi cái đó, không thêm bớt, không chê khen. Cái gì không nhận xét được tận mắt thì phải tìm kiếm tài liệu đáng tin trong sách vở, phải điều tra, hỏi han những người đã thấy, kiểm soát lại lời của họ, rồi mới chép lại. Không thể tả xuân trong tron được, phải tả xuân ở một nơi nào nhất định, một lúc nào nhất định. Xuân ở làng Mọc khác xuân ở làng Bưởi, xuân ngày mừng ba khác xuân ngày mừng bảy; và nếu muốn tả Thăng Long dưới triều Lê - Chiêu - Thống trong một ngày xuân chẳng hạn thì ít nhất phải tới Hà-Nội để thấy cái không khí của trời xuân Hà-Nội, rồi lại tìm những di-tích thời Lê - Chiêu - Thống, đâu là dinh vua Lê, đâu là phủ chúa Trịnh, lại đọc các sách cổ xem thời đó hội hè ra sao, phong tục ra sao, nhà cửa cất theo lối nào, quần áo dùng những màu nào Flaubert muốn viết một tiểu thuyết lịch sử, tức cuốn Salammbô, đã tốn công từ Pháp qua Tây Á, qua Tunisie, rồi lại tra cứu hàng năm trong các thư viện; phải như vậy mới là diễn tả sự vật, mới thấy được cái chân tướng của vũ trụ.

Tôi chưa kiếm được bài nào tả xuân ở nước ta đúng theo chủ trương đó; xin tạm trích vài đoạn tả hè:

Trưa hè

.
*Trong thôn vắng, tiếng gà xao xác gáy,
Các bà già đưa vông hát, thiu thiu . . .
Nhưng đi con ngồi buồn lẽ bắt chấy
Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi kêu.*

.
Anh Thơ (Bức tranh quê).

Có lẽ lần đó là lần đầu tiên trong thơ Việt-Nam, xuất hiện những con đi con và những con chấy. So với hè của Ngô-Chi-Lan:

*Giò bay bóng lựu đỏ rơi bời,
Tựa gốc cây đa đứng nhờn chơi.
Oanh xọ tiếc xuân còn vỗ cánh,
Ến kia nhớ cảnh cũng gào hơi.*

thì như cách nhau mấy trùng dương, mà so với hè trong mắt các nhà lãng mạn cũng khác nhau xa quá. Nhưng các nhà lãng mạn ở nước ta có tả hè không nhỉ?... Tôi không nhớ nữa... Chắc có chứ. Song cái nắng hè không hợp với thuật lãng mạn của họ, nên không có gì cho tôi để ý tới cả.

Những nét vẽ người của phái đó mới sắc bén làm sao. Ta nghe họ giới thiệu một thầy lang:

« Anh chàng có cái mặt dơ-dáng thật. Mặt gì mà nặng chình-chình như mặt người phù, da như da con tằm búng, lại lấm tẩm đầy những tàn nhang. Cái trán ngắn ngắn ngắn ngắn, lại gồ lên. Đôi mắt thì híp lại như mắt con lợn sề. Môi rất nở, cong lên, bịt gần kín hai lỗ mũi con con, khiến cho anh ta thở khò khè. Nhưng cũng chưa tệ bằng lúc anh cười. Bởi vì lúc anh cười thì cái trán chau-chau, đôi mắt đã híp lại híp thêm, hai mí gần như dính tịt lại với nhau, môi càng lớn thêm lên, mà tiếng cười, toàn bằng hơi thở, thoát ra khò khịt ».

Họ khách quan cả những khi tả phái yếu, và đây là một đoạn tả thiếu-nữ mà tôi đã cắt bớt đi:

« Cái mũi (của Thị Nở). . . vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần-sùi

như vỏ cam sành... Quết trâu quánh lại, che được màu thịt trâu xám ngoách (của cặp môi)...

Nam Cao

Tả như vậy là tả chân và phái khách quan đó có tên là phái **tả chân**, đúng hơn là phái **hiện thực**. Họ tự hào là thần nhiên nhìn vũ trụ, thấy cái gì chép cái đó. Nhưng nhìn như vậy thì thường thường người ta thấy cái xấu, nhiều hơn cái đẹp, cho nên nhiều người trách họ là bi quan đầu sao; họ vẫn chủ quan không nhiều thì ít. Lời trách đó rất đúng. Làm sao mà ghi hết những nét của vũ trụ được? Muốn vậy thì chỉ tả nội một bông hoa thôi cũng phải vài trang giấy.

Mà có ích lợi gì đâu? Cho nên nghệ thuật là lựa chọn. Nội một việc lựa chọn đó cũng là chủ quan rồi, đừng nói đến việc ghi chép nữa. Nhưng ta phải nhận rằng phái hiện thực tuy chủ quan mà cố giữ cái vẻ khách quan, cố giấu tình cảm, không bô bô tuyên bố nó ra trong tác phẩm; họ xếp đặt cho sự thực tự nó nói lấy. Và sự thực của họ là một bi hài kịch. Vũ trụ đầy những mâu thuẫn, đáng cười mà đáng khóc.

Đúng vào lúc đó, khoa học bắt đầu phát triển mạnh. Claude Bernard mới xuất bản cuốn *Introduction à l'étude de la médecine expérimentale*, người ta tôn sùng khoa học, đổ xô vào khoa học, bất nghệ thuật phải theo con đường của khoa học.

Và một nhóm đồ đệ của phái hiện thực tuyên bố rằng nhận xét kỹ vũ trụ chưa đủ, phải nhận xét với óc khoa học của một nhà sinh lý học mới là đúng. Chỉ ghi cái bề ngoài của vũ trụ thì sao gọi là hiểu biết vũ trụ được. Vũ trụ bị luật-quyết-định chi

phối. Có nhân đó thì phải có quả này. Thấy quả nọ thì phải truy ra cái nhân kia. Con người do bản năng, tiềm thức giết dây, bản năng và tiềm thức lại do di truyền, do giáo dục, do hoàn cảnh, cũng như mưa do mây, mây do hơi nước và hơi nước do năng gió trên biển. Lang Rận của Nam Cao có bộ mặt dần dần như vậy là tại đâu? Tại cha mẹ hắn, hay tại bệnh tật? Hắn đề tiện đến nỗi gạ gẫm mụ Lợi, đẩy tớ nhà ông Cự rồi chuyện đổ bể, hắn xấu hổ quá phải tự tử trong nhà bếp là tại đâu, cũng phải tìm cho ra và ghi lại cho đúng nữa.

Tóm lại theo phái đó người ta gọi là phái **tự nhiên** thì nhà văn đúng hơn là nhà tiểu thuyết, phải như một nhà khoa học, giảng vũ trụ theo luật tự nhiên. Họ cũng đặt ra ức thuyết, cũng thí - nghiệm — thí - nghiệm bằng tưởng tượng nhiều hơn bằng nhận xét — rồi mới ghi chép như trong các phòng nghiên cứu. Zola, con người chủ trương rằng « tiểu thuyết phải là một thí - nghiệm thực sự » dùng ngay những luật về di truyền của một vài nhà bác học thời đó mà dựng tiểu thuyết Rougon Macquart. Sau ông ngã ngựa ra khi hay rằng những luật đó thiếu cơ sở khoa học. Thế là phái tự nhiên bị một vỏ nặng, mới nảy nở ở Pháp thì đã tàn ngay và may thay không có ảnh hưởng gì trong văn học Việt-Nam cả.

*
* *

Thuyết hiện thực ở trên không có gì mới mẻ. Thời nào, nước nào cũng có những cây bút tả đúng sự thực. Những bài *Thạch thử*, *Thất nguyệt tả xã hội bình dân* trong *Kinh Thi*, những bài *Khương*

Thôn, Tán hôn biệt, Thạch Hào lại... của Đỗ Phủ, những bài ca dao tả cảnh khổ của nông dân, cảnh bị ức hiếp của phụ-nữ, những đoạn tả Thúy-Kiều ở với Tú Bà... đều có tính cách hiện thực cả. Chẳng qua Flaubert sinh ở cuối một thời lãng mạn, phản động lại và có công có tài nhất, nên được nhắc nhở tới, và Nam Cao ở nước ta là một trong những nhà áp dụng thuyết đó mạnh mẽ nhất nên ta gọi họ là những nhà hiện thực.

Họ tả vũ trụ đúng hơn các nhà cổ điển và lãng mạn — đúng theo cái nghĩa có nhiều chi tiết hơn, ít chủ quan hơn — nhưng vũ trụ trong con mắt họ chỉ có cái bề ngoài, cái bề mặt hiển hiện có thể nhận xét được. Trong vạn vật, nhất là trong cái tiểu vũ trụ là con người « còn cả một thế giới cảm xúc mơ hồ, bản năng mờ mịt, xung động bí mật » huyền ảo hơn khói, hơi, hơn hương, bóng. Chỉ nghĩ tới những cái đó thôi nó cũng đủ tiêu tan đi rồi, nói gì đến xếp đặt, lý-luận như các nhà cổ điển ; ghi nhận diễn tả như các nhà lãng-mạn ; phân tích, tra cứu như các nhà hiện thực.

Những cái đó tế nhị quá, ta không có tiếng để mà diễn. Vì tiếng nào cũng chứa một nghĩa rõ ràng, chở một ý niệm hiểu được. Ta không thể dùng một cái sáng tỏ để ghi một cái mơ hồ. Rồi lối lý-luận mạch lạc của ta cũng không thể đạt được những liên lạc những tương ứng huyền ảo của nhiều cảm xúc, cảm giác. Ta dùng một lưỡi dao dày một phần trăm li để cắt một vật nhỏ một phần ngàn li thì làm sao cắt cho được ? Tóm lại, cái gì thực là cảm tình thì không thể diễn bằng ngôn ngữ thông thường ; nó chỉ có thể cảm được

thôi. Mà thơ có mục đích phải diễn được cái đó ; có vậy mới là thơ.

Diễn cách nào được bây giờ ? Ngôn ngữ đã bắt lực thì còn cách dùng nhạc vậy, vì nhạc cũng tế nhị như cảm xúc, nhạc gọi được cảm xúc. Cho nên thơ trước hết phải là nhạc. Sự phân đoạn ra làm phá thừa, thực, luận, kết là vô ích ; hơn nữa, là có hại. Luật bằng trắc cũng có hại. Nhạc đó là nhạc chết. Tới ý nghĩa, hình ảnh của tiếng cũng không quan trọng bằng thanh âm, tiếng có thể mất ý nghĩa đi, mà thanh âm sẽ gọi ra ý nghĩa. Hiểu theo nghĩa thông thường của mỗi tiếng mỗi câu, thì bài thơ có thể lủng củng, thiếu nhất trí, chẳng diễn, chẳng giảng cái gì cả ; nhưng ngâm lên, thanh âm nó nổi thanh âm kia, dều dặt nhau, hòa hợp nhau, tương phản nhau, gọi được một hình ảnh, một cảm xúc, một ý nghĩa mà ngôn ngữ không gọi nổi. Thơ đã thành một phép ảo giác, và nhờ thơ loài người mới hiểu được, nhập vào được, diễn được cái thế - giới huyền ảo nhất của vũ-trụ.

Tới đây ta đã bước vào một khu vực hoàn toàn mới, khu vực của phái **tượng trưng** mà Verlaine là người đã mở đường khai phá. Tại sao lại gọi là tượng trưng ? Verlaine cho rằng vũ trụ luôn luôn thay đổi mà sở dĩ con người hiểu được vũ trụ cũng là nhờ cảm xúc luôn luôn thay đổi. Không có gì là nhất định, là bất dịch. Sự thực chỉ là phản ảnh thoáng qua của thời gian, chỉ là nhịp điệu liên tục của đời sống nó bày rồi phá. Những cảnh biến chuyển của vạn vật đồng thời cũng phản chiếu sự biến chuyển của tâm tư con người, vì vạn vật do cảm giác của ta mà có ; nó ở trong ta, nó là ta. Vậy thì tả vũ trụ

tạp đa và biến thiên đó tức là kể cái bí ẩn của tâm hồn ta, và ta có thể nói rằng vũ trụ tượng trưng cho bản thể của ta, cho đời sống của ta : thiên nhân tương dữ.

Đứng về phương diện triết lý mà xét, tư tưởng đó có hình bóng của đạo Khổng trong kinh Dịch, và của đạo Phật trong thuyết hư vô. Nhưng trong thực tế các thi sĩ tượng trưng của Pháp Verlaine, Rimbaud, Mallarmé..., không đưa thơ lên những tầng cao của siêu hình học. Họ chỉ ghi tả những cảm xúc rất tế nhị, phức tạp của họ thôi. Họ phá bỏ những quy tắc làm thơ thời trước, lật đổ cả ngữ pháp, tạo ra thể thơ tự do. Từ nay nhà thơ không cần theo một luật lệ nào cả, chỉ theo cảm xúc của mình : muốn ngưng ở đâu cũng được, câu muốn dài bao nhiêu cũng được, mà muốn bỏ vần đi thì cũng được.

Một chủ trương táo bạo như vậy về thơ không có ở Trung - Hoa, ở Việt - Nam. Những bài từ của Trung-Hoa, những khúc hát ở Việt-Nam tuy có câu dài câu ngắn, nhưng vẫn phải theo sát bản nhạc. Còn những bài thơ *Cái chổi, Con cóc, Thằng bù nhìn* chẳng tượng trưng cho cái gì cả. Lê Thánh Tôn chỉ mượn vật để tả oai quyền hoặc chí hướng của mình. Người ta gọi là thơ khẩu khí, thực ra chỉ là loại thơ cổ gò cho thành khẩu khí. Những công thức Xuân thì trăm hoa đua nở, người đẹp thì má phấn môi son lại càng không phải là những tượng trưng ; như tôi đã nói chỉ là những nét đặc sắc quan trọng mà mọi người công nhận rồi dùng trong văn thơ cho tiện, cho gọn. Đến như bài *Tự thán* của Nguyễn-Trãi :

*Chiếc thuyền lơ lửng bên sông,
Biết ai tâm sự ngổ cùng ai hay ?
Chắc chi thiên hạ đời nay
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao ?
Đã buồn về trận mưa rào,
Lại đau về nỗi ào ào gió đông.
Mây trời nước chảy đôi dòng,
Chiếc thuyền hờ hững bên sông một mình.*

hoặc những bài thơ trong đó Lý Thương Ẩn dùng phép mập mờ, mượn hoa tàn để nói một người cung nhân ông thương thầm, yêu trộm, thì lại càng không phải là thơ tượng trưng. Các thi sĩ đó chỉ là không nói rõ mà viết bóng bẩy đấy thôi. Và lại ngày nay ta cho là khó hiểu, nhưng đương thời tác giả, nhất là đối với bạn bè thân thuộc, hiểu tâm sự tác giả, thì những bài đó rất rõ nghĩa.

Muốn gọi là thơ tượng trưng thì nhạc điệu của thơ phải thay đổi tùy theo cảm xúc của mình, câu thơ dài ngắn tùy ý ; sự bố cục vô dụng, ý nghĩa của mỗi tiếng cũng không quan trọng, quan trọng là thanh âm : (1) nó gọi cho ta hình ảnh, ý tưởng, cảm xúc ; nó tạp đa và thay đổi huyền diệu y như bản thể, đời sống của ta mà vũ trụ là một tượng trưng, tuy rộng rãi hơn, trường cửu hơn, nhưng rất trung thành.

Qui tắc như vậy, nhưng thực ra các nhà thơ tượng trưng còn lưu danh đến ngày nay như Verlaine, Rimbaud, Mallarmé — nhất là Mallarmé — vẫn chưa có hùng tâm li-khai hẳn với luật lệ làm thơ của các thời trước. Họ bắt chắp ngữ pháp — điều đó có, một đôi khi thôi — ; họ bắt chắp số cú pháp trong mỗi câu

(1) « Nhạc trước hết ».

ĐUÔI BẮT AO ANH

điều này chẳng mới gì, La Fontaine hồi xưa cũng đã như họ — ; nhưng họ vẫn không dám bỏ hẳn vần, không dám dùng những tiếng vô nghĩa. Thơ họ chỉ khác ở chỗ nhạc rất mới, âm thanh liên tiếp nhau, đùng chạm nhau gọi cho ta những cảm xúc lạ lùng, tế nhị, và những cảm xúc đó đưa ta vào chỗ huyền vi nhất của vạn vật.

Muốn hiểu thơ tượng trưng của Pháp phải đọc ít nhất là vài ba chục bài từ Baudelaire, Verlaine đến Claudel, Valéry. Ở đây tôi chỉ xin dẫn một bài của Verlaine bài *Il pleure dans mon coeur*. Nhan đề đó của người sau đặt ra, chứ không phải của Verlaine, Verlaine chỉ mượn câu thơ này của Arthur Rimbaud

« Il pleut doucement sur la ville »

mà đưa lên đầu thay cho tựa.

Il pleure dans mon coeur
Comme il pleut sur la ville
Quelle est cette langueur
Qui pénètre mon coeur ?

O bruit doux de la pluie
Par terre et sur les toits !
Pour un coeur qui s'ennuie,
O le chant de la pluie !

Il pleure sans raison
Dans ce coeur qui s'écoeure.
Quoi ! nulle trahison ?
Ce deuil est sans raison.

C'est bien la pire peine.
De ne savoir pourquoi,
Sans amour et sans haine,
Mon coeur a tant de peine.

Dịch nghĩa :

Nó khóc trong tim tôi
Như trời mưa trên châu thành.
Sự phẫn muộn nào
Nó nhập vào tâm tôi ?

Hỡi tiếng êm đềm của mưa
Dưới đất và trên mái nhà !
Đối với một trái tim chán nản,
Hỡi tiếng hát của mưa !

Nó khóc vô duyên cớ
Trong trái tim ngao ngán này,
Sao ! Không có sự phẫn bội nào chớ ?
Cái tang đó vô cớ.

Đúng là khổ tâm nhất
Mà không hiểu tại sao,
Chẳng yếu mà cũng chẳng oán,
Tim tôi đau khổ nhiều như vậy.

Bài đó trích trong tập *Romances sans paroles*. (Tình ca không lời) Đúng quá. Chỉ là một khúc tình ca, một khúc hát buồn, nhạc êm đềm và cảm động. Thi nhân ngâm lên nỗi buồn của mình mà không giảng được nguyên do ở đâu. Câu thơ rất ngắn : sáu cước. Mỗi đoạn có bốn câu mà ba câu một vần, còn một câu (câu nhì) không vần. Những tiếng lặp đi lặp lại như : *coeur* trong cả bài (hai lần trong đoạn đầu, và một lần trong mỗi đoạn sau, cộng là năm lần) ; rồi *pluie*, *pleut*, *pleure*, *sans raison*, *peine* ; và trong một câu : đã *coeur* lại *s'écoeure*. Những âm thanh êm đềm, lưu loát tựa như nước chảy trong hai đoạn đầu : *pleure*, *coeur*, *pleut*, *langueur*, *coeur* ; *pluie*, *coeur*, *s'ennuie*, *pluie*. Do đó mà đọc xong ta thấy một nỗi buồn thấm lặn vào tim ta, cái buồn vô cớ trong một ngày mưa.

Nhưng nếu phân tích theo lối cổ điển thì bài chẳng có mở, có kết gì cả, mạch lạc cũng không phân được. Văn thì như tôi đã nói, phá cả luật lệ, và phép hành văn thì hơi phóng túng. Chẳng hạn ta phải đoán mới biết câu :

Quoi ! nulle trahison ? là lời của một người hồi tác giả.

Bài đó không thể dịch ra thơ Việt — vì ta dịch được nghĩa của các tiếng các câu, chứ ai dịch được thanh âm, được nhạc — nhưng nếu dịch được mà đưa cho các thi nhân lớp cổ của ta đọc thì chắc các cụ liệng đi, không nhận nó là thơ. Ở Pháp nó là một bài nổi danh, được trích trong hầu hết các tập thi tuyển. Các cụ quen với lối làm thơ của Trung-Hoa, đôi khi dám phá niêm, phá luật nhưng ít nhất cũng phải có mở, có đóng, có bố cục, có ý nghĩa, nên không thể tưởng tượng được rằng thơ có thể chỉ là nhạc, rằng muốn diễn cảm xúc thì nhạc là quan trọng nhất, lấn được cả lời.

Phải đợi tới bài *Nguyệt cầm* của Xuân Diệu ta mới thấy phảng phất chút ảnh hưởng của phái tượng trưng trong thơ Việt :

Nguyệt cầm.

*Trăng nhấp vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ hỡi trăng
ngần !*

*Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.*

*Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh.
Linh lung bóng sáng bỗng rung mình.
Vị nghe vương tử trong câu hát,
Đã chết đắm rằm theo nước xanh.*

*Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời.
Đàn ghê như nước lạnh, Trời ơi.
Long-lanh tiếng sỏi vang vang hận :
Trăng nhớ Tâm - dương, nhạc nhớ
người...*

*Bốn bề ánh nhạc : biển pha lê ;
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề...
Sương bạc làm thành, khuya nín thở,
Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê.*

Ta đừng dùng lý trí để phân tích, tìm bố cục và ý nghĩa của bài đó mà cứ để âm thanh của các tiếng gico vào lòng ta một cảm giác lạnh-lẽo, buồn bã, lung linh và ghê rợn. Đó là một điều mới mẻ so với những bài khác đương thời. Nhưng hình thức vẫn là hình thức cũ : mỗi đoạn là một bài tứ tuyệt bốn câu bảy chữ, vần ở cuối câu nhất, nhì và tư ; nhất là nhạc thì vẫn theo niêm luật bằng trắc của thể Đường luật, vì vậy mà tôi không bảo là hoàn toàn tượng trưng.

Trong mười năm nay, những nhà dùng thể thơ tự do, có gần đủ tính cách của thơ phái tượng trưng nhưng phần nhiều nhạc lại nghèo nàn, thành thử thiếu điều kiện quan trọng nhất của thơ tượng trưng. Tại thi sĩ của ta thiếu tài, hay tại tâm hồn của ta và tính cách của Việt ngữ không hợp với lối thơ đó ?

*
* *

Như tôi đã nói phái Tượng trưng tuyên bố thì cách mạng lắm — bỏ hết luật lệ, ngữ pháp, ý nghĩa... — mà thực hành thì rất ôn hòa. Họ vẫn bị nghệ-thuật ám ảnh, quyến rũ và rút cút chỉ mới ở chỗ tạo được nhiều hình ảnh, nhiều âm điệu êm đềm thôi.

ĐUỔI BẮT ẢO ẢNH

Sau đại chiến thứ nhất, một nhóm thi-sĩ cho họ là bảo thủ, đòi quét sạch hết thảy tục lệ cũ.

Người cầm đầu là Tristan Tzara (có sách viết là Tristan Tsara) một người Lô-Ma-Ni. Năm 1916 Tzara bảo « Ông cứ bỏ tất cả các tiếng vào một cái nón rồi rút ra từng tiếng như ta rút thăm là thành một bài thơ. » Và ông đặt cho lối thơ mới đó là lối « đa đa » (dadaïsme), một tên vô nghĩa lý cũng như những bài thơ của ông. Rút thăm các tiếng rồi chấp lại thành thơ : thế là bao nhiêu lối phô diễn từ trước đều gạt bỏ hết. Khoảng 1919 một số người Pháp gia nhập phong trào, gieo sự hỗn loạn trong thơ, nghi ngờ hết thảy, phủ nhận hết thảy, phá bỏ hết thảy, nhưng rồi chẳng đi được tới đâu.

Đây xin đọc giả nghe Tzara tả vũ trụ và cảm xúc của ông ta :

Le monde

un chapeau avec des fleurs

le monde

un chapeau avec des fleurs

le monde

un violon jouant sur une fleur

le monde

une bague faite pour une fleur

*une fleur fleur pour le bouquet de fleurs
fleurs*

un porte cigarette rempli de fleurs

une locomotive aux yeux de fleurs

une paire de gants pour des fleurs

en peau de fleur comme nos fleurs fleurs

fleurs de fleurs et un oeuf (1)

Dịch nghĩa :

Thế giới

một cái nón với những đóa hoa

thế giới

một cái nón với những đóa hoa

thế giới

một cây violôn (1) đồn trên một đóa
hoa

thế giới

một chiếc nhẫn (2) làm cho một đóa
hoa

một đóa hoa hoa cho bó những hoa
hoa

một đót thuốc điều đầy hoa

một đầu máy xe lửa có mặt hoa

một đôi bao tay cho những đóa hoa

bằng da hoa như những hoa hoa hoa
của hoa của chúng ta

và một quả trứng.

Thực là quá tài tình. Thi nhân của ta đã có nhãn quang đuổi ngược thời gian, nhìn được cảnh hỗn loạn thời tạo thiên lập địa !

Bạn tưởng tới đó là cùng cực rồi ? Chưa đâu. Sau Tristan Tzara một năm, Guillaume Apollinaire tung ra thuyết siêu thực trong thi ca. Tả chân chưa phải là đúng ; phải vượt lên trên sự tả chân thì mới

(1) De nos oiseaux — Trích trong Histoire et théorie de la Versification Française của Jean Suberville — Edition de l'Ecole — Paris.

(1) Hiều là một kẻ vô lại thì cũng được.

(2) bạn muốn hiều là một cái vòng thì cũng không ai cấm.

phô diễn được mọi sự vật trong vũ trụ. Ông bảo muốn làm văn thơ phải cảm theo tự nhiên, chứ đừng bắt chước, ghi chép tự nhiên như các nhà nhiếp ảnh. Ông đưa một thí dụ: Loài người nhìn bước đi của người và vật — tức là nhìn tự nhiên — rồi cảm theo mà tạo được bánh xe. Bánh xe có giống chân người hay chân vật chút nào đâu. Nhà văn, nhà thơ siêu thực cũng vậy. Bỏ hết nhạc, điệu, vần, bỏ cả chêm câu, chỉ chép những tiếng, dù vô nghĩa lý cũng không hại, miễn là gợi được cái đời sống vô ý thức bần bạc trong vũ trụ. Bạn nên nhớ nhà tâm lý Freud lúc đó còn sống mà phương pháp phân tích tiềm thức của ông đương thịnh hành; và năm 1916, 1917 lại là những năm loạn nhất ở châu Âu, thì vũ trụ trong con mắt của các nhà thơ đó tất phải là một sự hỗn độn vô ý thức.

Tuy là sáng lập trường siêu thực, Apollinaire diễn tả vũ trụ và tâm tư còn có chỗ cho ta hiểu được hoặc cảm được. Ông có tài, ủ ấp một nỗi buồn kín đáo; thơ ông có nhạc, có vẻ huyền ảo, hư hư thực thực, rất đáng thưởng thức. Các đồ đệ của ông mới thật là hỗn mang. Đây thơ của họ:

Escalade

*Il fait chaud dans le ministère
la dactylographe sourit en montrant ses
lunettes.*

*On demande le Sous-Secrétaire
toutes les portes sont fermées
la statue du jardin est même immobile
les machines à écrire bégayent
et le téléphone insiste.*

Est-ce-que je vais savoir encore courir.

*La gare n'est pas loin
un tramway rampe jusqu'à Versailles.
On m'avait dit qu'il y avait un acci-
dent tout près d'ici.
Je ne pourrai donc pas entendre le
hennissement des nuages
La Tour Eiffel lance ses rayons aux
Iles Sandwich
Gutenberg 24-19.*

Phillippe Soupault

Dịch nghĩa:

Trèo lên

*Trong bộ nóng bức
Cô thư ký đánh máy chỉ cặp kính của
cô mà cười.
Người ta hỏi viên thư trưởng
tất cả các cửa đều đóng
tới pho tượng trong vườn cũng không
cử động
máy đánh chữ lấp bập
và điện thoại cổ nài.
Tôi còn biết chạy được nữa không đây.
Nhà ga không xa
một chiếc xe điện leo tới Versailles.
Người ta đã bảo tôi có một tai nạn
rất gần đây
Vậy tôi không thể nghe máy hi lên
được
Tháp Eiffel phóng tia tới quần đảo
Sandwich
Gutenberg 24-19*

ĐUÔI BẮT ÁO ÁNH

Ta cho là họ lập dị. Nhưng họ bảo rằng họ muốn vượt lên trên cái « thực » của vũ trụ, có vậy mới diễn tả nổi vũ trụ ; mà khi đã vượt ra ngoài cái thực thì chỉ còn thấy cái mộng trong đó sự liên lạc của đời sống không còn nữa. Đã không có sự liên tục của đời sống thì dấu chấm câu không cần dùng, những giới từ (nếu, mặc dầu, miễn là, và, hay là, hoặc...) cũng vô ích. Họ rất ghét so sánh vì so sánh là tạo một liên lạc, nên không dùng tiếng *như là*. Họ cố viết cho không thành câu, cố tìm những ý tứ, hình ảnh rời rạc, vô lý, chập chờn, mờ-mờ.

Đọc Jacques Prévert ta còn kinh hoàng hơn nữa. Philippe Soupault và đồng chí mới cắt hết liên lạc với cái thực đi, và nếu ta cố tưởng tượng mà lập lại được những liên lạc đó — nhiều khi rất khó — thì may ra ta còn hiểu được tác-giả ; đến Prévert mới thực là ngược đời, chuyên tâm làm trái lại thiên hạ để huyền hoặc ta. Henri Monier trong cuốn *Psychologie des styles* đã phân tích kỹ thuật của Prévert, tìm ra được non chục quy tắc quái đản mà tôi chỉ xin tóm tắt và giới thiệu dưới đây ba quy tắc chính :

1) Dùng sự ngẫu nhiên, gần như trò xò lô tô để tìm ý mới :

Trò đó như vậy : Hai nhà thơ hộp nhau, mỗi người viết một chữ vào một mảnh giấy rồi trao đổi lẫn nhau. Chẳng hạn người thứ nhất, viết chữ *cây bút*, người thứ nhì viết chữ *con gà*. Người thứ nhất viết tiếp vào miếng của bạn ý đã hiện trong óc mình khi viết chữ *cây bút* ; người thứ nhì cũng vậy. Rồi cả hai mở giấy ra coi, đọc : *cây bút cục tác, con gà cạn mực*.

2) Đem râu ông nọ cắm cằm bà kia :

Thí dụ : ta nói *trời trong* mà cũng nói *tiếng đồn trong như tiếng hạc* ; ta ghép lại thành : *trời trong như tiếng hạc*.

3) Duyên chị gán duyên em :

Hai từ ngữ có hai tiếng chị em với nhau ; ta mượn tình ruột thịt đó mà cho hai từ ngữ trùm lên nhau, kết hôn với nhau. Tôi đành phải mượn thí dụ của Prévert. Ông viết : *du tronc pourrissant d'un palmier académique* do : *tronc de palmier* và *palmes académiques* kết hôn với nhau. *Palmier* và *palme* là chị em ; ta gọi là B, B'. *Tronc* ta gọi là A, *académique* ta gọi là C. Ta có :

A B tronc de palmier

B' C palmes académiques

Prévert ghép lại thành A B C : *tronc d'un palmier académique*.

Tôi lựa dưới đây ít câu thơ trong đó Prévert đã áp dụng ba kỹ thuật trên để độc giả « thưởng thức » :

Xò lô tô :

*Un vieillard en or avec une montre
en deuil*

*Une reine de peine avec un homme
d'Angleterre*

*Et des travailleurs de la paix avec des
gardiens de la mer*

*Un hussard de la farce avec un dindon
de la mort*

*Un serpent à café avec un moulin à
lunettes*

*Un chasseur de corde avec un danseur
de têtes*

.

Coriège (Paroles)

Cảm râu ông vô cảm bà :

*Ecoulez comme elle craque le soir
l'armoire*

la grande armoire à glace

la grande armoire à rafraîchir

*la grande armoire à glace à rafraîchir
la mémoire des lièvres*

.....

Les grandes inventions. (Paroles)

Duyên chị gán duyên em :

.....

*L'écureuil caressant d'une fille neuve
et nue*

*Splendide souriante heureuse et impu-
dique*

*Surgissant à l'improviste d'un casier à
bouteilles ou d'un casier à musique com-
me une panoplie de plantes vertes vi-
vaces et phalliques*

*Surgissant elle aussi à l'improviste
d'un tronc pourrissant*

*D'un palmier académique nostalgique
et désespérément vieux beau comme
l'antique*

.....

Lanterne magique de Picasso (Paroles)

Trường Đa đa và Siêu thực đã ảnh hưởng tới thơ Việt. Nói ảnh hưởng thì không đúng hẳn. Vì hồi đầu đại chiến thứ nhì chỉ có một nhóm ba người chung nhau viết và xuất bản một tập nhan đề là *Xuân thu nhã tập*. Tập đó, cũng như mọi quái thai, mới chào đời đã chết liền, và ba thi nhân Đoàn-Phú-Tứ, Phạm-Văn-

Hạnh, Nguyễn-Xuân-Xanh, từ đó nín luôn, không « thai nghén » thêm nữa.

Tôi xin chép lại một bài của Nguyễn-Xuân-Xanh trong tập đó :

Buồn xưa

Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi

Hồn xanh ngát chờ dấu xiêm y

Rượu hát bầu vàng cung ướp hương

Ngón hương say tóc nhạc trầm mi,

Lãng xuân

Bờ giữ trái xuân sa

Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà

Nhài đàn rót nguyệt vú đôi thơm

Tỳ bà sương cũ đọng rừng xa

Buồn hương vườn người vai mới tươi

Ngàn mây tràng giang buồn muôn đời

Mối gọi mùa xưa ngực giữa thu

Duyên vàng dạ lỏng trái du người.

Ngọc quế buồn nào gọi tóc xưa

Hồn xa châu sách nhánh say xưa

Hiến dâng

Hiến dâng quả bằng hương

Hoàng tử nghiêng hồn vẩy tóc mưa.

Đường trần xây trái buổi du-dương

Thời gian ôi lướt hận chìm tường

Nguồn buồn lạnh lẽo thoát cung hơi

Ngọt ngào nhớ chảy tự trăm phương.

Thưa bạn, tôi đã phải đọc rồi chép từng chữ một, sợ sai, gần như chép một bài thơ Á Rập hay Ba Tư vậy. Có thể gọi là *Siêu siêu thực* vì bí hiểm hơn cả thơ Siêu thực của Philippe Soupault nữa.

ĐUÔI BẮT AO ANH

Bảo thơ của họ là vô nghĩa thì tất họ không chịu vì một bạn thân của Nguyễn-Xuân-Xanh — hình như Đình-Gia-Trình thì phải — đã giải nghĩa được bài thơ đó. Chẳng hạn hai câu đầu, người ta giảng như vậy :

Buổi chiều nhìn hoa quỳnh (hoa quỳnh nào mà nở vào buổi chiều nhỉ ? Tôi chỉ biết một thứ quỳnh hoa vào khoảng 11 giờ khuya mới nở, và sáng ngày đã khép lại, rũ xuống) nghe tiếng nhạc, ngửi hương, trầm mà trông thấy mi kỹ nữ thời xưa, làm cho hồn say sưa cái đẹp dĩ vãng (hồn màu xanh và ngát hương), mang dấu xiêm y của mỹ nhân múu khúc nghệ-thường.

Nhưng cái nghĩa đó họ không giảng cho ta thì không thể nào ta tìm ra được. Họ viết chỉ để cho họ đọc với nhau thôi, vậy ta cũng chẳng nên xen vào làm gì.

* *

Đại chiến thứ nhì tàn khốc gấp mười đại chiến thứ nhất. Người ta hoang mang hơn nên thấy vũ trụ hỗn độn hơn, và muốn thực hiện cái vũ trụ hỗn độn đó, người ta phải dùng một kỹ thuật siêu việt hơn ; và ngày 28-IX-1946 người ta đọc trong tạp chí Figaro Littéraire bài thơ *La rive du Capricorne* của Paul Guth mà tôi chỉ xin chép lại bốn câu :

Agouassarnime japouricai aria paiva
Agouassapoure janélé quaiiss arica mélé
Agouassacrouss poulipale oué maloca vie
Agouassacrouss janél poulipalé japal
agoua

Mất rồi, mất hết rồi, cả văn, cả điệu, cả ngữ pháp, cả từ ngữ, chỉ còn những âm thôi. Thơ đầy thừa bạn, thơ để diễn tả bờ cung Capricorne, cung Ma kết trong Hoàng đạo đây. Vũ trụ quả thực là huyền bí, mờ mịt, phi những lời thần chú của các thầy pháp da đen giữa rừng châu Phi thì không thể nào « hiện thực » nổi. Cũng là một cố gắng của một nhóm — không rõ được mấy người — nhóm chủ trương thuyết *Lettrisme* (tôi dịch là Tự âm), thuyết cho rằng chỉ dùng âm thanh của các mẫu tự mới diễn tả nổi vũ trụ.

Bạn hoang mang chóng mặt ? Tôi cũng vậy. Chúng ta đã cố theo gót họ, lên cao quá rồi, có lẽ sắp tới cung Ma-kết, tới lúc phải xuống thôi. Ta hãy bỏ khu vực thơ, xét khu vực văn xuôi xem phương tiện diễn tả có gì mới mẻ không. Ta trở lại thời đầu đại chiến thứ nhất. Một ngôi sao hiện rực rỡ trên văn-đàn thời đó : Marcel Proust.

(còn nữa)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Tháng 10-61, nhà xuất bản Sông Hương sẽ phát hành :

NỖI BUỒN CỦA ANH

— Thi-phẩm thứ ba của Thê-Viên

— Bìa : Ngọc Dũng — phụ bản : Lữ Hồ

Tác-phẩm mang nỗi buồn của thời đại, các bạn yêu thơ xin đừng bỏ qua.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

**Société Indochinoise de Documentation
et de**

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng

SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

GIA ĐÌNH

và HỌC ĐƯỜNG

Nguyễn-hữu-Phiếm

(xin xem B. K. từ số 115)

Như vậy phải hợp - tác như thế nào để có lợi cho gia - đình và học - đường, nhất là cho đứa trẻ ?

Có hai vấn-đề cần được đề-cập đến là vấn-đề giáo dục trong khuôn khổ học đường (thảo luận giữa một đoàn thể và ban giám-độc nhà trường hoặc ông hiệu-trưởng) rồi đến vấn-đề cá-nhân để giải quyết những nỗi khó khăn của từng học sinh (thảo luận giữa cha mẹ và thầy giáo).

Hội phụ-huynh học sinh.

Đã mấy năm nay ở các đô thị lớn nhỏ, không trường nào là không có một hội phụ-huynh học - sinh. Tuy những hội này chưa sát nhập để tiến tới tổng hội phụ-huynh toàn quốc và hoạt-động có rời rạc (tùy theo phương tiện của mỗi hội) nhưng ta cũng thấy sự cố gắng của các bậc cha mẹ để

hợp-tác với học đường. Vì thế bốn phận của phụ-huynh là gia nhập hội và tham-dự các buổi họp — nhất là buổi họp đầu niên — để rõ những điều kiện sinh hoạt của nhà trường ra sao, để nghe ông hiệu trưởng hoặc vị đại-diện của ông tường trình về những nỗi khó khăn sẽ gặp (lớp học cần phải sửa sang cho sạch sẽ sáng sủa, bàn ghế, dụng cụ sắm thêm). Có biết hoàn-cảnh của nhà trường mới sẵn sàng giúp đỡ con cái có nơi học tươm tất. Có gặp các thầy giáo, nghe họ giải - thích mới thấy sự nhiệt - tâm, thiện - chí của nhà trường. Vai trò của hội phụ-huynh học-sinh rất quan trọng. Chúng tôi đã có dịp thấy một vài hội sốt sắng với học - đường và giúp đỡ về mọi phương-diện (săn sóc đến sức khỏe của học-sinh, cấp học bổng cho các em nghèo mà học giỏi...) và nhờ có sự can thiệp cương quyết của hội, một vài con chiên ghê của giáo-giới đã bị sa thải hay chuyển đi nơi khác.

Nhưng hội phụ-huynh không nên can thiệp vào những phương-pháp giáo-khoa của nhà trường, hoặc phê-bình chỉ-trích giáo-sư về mặt chuyên-môn.

Họp từng nhóm

Ngoài những buổi họp nói trên — có tính-cách một đại hội-đồng giữa hội phụ-huynh với học-đường, còn có thể tổ-chức những cuộc họp từng nhóm giữa một số cha mẹ học-sinh trong một lớp học (hay một vài lớp trình độ học ngang nhau) với thầy hay cô giáo. Mỗi kỳ họp, thầy giáo nêu ra một vấn-đề để thảo-luận (thí-dụ bàn về việc học của trẻ ở gia-đình, lười-biếng, trẻ a-dua, vấn-đề thưởng, phạt v. v...) rồi yêu-cầu thỉnh-giả nêu những thắc mắc, hay nguyện-vọng của mình ra. Những cuộc hội thảo này rất bổ-ích. Thấy giáo chỉ ở đây để điều-khiển cuộc thảo-luận (chứ không khuyên hay dạy) và mỗi vị phụ-huynh sẽ thấy rằng những vấn-đề nêu ra không riêng gì của mình, vì vậy không nên quan trọng hóa. Dần dần hai bên gia-đình và học-đường sẽ hiểu nhau hơn, cha mẹ thấy thấy không « cách tròng » như họ lầm tưởng, và thấy giáo nhờ có những buổi họp này biết rằng có nhiều vị hơn mình về kinh-nghiệm giáo-khoa, có thể giúp mình nhiều trong công cuộc dạy dỗ con em.

Tuy nhiên để làm sáng tỏ và để giải-quyết những vấn-đề riêng của mỗi học-sinh cần có một cuộc trao đổi ý kiến giữa cha mẹ học sinh đó

với thầy giáo, hoặc gián-tiếp, hoặc trực-tiếp.

Cuốn học-bạ :

Thường thường mỗi tháng hay mỗi tam hoặc lục cá-nguyệt, nhà trường gửi cho cha mẹ học-sinh một cuốn học-bạ trong ấy có ghi điểm các bài thi, lời phê-bình của mỗi giáo-sư và của ông hiệu-trưởng. Ngoài ra thỉnh thoảng nhà trường cũng viết thư hỏi gia-đình lý do vắng mặt của đứa trẻ hoặc báo cho biết những việc xảy ra ở trường.

Về phía cha mẹ, các vị này viết thư cho ông hiệu-trưởng mỗi khi đứa trẻ đau yếu (cần phải nghỉ để điều-trị) hay những việc xảy ra trong gia-đình khiến bài vở không làm kịp.

Nhưng nếu có những vấn-đề khó khăn khiến cho cha mẹ học-sinh phải thắc mắc lo ngại (hạnh-kiểm xấu, sự học mỗi ngày một kém sút...) thiết tưởng không nên ngần ngại viết thư xin gặp ông hiệu-trưởng hoặc giáo-sư — trong một ngày giờ cùng địa-điểm nào đó — để khỏi mất thì giờ nhà trường, tức là ông hiệu-trưởng (ngày nay có khi phải điều-khiển một trường có hàng trăm hay hàng ngàn học-sinh) hay giáo-sư (phụ-trách một lớp học, 50, 60 trẻ).

Và có khi chính thầy giáo hay ông hiệu-trưởng, trong những trường-hợp khẩn-cấp, nên mời cha mẹ học-sinh tới trường để bàn bạc về đứa trẻ, tỏ cho các phụ-huynh biết nhà trường sẵn sàng cộng-tác với gia-đình, thực tình săn sóc đến con em

Trong cuộc xúc-tiếp giữa cha mẹ học-sinh và thầy để giải-quyết những nỗi khó khăn của đứa trẻ, hay giải-thích mọi sự hiểu lầm hoặc để trình bày ý-kiến dị-đồng, mỗi bên cần có một thái-độ hoà nhã, một ý chí hoà giải, dẹp ra một bên tự-ái của mình, đặt quyền-lợi của đứa học trò trên hết. Vì vậy cha mẹ không nên quá tin lời trẻ và nên biết rằng có nhiều đứa mặc dầu không định xuyên tạc nhưng khi kể lại với nhà, không được khách quan, có thể bóp méo sự thật được.

Còn thấy giáo nhớ gặp phải đứa học trò ngỗ nghịch, hỗn sược vô kỷ-luật, không nên cho rằng mình bị miệt-thị, mà phải hết sức bình tĩnh, đóng vai một quan-sát viên hay trọng tài, để nhân cơ-hội này xem đứa trẻ sống trong hoàn-cảnh nào ngoài học-đường, để hiểu tâm-lý cha mẹ và đồng thời hiểu hành-động của con họ.

Được như vậy, cuộc hội đàm kia sẽ có lợi cho cả hai bên, mọi sự hiểu lầm sẽ tiêu tán và chắc chắn là việc giáo-dục đứa trẻ có hiệu quả hơn.

Hợp-tác trên lãnh-vực nào ?

Trước hết đề biết về sức khỏe của học-sinh.

Ngày nay không những chỉ cha mẹ mới chăm lo đến sức khỏe của con, mà thấy giáo ngoài việc rèn luyện trí và đức dục cũng có nhiệm-vụ, săn sóc đến thể dục nữa, vì sức-khỏe có ảnh-hưởng đến việc học. Có nhiều trẻ, nhất là khi ở vào tuổi dậy-thì, đang trải qua những cuộc khủng

hoảng (crises de croissance) thấy trong người bứt rứt, mệt mỏi và thường bị kết vào tội lười hay đãng trí. Hoặc sau mỗi trận ốm dậy học thấy không được hăng hái và sút kém.

Vì thế hai bên gia-đình và học-đường cần phải cho nhau biết tình-trạng sức khỏe của đứa trẻ hoặc những tật nó mắc mà không ai để ý tới. Chẳng hạn không hiểu nghĩa bài giảng hay không nhắc lại được vì nặng tai; làm lỗi khi chép bài trên bảng vì cạnh-thị.... Bất nó đòi chỗ chưa đủ, thấy giáo còn phải báo cho cha mẹ đứa trẻ biết để họ đem con đi chữa.

Ngoài sức khỏe ra cha mẹ và thầy thường thảo luận về việc học của đứa trẻ.

Nhất là lúc nào nó học không tấn tới. Có khi nhờ những cuộc xúc-tiếp ấy mà đứa trẻ phần khởi chăm học hơn vì yên trí rằng ai nấy đều săn sóc đến mình.

Nhưng có nhiều vị phụ-huynh đòi hỏi nhiều quá, đặt nhiều kỳ-vọng vào con, không biết khả-năng trí thức của nó, cảm thấy xấu hổ, nhục khi đứa trẻ không làm hài lòng họ, thí dụ không được xếp hạng cao, thi rớt, học lại, rồi bao nhiêu tội lỗi qui vào nó. Lúc ấy thấy giáo ở vào địa vị khách-quan, sẽ giải thích cho họ hiểu không nên ép đứa trẻ học quá sức, đừng so sánh con với các bạn nó, và điều cần để ý là xem nó có chịu khó, cố gắng hay không, thể thôi. Nếu nó kém về môn nào có thể cho nó học thêm.

Nếu đứa trẻ lười (câu lười thường được nhắc đến một cách bừa bãi), không thiết học hoặc không chăm chú về một môn nào đó chẳng hạn (chính tả, toán, sử địa...) sự hợp-tác giữa gia đình và học-đường càng cần để tìm ra nguyên nhân sự lười kia.

Có thể như trên đã nói, vì lý-do sức-khỏe, nhưng nhiều khi vì những lý-do khác khó tìm được, bắt nguồn ở những kích-thích, xung-đột ngầm ngấm trong tình-cảm mà có khi cha mẹ và chính đứa trẻ không ngờ tới, nhưng người ngoại cuộc tinh ý đoán ra (thí-dụ gia-đình lục-đục, bỏ vừa mới tục-huyền, mẹ đi tái-giá, hoặc mẹ mới sinh em bé, một người thân yêu bắt hạnh qua đời, đứa trẻ cảm thấy lẻ loi; bị bỏ rơi, hắt hủi nên không nghĩ đến học...). Trong khi đề cập đến những vấn-đề này với các phụ-huynh, dĩ-nhiên thấy giáo cần phải khéo léo, tế-nhị lắm mới giải-thích cho họ hiểu vì những lý-do kia mà đứa trẻ biếng học, và nếu tự xét mình bất lực không thể giải-quyết được, có thể khuyên họ đi hỏi một trung-tâm giáo-khoa tâm lý (có đủ các nhà giáo-dục chuyên môn, bác-sĩ, giáo-sư, nhà tâm-lý học, tâm-phân học, cán-bộ xã-hội...). Trung-tâm này sẽ đứng ra làm trung-gian để giúp gia-đình lẫn đứa trẻ. (1)

Mauco một nhà giáo-dục lão-thành có tiếng đã viết về những học-trò ngộ-nghịch, hỗn, vô kỷ-luật khiến học-đường và gia-đình phải lo ngại :

(1) Hiện thời ở Việt-Nam chưa có những cơ-quan này.

« Thường thường chúng là những trẻ thiếu tình yêu ở gia-đình, và bị cha mẹ đánh đập nên đòi với bất cứ ai nó cũng chòng đòi. Thấy càng phạt càng đánh nó càng hỗn. Không đánh ư, nó sẽ hoang mang và tìm mọi cách để khiêu khích vì có khiêu-khích mới hả được những nỗi uất-ức trong lòng. Nếu thấy không nao núng — vì đã biết đứa trẻ hờn oán gia-đình — tự khác nó sẽ không bầu víu vào đâu để làm dữ được, tình thấy trò vẫn giữ được nguyên vẹn và sự cảm-hóa nó cũng sẽ được dễ dàng.

« Một trong những nguyên-nhân khiến cho thấy giáo mệt mỏi, bức mình là khi nào gặp phải những học sinh loại trên, rồi có những phản-ứng tình-cảm mãnh liệt do thái-độ của chúng gây nên. Vì tui là một giáo-chức, ngoài kiên-thức ra cũng cần được huấn-luyện thêm về giao-tê nhân-sự (với cha mẹ học-sinh và học sinh) nhất là trên lãnh-vực tình-cảm ».

Có thâu được những nỗi khổ-tâm lo lắng, bất mãn của đứa trẻ mới có thể khuyên nhủ cha mẹ nó nghĩ lại để có một thái-độ thích-hợp hơn.

Đối với bạn :

Nếu cha mẹ thường hỏi học-đường về việc học của con, trái lại thấy giáo cũng nên cho gia-đình biết thái-độ của đứa học trò đòi với bạn hữu ra sao, vì nhiều khi đứa trẻ có hai nếp sống khác hẳn nhau ở nhà và ra trường, thấy hay cha mẹ chỉ nhìn thấy một khía cạnh thôi.

Vấn-đề này quan-trọng hơn là vấn-đề giao-thiệp giữa thầy và trò. Chúng tôi nhớ hồi còn học ở trường Bưởi, có một học-sinh mà cả trường đều đặt cho biệt-hiệu «chó săn». Quả nhiên về sau anh làm nghề này cho Pháp.

Một học-sinh không thích-nghĩ được với học-đường sẽ có hai thái-độ: hoặc nhút nhát quá (giờ chơi đứng riêng một chỗ, thầy đám cãi nhau là vội lảng thật xa, thiếu tự-tin, tự-xét mình vụng về, hậu đậu ...), hoặc tai ngược quá, thích chòng ghẹo, đánh nhau...

Trẻ nhút nhát thường là trẻ được «cưng» chiều quá. Bề ngoài tuy có vẻ hiền lành nhưng thật ra là đứa tâm ngầm, trong thâm tâm có những nỗi bức dọc, lo-âu ngầm ngầm. Nếu cha mẹ hay thầy không biết sớm để áp-dụng một phương-pháp giáo-dục thích ứng, một ngày kia chính những trẻ đó là đứa liêu-linh, bạo-động nhất. Còn đối với loại dưới, như trên đã nói, sở-dĩ nó ngỗ nghịch vì không được vững-tâm, không được triu mến ở gia-đình, hay bởi tại chúng không phải trẻ thông-minh, nên phải lấy sức

khỏe « đề người », lấy « võ-lực » ra để khỏi thua chúng bạn.

Ngoài những vấn-đề trên, thiết tưởng cha mẹ và thầy cũng nên trao-đổi ý-kiến về vấn-đề giải-trí, thể-dục, thể-thao, chọn bạn, xử-dụng tiền túi v..v... Sau hết, vấn-đề hướng-nghệp có liên-hệ đến tương-lai cũng cần được đề-cập đến khi đứa trẻ sắp bước khỏi ngưỡng cửa trường trung-học để vào đại-học hay một trường kỹ-thuật.

Kết - Luận

Ngày nay giáo - dục là một công cuộc phức tạp, cần có sự cộng-tác của gia-đình, học-đường và xã-hội. Thầy giáo và cha mẹ cần phải biết nhau, cùng phải chung góp sức để giúp đứa trẻ giữ được thể quân-bình giữa hai đời sống khác nhau là gia-đình và học-đường. Nếu có sự hòa-hợp giữa thầy và cha mẹ đứa trẻ sẽ nảy nở đều hòa trên mọi lãnh-vực trong suốt thời-gian ngồi ở ghế nhà trường cũng như sống ở dưới mái gia-đình.

NGUYỄN-HỮU-PHIÊM

Đa nghi

Walter Scott, trong cuốn « *Quentin Durward* », đặt câu nói sau này vào miệng Louis XI, vị quân vương nước Pháp nổi tiếng là đa mưu túc trí :

« Bội phản ngồi ngay nơi bàn tiệc của chúng ta, nó sáng ngời trong lý chén, nó mang bộ râu của các vị cổ vấn, nó giả bộ cười cái cười ở chốn triều-trung, nó ẩn nấp dưới vẻ thân thiện của một thù địch đã trở lại làm hòa với mình. Louis d'Orléans vì tin Jean de Bourgogne mà bị ám hại tại đường Barbette ; Jean de Bourgogne vì tin đảng Orléans mà bị ám hại trên cầu Montereau. Phần ta, ta không tin ai cả ».

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

III.— Hai ngành chính của

Trần-hương-Tiê

PHONG-TRÀO TRIẾT HIỆN-SINH

Ngay trên đất quê-hương của nó, Triết Hiện-Sinh cũng đã gặp phải nhiều ngộ nhận, và ngộ-nhận đáng tiếc nhất là người ta « chỉ biết có triết Hiện-sinh vô-thần của Heidegger và của Sartre, và coi đó là tất cả nền triết-lý Hiện-sinh », (MOUNIER, *Introduction aux Existentialismes*, p. 13-14) Cho nên chúng ta đừng quá bỡ ngỡ khi thấy ở trời Việt-Nam này, người ta vơ đũa cả nắm khi nói về Triết Hiện-sinh.

Thực ra, có tất cả một Phong-trào quảng đại về tư-tưởng hiện-sinh, thành thử không những có ít là hai ngành chính như chúng tôi sẽ phác ra dưới đây, mà các triết-gia trong cùng một ngành, như Marcel và Jaspers cũng khác nhau nhiều lắm. Tuy nhiên còn một điểm nữa cũng cần được làm sáng tỏ : chắc bạn đọc thắc mắc khi thấy chúng tôi nói quá nhiều về các triết gia Hiện-sinh, và không thấy nhắc gì đến các triết-gia khác. Vì thế, trước khi giới thiệu

hai ngành chính của Phong-trào Hiện-sinh, chúng tôi thấy cần xác-nhận về hiện-tình tư-tưởng triết-học ngày nay.

Về điểm này, tức tình hình tư-tưởng triết-học ngày nay, chúng ta có những tài liệu đầy đủ sau đây. Trước hết là thiên khảo-luận của Giáo-sư Jean Lacroix, in trong bộ *Bách-Khoa Pháp*, cuốn XIX, xuất bản năm 1957, nhan - đề là : « Dân tới những triết-thuyết hiện-đại » (*Cheminement vers les philosophies contemporaines*). Thứ đến, bộ *Bách - Khoa Chòm Sao* (*Encyclopédie de la Pléiade, Histoire des Littératures*, t.III, p. 1353-1363), qua một chương sáng sửa và súc-tính, cũng cho ta một cái nhìn khá đầy đủ về « Văn-chương và Tư-tưởng của quăng giữa thế-kỷ » (*Littérature et Idéologie au milieu du siècle*). Rồi chúng ta còn có hai cuốn sách : « *Situation de la philosophie contemporaine* » (Hiện-tình của triết-học ngày nay)

HAI NGÀNH CHÍNH CỦA PHONG-TRÀO TRIẾT HIỆN-SINH

của Giáo-sư S. Breton, và cuốn « *Regards sur la philosophie contemporaine* » của học-giả H. Duméry. Toàn là những cái nhìn mới nhất cả ; vì thiên biên khảo của Giáo-sư Gaetan Picon, in trong Bách-Khoa Chòm Sao, mới xuất bản năm 1958, cuốn sách của H. Duméry xuất-bản năm 1956, và cuốn sách của S. Breton xuất bản năm 1959.

Trừ cuốn của Duméry không có giá-trị tổng-quát (vì chỉ là những bài đã lần lượt in trong tuần-báo, rồi sau đó xuất bản thành tập), còn các văn-kiến kia đã nhận-định gì về tình-trạng triết-học hiện-đại ? Theo S. Breton, thì hiện nay chỉ có hai trào-lưu tư-tưởng : trào-lưu Mác-Xít và trào-lưu Hiện-sinh. Cái nhìn của Breton không hoàn toàn bao-quát hết mọi triết-thuyết hiện còn được giảng dạy và học theo, chẳng hạn chúng ta vẫn thấy thuyết Hegel được đề cao qua những tác-phẩm của J. Hyppolite và Erick Weil, và thuyết Bergson vẫn còn được truyền tụng nơi những đồ-đệ như Maurice Pradines, Jacques Chevalier, Jean Guilton và qua những sách giáo-khoa của những tác-giả tôn sùng Bergson như P. Fouquié. Hơn nữa, chúng ta còn phải kể đến học thuyết Saint Thomas vì thuyết này vẫn giữ vững chủ-quyền nơi các học-viện Công-giáo, và có những triết-gia tên tuổi như Jacques Maritain và Etienne Gilson làm đại diện.

Giáo-sư Picon cũng một nhận-định như Breton. Đối với ông, triết-học hiện-đại là triết-học hiện-sinh ; trong chữ hiện-sinh này, Picon gồm cả triết Hiện-sinh và triết Mác-Xít :

« Người ta không còn tranh-luận về thuyết Duy-trí hay thuyết Trực-giác nữa, nhưng người ta đã nêu lên những vấn đề quan trọng và sâu xa hơn : vấn-đề thân-phận con người và vấn-đề hướng đi của lịch-sử. Tất cả triết hiện-đại đều là triết hiện-sinh, theo nghĩa rằng triết-học không còn tự vấn về tri-thức con người nữa, nhưng chỉ tự vấn về ý-nghĩa của cuộc sống. Ba thuyết hiện đang chạm trán nhau là : thuyết Nhân-vị Công-giáo, thuyết hiện-sinh vô thần và thuyết Nhân-bản Mác-Xít. Từ năm 1945, do tiếng nói của Merleau-Ponty, của Sartre và của Simone de Beauvoir, xem ra thuyết Hiện-sinh đã trở thành thuyết trội nhất ». (G. Picon, *Littérature et Idéologie au milieu du siècle*, Histoire des littératures, t. III, p. 1360).

Picon đã mạnh bạo quả quyết « tất cả triết hiện-đại là hiện-sinh » (Toute philosophie contemporaine est existentielle). Nhưng ai không theo sát bước đi của các trào-lưu tư-tưởng không khỏi nghi rằng ông nói quá ; họ tự hỏi : vậy sao ở các Đại-Học Pháp vẫn dạy Descartes, Kant, Hegel, Bergson v.v. ? Thì chúng tôi xin thưa thay : triết-học là một truyền-thống, và các thuyết ngày nay như Hiện-sinh và Mác-Xít chỉ có thể hiểu được nếu chúng ta ngược dòng lịch-sử để tìm hiểu những thuyết đi trước chúng và chúng là những phản-ứng cụ-thể. Không thuyết nào tự nhiên mọc lên ; hoặc tự trời rơi xuống ; nhưng mỗi thuyết đều phát-sinh do những thuyết đi trước nó : chính vì suy-nghĩ và thấy rằng các thuyết trước kia không giải-quyết được những vấn-đề

đề nặng trên tâm-trí con người, những triết-gia mới đã tìm ra được những thuyết mới. Cho nên nói các thuyết kia được giảng dạy trong các trường Đại-Học thì khác, và nói chúng còn hiệu-lực hướng dẫn tâm - trí con người không, lại là một truyện khác. Thành thử, dầu muốn dầu không, các học - giả đều phải công nhận sự kiện hiển-nhiên đó : triết Hiện-sinh là triết của ngày nay.

Muốn chắc hơn về điều quả-quyết đó, chúng ta thử đi hỏi những người chuyên môn nhất về vấn-đề này. Thì chúng ta có bộ *Bách Khoa Pháp*, do các Giáo-sư Đại-học và những học-giả nổi tiếng nhất của Pháp biên soạn. Cuốn XIX của bộ sách này dành riêng cho Triết-học và Tôn giáo. Nhìn vào phần I, tức phần kê khai những khuynh-hướng triết-học hiện-đại, chúng ta thấy kể đến những học-phái suy nghiệm (*philosophie réflexive*), học-phái Tinh - thần (*philosophie de l'esprit*), học-phái hiện-sinh (*philosophie de l'existence*) và học-phái Duy-vật biện-chứng, tức Mác-Xít (*Matérialisme dialectique*). Tuy nhiên, qua lời nói của J. Lacroix, bộ biên-tập đã đưa ra những nhận-định sau đây :

Đầu thế-kỷ XX là thời kỳ rời rạc, triết-học như người thiếu máu, nhợt nhạt và yếu ớt, cho đến khi được tiêm sinh-khí mạnh mẽ do bốn triết-gia mà Lacroix gọi là « Bốn B vĩ-đại » (*les quatre grands B*) : *Boutroux*, *Bergson*, *Blondel* và *Brunschvicg*. Bốn thuyết này có chung nhau một điểm là : đề cao vai trò của tinh-thần con người. Riêng Bergson là người có ảnh hưởng sâu rộng nhất thì lại có khuynh-hướng bỏ xa lý

trí để nhập vào « dòng ý-thức ». Jan-kélévitch đã tóm tắt chủ-trương của thuyết Bergson thế này : « ý-tưởng nòng-cốt của thuyết Bergson là : quan niệm rộng không ; còn tinh-thần thì đầy ứ ». Nghĩa là tất cả những quan niệm chẳng qua chỉ là những bọt nước trôi nổi mà thôi, chính « dòng ý-thức liên li trong ta » mới thực là chính sự.

Tuy nhiên, từ năm 1950 đến nay, bộ mặt của triết-học đổi hẳn, đến nỗi Lacroix đã không ngần ngại viết : « Thoạt nhìn, xem như triết của năm 1950 chống lại triết năm 1900. Hồi đầu thế-kỷ, thuyết Duy-tâm phê-luận toàn thịnh ; đó là thứ triết vô nhân-vị, đặt tinh-thần ra ngoài cuộc sống sinh-hoạt, cho nên tinh-thần không biết chi đến cuộc sống cũng như Thượng-đế của Aristote không biết chi đến vũ-trụ .. Trái lại, triết-học ngày nay đã đưa tâm-trí về với cuộc đời. Triết-học ngày nay chú-trọng tìm hiểu con người tại thế ». Nói cách khác, triết ngày nay là triết Hiện-sinh, và mục đích là giúp con người hiểu ý-nghĩa cuộc sinh-tử của mình. Triết Hiện-sinh không chối bỏ những giá trị tư-tưởng của bốn B vĩ-đại tức *Boutroux*, *Bergson*, *Blondel* và *Brunschvicg*, nhưng nó đã vượt qua giai-đoạn đó và tiến sang giai-đoạn mới của ngày nay, vì, và đó là lời kết-thúc của Lacroix, « nhiệm vụ của tinh-thần chẳng phải là luôn luôn vươn lên trên lý trí và sát-nhập những sở-đắc của mình lại thành bản-chất của mình ư ? » (*Encyclopédie Française*, t.XIX, p.19041-19045, toát lược).

HAI NGÀNH CHÍNH CỦA PHONG-TRÀO TRIẾT HIỆN-SINH

Tóm lại, chúng ta thấy các học-giả đồng thanh công-nhận triết Hiện-sinh đang giữ vai chủ-động chính-yếu, và đại-diện cho nền tư-tưởng hiện-đại. Tuy chúng ta vẫn phải học hỏi và nghiên-cứu về các thuyết đã qua như thuyết Platon, thuyết Descartes, thuyết Kant, thuyết Bergson, nhưng lịch-sử triết-học vừa bước sang

một giai - đoạn khác, giai - đoạn Hiện - sinh. Mà lịch - sử đã đi thì không trở lại, cho nên để trả lời về địa - vị của triết Hiện - sinh trong tư-tưởng hiện-đại, chúng ta phải nhận rằng : triết hiện-sinh là triết hiện-đại, và tư-tưởng Hiện-sinh là phần đóng góp của thế-hệ hôm nay vào lịch - sử văn - hóa nhân-loại.

Trên đây, chúng tôi lấy nền triết-học hiện - đại của Pháp làm điển-hình. Chúng tôi làm thế, vì biết rõ nền văn - học của Pháp hơn, và cũng vì nước Pháp được coi là đứng hàng thứ hai trên thế-giới về văn-hóa và riêng về triết-học, liền sau nước Đức là lò luyện ra nhiều triết-gia vĩ-đại nhất. Thực ra, như chúng ta sẽ thấy dưới đây, những triết-gia lớn nhất

ngày nay đều thuộc về hai nước Đức và Pháp.

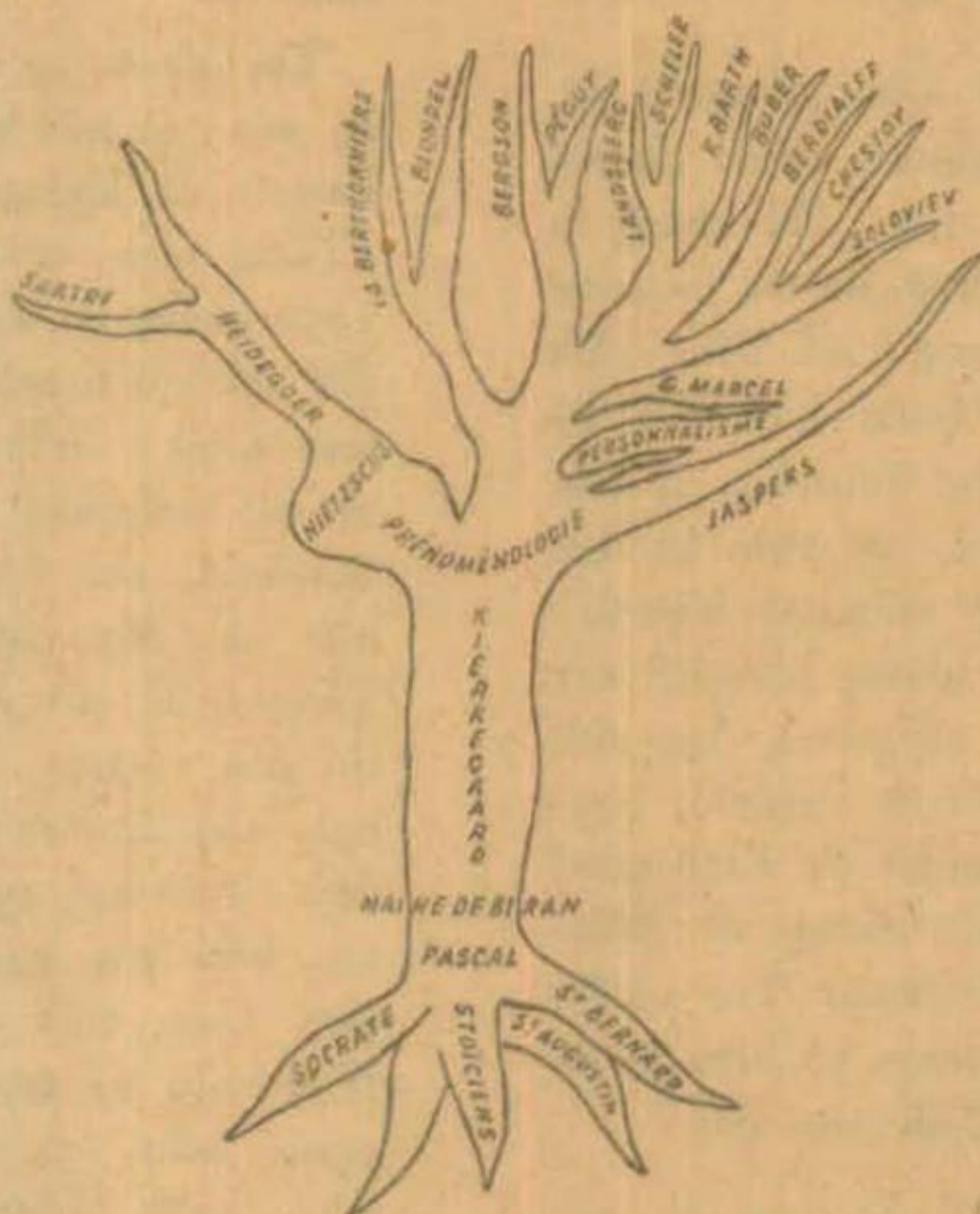
*
* *

Sau vấn-đề phụ-thuộc đó, bây giờ chúng ta hãy trở về vấn-đề chính của chúng ta trong bài này là tìm hiểu những khuynh-hướng khác nhau của trào-lưu Hiện-sinh.

Để dễ có một cái nhìn tổng-quát về toàn - thể các triết-gia Hiện-sinh, chúng tôi nghĩ không gì bằng vẽ lại đây Cây Hiện-sinh của Mounier (op. cit. p. 11)

Có vài điểm, hình như Mounier đã sơ ý, cho nên không được đích-xác lắm. Chẳng hạn ông cho Péguy là hiện - sinh thì còn nghe được, chớ nói Bergson, Blondel và La Berthonnière là hiện-sinh, thực là xa xôi và chúng ta khó nhận lắm.

Một điểm sai nữa trong đồ-hình Cây Hiện-sinh của Mounier là đã coi Nietzsche như một ngành của thân cây Kierkegaard : các học-giả ngày nay đã cho ta thấy ai là những ông thầy tư-tưởng của Nietzsche. Những ông thầy đó là : Goethe, Schiller và Schopenhauer. Theo những nghiên-cứu



L'ARBRE EXISTENTIALISTE

của J. Wahl, thì Nietzsche chỉ nói đến Kierkegaard có một lần mà thôi, và chỉ nói thoáng qua trong một câu truyện ký - sự. Vì thế chúng tôi nghĩ phải vẽ cây Hiện-sinh có hai thân, thân Kierkegaard ở bên hữu với những rễ Pascal, Saint Bernard và Saint Augustin, còn thân cây bên tả là Nietzsche với những rễ Luther và Schopenhauer. Rễ Socrate nên mang về phía hữu cho Kierkegaard, vì Kierkegaard chịu ảnh hưởng Socrate rất nhiều, còn Nietzsche thì lại ghét và luôn luôn nguyên rửa Socrate. Như vậy hai cây Hiện-sinh đã có những cội rễ khác nhau, cho nên cũng sẽ có những ngành khác nhau.

Cây Kierkegaard bắt nguồn nơi những truyền-thống Hy-Lạp (Socrate) và Thiên-Chúa-Giáo (Saint Augustin và Pascal) cho nên ngành Hiện-sinh do cây này phát ra cũng tỏ ra trung-thành với truyền-thống, mặc dầu những cải-cách sâu xa do thuyết Hiện-sinh mang đến. Trái lại cây Nietzsche bắt nguồn nơi những tư-tưởng đi ngược chiều với truyền-thống Hy-Lạp do Socrate, Platon và Aristote để lại cho ta (Nietzsche cũng đề cao văn minh Hy-Lạp, nhưng ông chỉ quý văn minh Hy-Lạp trước Socrate, tức những tư-tưởng đầy rung - cảm và say-sưa của những bản trường ca Homère được tượng-trưng bằng đời sống mê-ly và cuồng nhiệt của thần Dionysos). Hai kẻ thù luôn luôn bị Nietzsche nguyên rửa là : Ki-tô-giáo (Christianisme), và tư-tưởng duy-thức của truyền-thống Socrate và Platon.

Thoáng nhìn qua, chúng ta đã thấy hai ngành Hiện-sinh hiện ra rõ rệt : ngành hữu với Kierkegaard sẽ có tính cách xây dựng, và sẽ giữ vững niềm tin tưởng nơi Thiên-

Chúa. Còn ngành tả sẽ tỏ ra bạo tàn trong việc đả phá những truyền-thống cổ-cựu, cả về tôn-giáo, cả về tư-tưởng. Chính vì thế, triết của Nietzsche cũng như những thuyết trực tiếp chịu ảnh hưởng ông, như triết Heidegger và triết Sartre, sẽ chứa đựng rất nhiều phủ-định-tính (négativité), đến nỗi người ta thường gọi những thuyết đó là Hư-vô chủ nghĩa (Nihilisme).

Khác nhau như thế, tại sao lại gọi chung một tên là triết Hiện-sinh ? Thực ra, ngay về vấn-đề tên gọi, hai ngành này cũng không đồng ý nhau. Những đại-diện đáng kể nhất hiện nay của ngành hữu là ai ? Thừa là Jaspers và Marcel. Vậy mà chúng ta biết Jaspers không bao giờ ưng cho người ta gọi triết của ông là *thuyết* Duy-sinh (Existentialisme); ông chỉ ưng chữ : triết học về hiện-sinh (Philosophie de l'existence) hoặc triết-học hiện-sinh (Philosophie existentielle). Còn Gabriel Marcel lại ký danh-từ thuyết Duy-sinh hơn nữa ; ông đã nhiều lần công khai chối bỏ, không nhận cách xưng-hô đó. Và ông tự gọi mình là môn-đệ Socrate, triết của ông là một « Tân-phái Socrate » (Néo-Socratisme). — Về phía ngành tả, thì Sartre công nhiên tự xưng là *Thuyết* Duy-sinh (Existentialisme) và lấy làm hãnh-diện về cách xưng-hô đó. Trái lại Heidegger thì không muốn người ta gọi triết của ông là Thuyết Duy-sinh, và cũng không ưng danh - từ « triết - học Hiện-sinh » như của Jaspers. Cuối cùng, ông đã tạo ra một danh-từ hoàn toàn mới để đặt tên cho học-thuyết của ông ; ông gọi nó là « triết-học phổ-sinh » (Philosophie existentielle).

Bạn đọc có lẽ sẽ khó chịu khi nghe và đọc những huy-hiệu vừa nhiều vừa kỳ-dị đó. Mục-đích chúng tôi khi nêu những

HAI NGÀNH CHÍNH CỦA PHONG-TRÀO TRIẾT HIỆN-SINH

danh-hiệu đó lên ở đây là để bạn đọc chứng-nghiệm một cách cụ-thể rằng: Hiện-sinh có ba bề bốn mỗi Hiện-sinh. Và ít nhất cũng có hai ngành Hiện-sinh đối-lập nhau, ngành tả và ngành hữu.

Chúng tôi nói là hai ngành đối-lập nhau, chứ không chỉ khác nhau. Sở dĩ người ta gọi chung hai ngành đó bằng một danh - hiệu duy - nhất là Hiện - sinh, vì thực sự chúng có một chủ-trương chung. Chủ-trương đó là: « Lấy triết-học con người để chống lại sự quá trớn của hai nền triết-học cổ-diễn tức triết-học quan-niệm và triết-học về vũ-trụ » (MOUNIER, Op. cit. p.8). Như vậy hai ngành chỉ giống nhau ở phần tiêu-cực, trong việc chống phá nền tư-tưởng duy-thức và duy-sự (chosiste). Bước sang phần xây dựng, hai ngành đó khác hẳn nhau, khác nhau đến mức đối-lập nhau. Cho nên ngành hữu thì « rất mực tôn-giáo », và ngành tả thì « rất mực vô tôn-giáo » (Xem J.WAHL, *La pensée de l'existence*, p.6).

Sự đối-lập này hiện ra rõ lắm nơi hai ông tổ của mỗi ngành, Kierkegaard và Nietzsche. Kierkegaard suốt đời chỉ theo đuổi một việc là đạt tới mức cao nhất trong sinh-hoạt tôn-giáo, đến nỗi đối với ông, hiện-sinh bao giờ cũng có nghĩa là hiện-sinh trước nhan Thiên Chúa: « Tôi chỉ thực sự là tôi khi tôi ở trước nhan Thiên Chúa; tôi càng cảm thấy mình ở trước nhan Thiên Chúa, thì tôi càng là tôi hơn » (Dẫn trong J.WAHL, Op.cit., p.10). Trái lại Nietzsche không những là con người tuyên-bố: « Thiên Chúa chết rồi », ông còn hô hào con người phải giết chết Thiên Chúa hòng tiến tới giai-đoạn mà ông gọi là « thời kỳ của con người siêu-nhân » (surhomme). — Tuy nhiên, thái-độ đối-lập

này ngày nay càng hiện ra rõ hơn nơi những triết-gia của mỗi ngành: Jaspers và Marcel đại diện cho ngành hữu, Heidegger và Sartre đại diện cho ngành tả. Thí dụ khi ta muốn đặt Jaspers lại gần Heidegger, chúng ta hầu như chỉ nhận thấy những điểm khác nhau. Và nếu ta sánh Marcel với Sartre, thì chúng ta lại càng thấy hai triết-gia khác nhau quá, đến nỗi ta khó tưởng họ có thể giống nhau cái gì. Điều này bạn đọc sẽ có dịp nhận-định khi chúng tôi trình bày về tư tưởng của mỗi triết-gia hiện-sinh sau này.

* *

Họ đối-lập nhau ở những điểm nào ?

Họ đối-lập nhau ở những điểm căn-bản nhất của triết Hiện-sinh: con người và Thượng-Đế. Nói cách khác, họ chia rẽ nhau về hai chiều-hướng của con người hiện-sinh, chiều ngang và chiều dọc. Chiều ngang: họ có công-nhận sự thông-cảm với tha-nhân chăng. Chiều dọc: họ có công-nhận và thông-cảm với Thượng-Đế không. Ngành hữu công-nhận và đề cao sự thông hiệp với tha-nhân, coi tương-chủ-tính (intersubjectivité) là một cách-thể hiện-sinh toàn-hảo và thẳng-tiến con người; trái lại, ngành tả đề cao sự tranh đấu chống lại tha-nhân để khỏi bị tha-nhân biến ta thành sở-hữu của họ, vì thế đại-khái chủ-trương của ngành tả đối với tha nhân là: « Tha-nhân là địa - ngục cho tôi ». Về thái-độ đối với Siêu-việt, hai ngành cũng chia rẽ nhau rất xa. Ngành hữu coi Thượng-Đế là như lời mời-gọi con người tiến lên, tiến mãi; hơn nữa, nếu không có Thiên Chúa, thì con người sẽ như bị đặt áp mặt vào bức tường-thành, không sao tiến

thêm lên được nữa. Trái lại, ngành tả chủ-trương phải gạt bỏ Thượng-Đế ra ngoài cuộc sống của con người, vì còn tin vào Thượng-Đế là còn bị hạn-chế, bị một Đấng khác thưởng phạt mình; tóm lại, ngành tả cho rằng: hễ còn tin vào Thượng-Đế, thì con người chưa hoàn toàn tự-do, cho nên ngành này nhất thiết phủ-nhận Thượng-Đế.

Đó là mấy nét chính sẽ hướng dẫn chúng ta trong việc tìm hiểu chủ-trương của mỗi ngành Hiện-sinh về hai đề-tài căn-bản nhất của triết Hiện-sinh, tức vấn-đề Tương-chủ-tính và vấn-đề Siêu-việt-tính (Transcendence).

Tương-chủ-tính (Intersubjectivité).— Tương-chủ-tính là sự tôi công-nhận tha-nhân là chủ-thể như tôi, và trong khi đó tha-nhân cũng công-nhận tôi là một chủ-thể. Nói cách khác, chủ-thể-tính làm cho anh và tôi, chúng ta không coi nhau là những đối-tượng hoàn-toàn thụ-động như khi chúng ta nhìn quyển sách hay cái nhà; khi tôi nhìn anh, thì tôi biết anh nhìn tôi, và như vậy chúng ta đồng thời là chủ-thể cả hai.

Thoạt nghe, chúng ta tưởng Tương-chủ-tính là cái chi đơn sơ lắm: ai chẳng nhận sự hiện diện của tha-nhân? ai chẳng biết cái người đang đứng nói chuyện với tôi đây là một chủ-thể? Nhưng nếu đi sâu vào ý-nghĩa triết-học của chữ chủ-thể, chúng ta mới thấy tương-chủ-tính là một vấn-đề gay go của triết Hiện-sinh. J. WAHL đã gọi tương-chủ-tính là « điều nghịch-lý căn-bản nhất của triết Hiện-sinh » (J. WAHL, *La pensée de l'existence*, p. 85). Chúng tôi xin trình bày đầu đuôi như sau.

Hiện-sinh không phải là sinh-tồn, hiện-sinh không phải là sống như cây cỏ và động-vật. Hiện-sinh là ý-thức sâu xa về ý-nghĩa cuộc sống của mình, đảm-nhận lấy số-mệnh của mình và lịch-sử tư-biệt của mình. Cho nên Heidegger đã có lý để nói rằng Hiện-sinh vừa là *tại-thể* (être-au-monde), vừa là *xuất-thể* (ek-sister): ta tại thể bằng thân-xác của ta; và ta chỉ có lịch-sử-tính nghĩa là ta chỉ đảm-nhiệm được toàn-thể cuộc đời trước kia và hiện nay và sau này của ta, vì ta có khả-năng *vươn lên khỏi cái hiện-tại thiếu-cận* này để nhìn bao-quát tất cả dĩ-vãng và tương-lai, cùng là nhìn toàn thể những hiện-tượng trong thế-giới. Cái nhìn bao-quát đặt ra ngoài vũ-trụ để nhìn về vũ-trụ; cái nhìn đó làm cho ta là chủ-thể, đồng thời biến tất cả khối hiện-hữu không phải ta kia thành đối-tượng của cái nhìn đó. Người ta gọi cái nhìn bao quát đó là vũ-trụ-quan (cái nhìn của ta về vũ-trụ). Do cái nhìn này, mỗi người chúng ta gán cho mỗi sự vật một giá-trị nhất-định: cho nên cái nhìn của người duy-vật sẽ đề cao những sự vật vật-chất, và cái nhìn của người duy-linh sẽ đề cao những giá trị tinh-thần,

Như vậy mỗi người chúng ta đều có một vũ-trụ-quan, rõ ràng hay mờ-mờ, khoa-học hay thường-nghiệm, có hệ-thống hay lỏng lẻo. Dầu sao, nói ra hay không nói ra, có ý-thức hay vô ý-thức, nhất định chúng ta ai cũng có một vũ-trụ-quan, và chỉ có thể có một mà thôi. Sự kiện này đặt ra hai vấn-đề gay go: thứ nhất, khi tôi là chủ-thể, thì chỉ mình tôi có quyền nhìn và đánh giá vạn vật; hai là, nếu tôi công-nhận tha-nhân là chủ-thể, thì tức là tôi tự rút lui xuống làm sự vật cho anh ta nhìn và đánh giá? Đó

là tất cả vấn-đề Tương-chủ-tính. Và bây giờ chúng ta mới thấy như J. Wahl rằng vấn-đề đó là cái gai cho tiết Hiện-sinh.

Đối với vấn-đề này, hai ông tổ hiện-sinh không lưu-tâm nhiều lắm. Kierkegaard thì quá chú-trọng đến tính-chất Độc-đảo của con người, nên ít để ý nghiên-cứu tương-quan giữa người và người. Hơn nữa, Kierkegaard quá đề cao sự quan-trọng của cái ông gọi là « ở trước nhan Thiên-Chúa » và ở một mình với một mình Thiên-Chúa, cho nên nhiều khi ông coi sự có mặt của người chen vào giữa ông và Thiên-Chúa là điều bất-lợi cho hiện-sinh chính-thực của ông. Phần Nietzsche, chúng ta ai cũng biết thái-độ của ông đối với sự thực của ái-tình. Chúng ta coi ái-tình là niềm thông-cảm chân-tình và toàn-hảo nhất giữa hai con người, vậy mà, đối với Nietzsche, không thể có ái-tình chân-thực. Tại sao thế? Tại vì đàn ông và đàn bà, mỗi bên có một quan-niệm khác hẳn nhau về ái-tình. Chẳng hạn những câu này của ông: « Tất cả bí-mật của người đàn bà là: sinh đẻ. Đối với họ, đàn ông chỉ là phương-tiện, còn chủ-đích là: đứa con. Còn người đàn ông thì yêu thích hai món: chơi đùa và nguy-hiểm; vì thế đàn ông yêu đàn bà vì đàn bà là đồ chơi nguy-hiểm nhất trong đời » (Nietzsche, *Pages choisies*, par H. Albert, Mercure de France Paris 1947, p. 213).

Hai ông tổ ít bàn tới tương-chủ-tính, nhưng các triết-gia Hiện-sinh ngày nay lại coi đó là đề-tài quan-trọng vào bậc nhất. Chỉ có con người là hiện-sinh, sự vật và động-vật chỉ hiện-hữu mà thôi; nhưng tương-quan giữa những con người thế nào? Tôi có thể công nhận cho anh

Giáp, anh Ất cùng làm chủ-thể với tôi được không? Hơn nữa, trong mối thông-biệp vô cùng chặt chẽ là ái-tình, hai người có thể đồng thời là chủ-thể cả không? Bốn triết-gia Hiện-sinh đại-diện cho Phong-trào hiện nay đã trả lời vấn-đề này thế nào?

Bốn câu trả lời có thể xếp tự trái sang phải như sau: Sartre, Heidegger, Jaspers, Marcel. Sartre hoàn toàn phủ-nhận tương-chủ-tính, nghĩa là hai người yêu nhau cũng không thể coi nhau là những chủ-thể, trong hai người nhất định chỉ có một người là chủ-thể, còn người kia là đối-tượng. Heidegger, tuy không quá khịch như Sartre, và tuy ông thường nói đến « đồng hữu » (mitsein), nhưng lại chủ-trương rằng bản-tính của ái-tình là tranh-thủ giữa hai người. Đến Jaspers, chúng ta mới thực sự tìm thấy một tương-chủ-tính đích-thực, ở đó ái-tình thực là thông cảm giữa hai người. Và sau cùng, Marcel là triết-gia đã có những ý-nghĩa tươi sáng và chân-thành nhất về tương-chủ-tính.

Chúng tôi lược qua tư-tưởng của Sartre và của Marcel để bạn đọc nhìn thấy hai chủ-trương khác nhau chừng nào.

Sartre chỉ có thể quan-niệm ái-tình như một mối bang-giao bất-khả. Ái-tình là hình-thức cao-quý và chân-thành nhất của tương-quan giữa hai chủ-thể. Nói cách khác, ái-tình là điển-hình của tương-chủ-tính. Vậy mà, theo Sartre, không thể có ái-tình đích-thực được. Khi anh A yêu cô B, thì cô B là người được yêu và đồng thời là người bị nhìn (être - regardé): khi đó cô B không thể là chủ-thể được, nhưng chỉ là vật-thể, là đối-tượng mà thôi. Thế rồi cô B

đem lòng yêu anh A : lập tức anh A bị biến thành đối - tượng cho cái nhìn, nghĩa là anh A đang tự chỗ là người nhìn (regardant) bị sụt xuống làm người bị-nhìn (être-regardé). Thành thử mỗi người có thể lần lượt là chủ - thể và là đối - tượng, nhưng không thể cả hai cùng một lúc là chủ - thể. Như vậy không thể có tương-chủ-tính. Đây là một trong trăm ngàn đoạn sách Sartre nói về sự không thể có tương-chủ-thể-tính, nhưng chỉ có sự hai người thay phiên nhau làm chủ-thể :

« Tình yêu là một dự-phóng, cho nên nhất định nó gây nên tranh-chấp. Người được yêu (l'aimé) nhìn nhận người yêu (l'amant) như một tha-thể, tức như một sự vật của vũ-trụ để cho mình xử dụng. Người được yêu trở thành cái nhìn (regard). Như vậy người được yêu không muốn yêu. Thể là người yêu phải tìm cách quyến rũ (séduire) nó. Khi ta quyến rũ ai, ta hẳn không tìm cách bày tỏ chủ-thể-tính của ta cho họ ; đằng khác, ta chỉ có thể đối-thoại với họ bằng cách nhìn họ : nhưng chính cái nhìn này của ta tiêu-hủy chủ-thể-tính của họ. . . . » (SARTRE, *L'être et le néant*, p. 439).

Như vậy, trong quan-niệm của Sartre, hai người yêu nhau cùng tranh nhau làm chủ-thể và cố gắng để khỏi bị người yêu biến mình thành vật bị-nhìn. Kết cục, như Sartre viết, « chúng ta không thể thoát ra ngoài cái vòng lẩn quẩn dẫn ta tự thể đứng-nhìn (être-regardant) bị đẩy sang thể bị-nhìn (être-regarde) và ngược lại » (Ibid., p. 477). Cho nên, càng nghiên-cứu thêm, Sartre càng quả quyết rằng không thể có tương-trưng cho tương-chủ-tính. Và đó là

ý nghĩa câu sau đây trong đó chữ « chúng ta » (le nous) tương-trưng cho tương-chủ-tính :

« Tất cả những nhận xét trên đây không có tham-vọng đã thông vấn-đề chữ « chúng ta ». Nhưng bằng ấy cũng đủ chứng minh rằng : kinh-nghiệm về « chúng ta chủ-thể » không có một giá-trị siêu-hình-học nào hết » (Ibid., p. 500).

Tóm lại Sartre chỉ biết có một thứ tương-quan : chủ thể - đối tượng ; ông không công nhận có tương-quan giữa hai chủ-thể với nhau. Thực là độc ác và thiển-cận. Merleau-Ponty đã phê-bình Sartre một cách nghiêm thẳng về điểm này : « Người ta bảo phải chọn hoặc tôi hoặc tha nhân, và người ta chọn cái này chống lại cái kia. Thực ra có phải thế đâu : cái nhìn của tha-nhân chỉ biến tôi thành sự vật, và cái nhìn của tôi chỉ biến tha-nhân thành sự vật khi những cái nhìn đó là cái nhìn vô-nhân-đạo (regard inhumain) mà thôi ». (Merleau - Ponty, *Phénoménologie de la perception*, Gallimard Paris 12e édit., 1952, p. 414).

Marcel đã để lại cho chúng ta những thiên khảo-cứu tinh-vi và sâu xa về ý-nghĩa của tha-nhân. Ông hay gọi tha-nhân là tha ngã (un alter ego, un autre moi-même) hơn là dùng chữ tha-thể (l'autre) hoặc tha-nhân (autrui). Thực ra chữ tha-ngã đã được tạo ra để diễn tả tư-tưởng thâm-thúy của Marcel, vì có thể là lần đầu tiên trong lịch sử triết-học, chúng ta thấy những ý-tưởng nhân-đạo như thế về tương-quan giữa người và người. Tha-ngã, vừa tha vừa ngã, vừa là tôi vừa không phải là tôi ; tha-nhân là một tôi, nghĩa là cũng là người như tôi, nhưng bản-tính của tha-

nhân là khác tôi (tha). Nếu tha-nhân cũng chỉ là một người giống hệt như tôi, trăm phần trăm, thì thế giới này sẽ buồn tẻ biết bao ! Chính sự khác nhau giữa những con người làm cho mỗi người có một tư-cách khác nhau, một nhân-cách khác nhau, nghĩa là cách làm người khác nhau. Khác nhau mà hiểu nhau, khác nhau mà yêu nhau và quý cái khác đó của nhau : vì cái khác đó là một vẻ phong-phú chính mình ta không có. Cho nên những kẻ độc-đoán, không muốn cho ai nghĩ khác mình và làm khác mình, chỉ muốn lấy mình làm khuôn mẫu duy nhất cho hành động của mọi người : những kẻ độc-đoán đó chưa hiểu bản-tính của tha-nhân, và chưa biết trọng nhân-vị con người của tha-nhân. Đối với Marcel, tha - nhân không phải là một hạn-chế cho ta, nhưng là một bổ-khuyết làm cho chúng ta thêm phong-phú. Marcel đã phân-tích thái-độ của ta khi chờ đợi một câu trả lời của tha-nhân : nhận câu trả lời của tha-nhân tức là công-nhận tha-nhân là một chủ thể tự-do, chính sự quyết-định trả lời của tha-nhân là một vẻ phong-phú và một cái chi hoàn toàn bất ngờ và mới mẻ đối với ta (Xem Marcel, *Journal métaphysique* 16^e édit., Paris 1958, p. 138 sq.). — Và trong cuốn mới nhất Marcel vừa cho xuất bản (1959) tức cuốn *Présence et immortalité* (Hiện-diện và bất tử - tính), Marcel còn đi sâu hơn nữa vào nội - dung chữ « chúng ta ». Đây chúng tôi xin trích một câu làm hoa thơm tặng độc-giả :

« Cái chúng ta sâu xa hơn cái tôi.
« Và mặc dầu những điều ta nghĩ
« về nó, cái chúng ta vững bền hơn ;
« điều quan trọng là, đối với tôi, cái
« chúng ta là cái bất-diệt. Tất cả

« những cuộc gây lộn đều tại vì cái
« tôi quá tham - vọng, muốn chống
« đối với chúng ta.

« Mức thăng - tiến cao nhất của
« Hiện-sinh là khi chúng ta đạt tới
« sự thể-hiện cái chúng ta, miễn là cái
« chúng ta đây không do miễn
« cưỡng, nhưng do đồng tình ».
« (Marcel, *Présence et immortalité*,
« Flammarion Paris 1959, p 159-
« 160).

Chúng tôi đã lấy hai tư tưởng của Sartre và Marcel đối chiếu với nhau để dễ nhận ra chỗ đối lập của hai ngành hiện-sinh hữu và tả trong chiều-hướng thứ nhất của hiện sinh, tức chiều ngang. Chúng ta thấy vô tình Sartre đã để lộ ảnh-hưởng của Nietzsche : cái nhìn vô nhân-đạo, lấy tranh-chấp làm nền của Sartre, chẳng phải là hình thức trung-thành của « ý chí thống-trị » (volonté de puissance) của Nietzsche đấy ư ? Về phía Marcel, cái nhìn đầy lý-ái của ông chính là cái nhìn đầy bác-ái của Đạo Thiên-Chúa. Con người của Marcel nhân-đạo, vì con người đó luôn luôn tin vào Thiên - Chúa : cho nên Berdiaeff, một nhà hiện-sinh Nga, đã viết : « Triết-học hiện-sinh nhân-đạo là triết-học Thiên-Chúa-giáo, tức triết-học thiên-nhân » (Berdiaeff, *Cinq Méditations sur l'existence*, Aubier Paris 1936, p. 203 : « Et une philosophie de l'existence humaine est une philosophie chrétienne, théandrique »). Berdiaeff gọi con người là thiên - nhân, nghĩa là con người có thần-tính, bởi vì nếu không tự nhận là con Thiên Chúa, con người sẽ rất có thể trở thành bạo-tàn. Bạo tàn như con người trong thuyết Sartre trên đây.

Siêu-việt-tính. — Thấy rằng đã gần vượt quá khuôn khổ của một bài thường-lệ, cho nên chúng tôi buộc lòng rút ngắn phần bàn về Siêu-việt-tính này. Điều đó không có hại chi, vì chủ-đích chúng tôi không phải là trình bày về siêu-việt-tính, nhưng là để chứng-minh sự khác nhau cùng là đối-lập nhau giữa hai phái tả và hữu của Phong-trào Hiện-sinh. Thành thử nếu chúng tôi đã quá dài lời về đề - tài Tương-chủ-tính trên đây, thì sự đó tuy có hại cho cách bố-cục một bài, nhưng lại giúp ích rất nhiều cho công việc trình bày của chúng ta.

Về Siêu-việt-tính, mỗi ngành hiện-sinh đã có một quan-niệm khác hẳn nhau. Giáo.sư J. Wahl đã đưa ra hai danh-từ điển-hình để diễn-tả hai thứ siêu-việt-tính đó. Ông gọi Siêu-việt-tính của Heidegger và của Sartre là *Viễn-việt-tính* (Proscendance; trans-proscendence) và dành chữ *Siêu-việt-tính* (Transcendance, trans-ascendance) cho triết-học của Jaspers và Marcel.

Viễn-việt-tính là gì? Để dễ nhớ, chúng ta nên coi viễn-việt-tính là tính chất người siêu-nhân của Nietzsche. Cho nên chữ siêu-việt của ngành tả chỉ có nghĩa là con người luôn luôn phải tiến lên. Con người phải tự thắng, tự vượt mình. Vì thế Sartre luôn luôn nói đến *dự-phóng* (pro-jet) và ông còn định-nghĩa con người là : « con người là cái nó chưa là, và không phải cái mà nó đang là ». Các sách nhắc đi nhắc lại câu tuyên-ngôn của Sartre về con người : « Con người phải hành động, và chính nhờ hành-động mà tự tác-thành lấy mình » (L'homme doit faire, et, en faisant, se faire). Như vậy siêu-việt của Sartre chẳng qua chỉ là một viễn-việt : không

vượt lên cao, nhưng chỉ đi xa hơn và xa hơn trên cùng một bình-diện.

Trên kia chúng ta đã thấy chiều ngang của triết Sartre không mở rộng sang tha-nhân, thì đây chúng ta lại thấy triết của Sartre không mở cho con người vươn lên tới Thượng-Đế. Thực là một thứ triết-học nghiệt tho trong sự thiển-cận. Sartre chủ-trương không thể có Thượng-Đế; thái-độ của ông được các học-giả không những gọi là thái-độ vô-thần (athée), mà còn gọi là thái-độ phản-thần (antithéiste) nữa. Sartre đã để hẳn một phần quan-trọng của cuốn *L'Existentialisme est un Humanisme* (Hiện-sinh chủ-nghĩa là một nhân-bản chủ-nghĩa) để chứng minh rằng không có Thiên Chúa. Và lý-chứng mạnh nhất ông đưa ra là : nếu Thiên Chúa sáng tạo nên tôi, và nếu Ngài có toàn quyền trên tôi, thì tôi không còn tự-do nữa; nếu quả thực có Thiên Chúa, thì tôi chỉ là kẻ thừa-hành những thánh ý của Ngài mà thôi. Cho nên Sartre kết luận không thể có Thiên Chúa, và giả như có Ngài đi nữa thì Sartre cũng không cần biết có Ngài hay không. Trong viễn-tượng đó, Sartre chủ-trương con người có tự-do tuyệt-đối, nghĩa là tôi muốn làm gì thì làm, không có thưởng phạt chi hết. Hơn nữa, theo Sartre, con người vì có tự-do tuyệt-đối và không chịu trách-nhiệm trước mặt một Thiên Chúa nào hết cho nên con người có thể tự-do chối bỏ những quyết-định lúc này và hôm qua; nghĩa là lúc này tôi cam - đoan, bây giờ tôi lại có thể xóa bỏ lời cam - kết đó. Khi phê-bình điểm này của Sartre, Mounier đã trách Sartre là con người bất-trung, và gọi triết của Sartre là « triết-học thoái-thác » (philosophie de dégagement) thay vì danh-từ rất kêu do Sartre đặt cho

triết của mình là « triết-học nhập cuộc » (philosophie d'engagement).

Trái lại, chữ Siêu-việt giữ nguyên vẹn giá-trị của nó trong triết-học của Jaspers và Marcel. Giáo-sư Ricoeur đã gọi chữ Siêu-việt-tính là chìa khoá để hiểu và đi sâu vào tư-tưởng Jaspers : tất cả con đường triết-học của Jaspers thu gọn lại trong chữ « vượt lên » (transcender). Và đây là vượt lên thực, chứ không chỉ vượt xa ra. Quá-trình triết-học của Jaspers cũng có ba giai-đoạn phải vượt lên như ba giai-đoạn hiện-sinh của Kierkegaard. Theo ông tổ của ngành Hiện-sinh hữu-thần, thì con người hiện-sinh phải lần lượt tiến qua ba giai-đoạn : hiểu-cảm (esthétique), đạo-đức (éthique) và tôn-giáo (religieux). Thì cũng gần như thế, Jaspers chủ trương con người hiện-sinh chính-thực phải tiến lên qua ba giai-đoạn, hay nói đúng ra, có ba cách-thể hiện-hữu : làm sự vật, làm người hiện-sinh, làm Thiên Chúa. Con người phải mau mau bỏ cách sống lì lì của sự vật để thực hành *cái nhảy* thứ nhất, là nhảy tự chỗ làm sự vật lên tới chỗ làm người tự-do. Nhưng như thế chưa đủ : con người tự-do còn phải vươn lên tới Thiên Chúa, coi Ngài là Chuẩn-đích, là Lý-tưởng cho ta vươn tới. Cho nên, đối với Jaspers, thì Siêu-việt-thể tức Thiên Chúa chính là hướng đi lên của ta, và Ngài chính là kho vô-tận cho những ước muốn cải thiện của ta. Trong ý đó ông đã viết : « Tôi không thể là tôi, nếu không có Siêu-việt-tính : Siêu-việt-tính chính là thước đo chiều sâu thâm của hiện-sinh tôi ». (Dẫn trong Dufrenne et Ricoeur, *Karl Jaspers et la philosophie de l'existence*, Seuil Paris 1949, p. 334).

Jaspers không quan-niệm Thiên-Chúa là một hữu-thể cao xa và lạnh lùng như ta thấy trong thuyết Aristote hoặc thuyết Descartes. Đây Thiên-Chúa là đích tối cao của con đường hiện-sinh, cho nên sống mà không hướng về Thiên-Chúa là sống lạc lõng và vô ý-nghĩa : « Bởi vậy đích tối cao và ý-nghĩa của cuộc đời ta chỉ thực hiện được khi nào ta nắm chắc được Thực-thể Tự-tại đó. Và thực-thể đó chính là Thiên Chúa. » (JASPERS, *Triết-học nhập-môn*, bản-dịch Lê-tôn-Nghiêm, Đại-học xuất-bản 1960, p. 74).

Còn về phía Gabriel Marcel thì khỏi nói. Không những Siêu-việt là ý-nghĩa của hiện-sinh, mà còn là chính sự thể-hiện cuộc hiện-sinh một cách toàn-hảo nhất nữa. Chính triết hiện-sinh đẩy tình-tưởng vào Đấng Siêu-việt đã dẫn ông từ chỗ vô-thần tới chỗ tin thờ Thiên Chúa và xin gia-nhập đạo Công-giáo.

* *

Bài này đã quá dài, chúng tôi xin ngưng ở đây. Chúng tôi hy vọng đã trình bày khá đầy đủ về hai khuynh-hướng khác nhau đến đối lập nhau của Phong-trào Triết Hiện-sinh. Sự đối lập này càng đi sâu vào tư-tưởng của các triết-gia hiện-sinh của mỗi ngành, chúng ta càng thấy nó sâu rộng.

Sự đối lập không nguyên ở chỗ một bên vô-thần và một bên hữu-thần, nhưng còn khác nhau rất nhiều ở quan-niệm nhân-bản : ngành hữu mở rộng lòng chúng ta để đón nhận và thông cảm với tha-nhân, còn ngành tả thì khép kín lại và không thể đặt một mối tương-giao nhân-đạo nào giữa con người và con người. Cho nên thay

vì lấy chữ hữu-thần và vô-thần để phân biệt hai ngành hữu và tả, Mounier đã thẳng thắn gọi ngành hữu là *Hiện-sinh chủ-nghĩa* (Existentialisme) và gọi ngành tả là *Vô-hiện-sinh chủ-nghĩa* (Inexistentialisme) (Coi Mounier, Op : cit., p. 3), Vô, vì ngành tả không nhận tương-chủ-tính, không

nhận Siêu-việt-tính là hai chiều-hướng hiện-sinh có khả năng phát-huy đời sống tinh-thần của con người.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Kỳ sau : Kierkegaard, ông tổ của Hiện-sinh chính-thực.



Mẹ chúng ta

HOÀI - HƯƠNG

Gặp bà nơi ruộng cấy
Tóc pha nắng mỗi mơn
Run tay, cời đất dậy
Nuôi lúa như chiều con.

Gặp bà mọi nẻo đi
Ngược xuôi, gánh nặng trĩ
Thâu đường đời ngăn lại
Khổ nhọc có nài chi.

Đêm đêm trong xóm nhỏ,
Thao thức nhịp chày khuya.
Bà còn làm mãi đó,
Mặc mồ hôi đầm đìa.

Trên bãi biển hoàng hôn,
Gió lộng, sóng khua dồn
Bà ngừng tay gỡ lưới,
Biển động, lòng héo hon.

Nơi nào tôi cũng gặp
Bà mẹ nghèo chúng ta
Nuôi bầy con trải khắp,
Chiến đấu giữ sơn hà.

Bà lội cùng bãi vắng
Tần tảo hái rau hoang
Nhịn trầu may cho « hần »
Chiếc áo, khi lên đàng.

H. H.

Đợi chờ

VŨ - HÂN

Gửi anh bạn họ Hoàng

Ta đã chờ Em từ bao năm trước,
Ta sẽ vì Em nghìn sau tái sinh.
Giờ đây hội ngộ mà đang dở !
Thuyền lánh dòng trăng, nước đôi tình...

*
* *

Thuyền ngã ba sông, chừ vọng ai ?
Vọng về quá khứ hay tương lai ?
Trùng dương thừa trước là Ta đó,
Từng mở lòng xanh đón suối dài...

*
* *

Ta cũng là non cao hậu thế,
Dang tay áo biếc đỡ sao rơi...
Suối, sao, hãy hóa thành, Em nhé !
Sẽ gặp hồn Ta ở mỗi trời.

*
* *

Xưa, Sau, hai cõi đời chung thủy,
Hiện tại, cầu tơ nối mối duyên,
Ba kiếp nguyện nhau... nhờ nhật nguyệt
Ghi niềm : « Danh sĩ với thuyền quen »...

Đà-Nẵng, Đầu Thu Tân-Sửu 1961
(MAI - SAU)

V. H.

VỀ BỘ TIỀN ĐỒNG ĐỜI XƯA

vừa được trưng bày
trong viện Bảo-Tàng

Vương-hồng-Sên

(tiếp theo B. K. số 115)

Đao-tiền, Bỗ-tiền.— Theo sách tham-cứu, vào đời thượng-cổ, bên Trung-Hoa, có hai vùng biết chế ra tiền trước nhất, và chế hai kiểu khác và có ý-nghĩa không giống nhau.

Đó là :

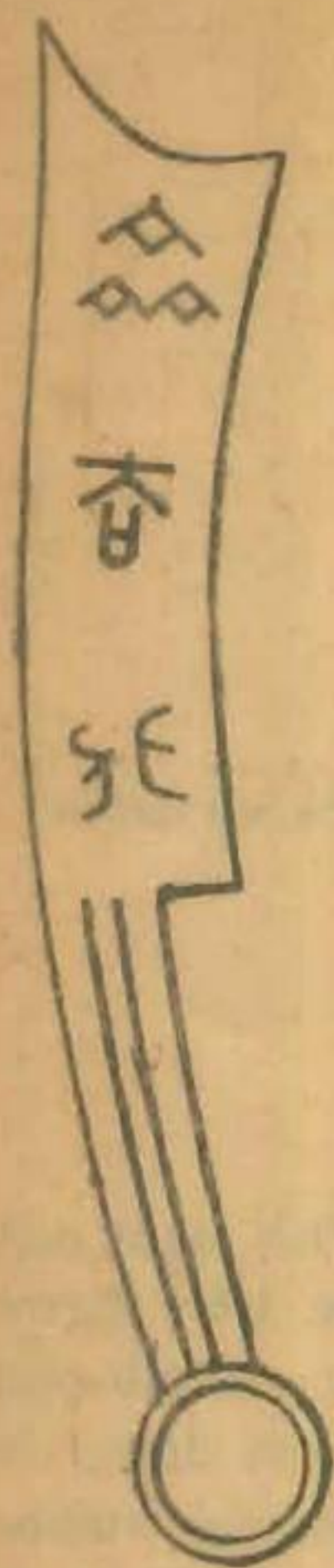
1) vùng du-mục trên phương bắc, Vùng Bắc-Kinh, đã biết săn-bắn làm nghề sanh-nhai từ đời thái-cổ, thì dân-chúng và chánh-quyền hiểu-biết trước-tiên sự ích-lợi của cây đao : đao dùng chống-cự thú rừng, đao làm khí-giới hộ-thân (tỷ như ngày nay là cây súng lục-liên đối với một số người khát sự giết chóc), nên người phương bắc chế ra «*đao-tiền*», hình-thù như cây đao nhỏ, làm đầu mỗi tiền-tệ phương bắc (xem hình số 1). Có lẽ trước kia, một số đao-tiền đôi được một đao thật sự chăng ?

2) Phương Nam xứ Trung-Hoa, trái lại là nơi để trồng dâu nuôi tằm, trồng

bồ vải, dệt tơ-lụa. . . Phải ngót ngàn năm sau, dân Hán-tộc trên đường Nam-tiền, mới xuống chinh-phục miền Nam nước Tàu, và đồng tiền miền Nam Trung-Hoa lại tượng-trưng một hình-thù khác và danh gọi «*Bỗ-tiền*» (lấy tiền đôi bồ may y-phục che thân đỡ lạnh). Ta chớ quên dân miền Nam Trung-Hoa là dân trồng-trỉa, biết dệt lụa từ ngàn xưa. (Xem hình số 3 «*Bồ-tiền*»).

Nhưng đã biết tánh người Trung-Hoa, ít chịu thua sút ai, vẫn thích dẫn chứng thật cổ thật xưa. Chúng ta sanh sau để muợn, «*nghe vậy hay vậy*», và đành tạm tin với bao nhiêu sự dè-dặt các tài-liệu sau đây :

1) *Đao-tiền* (monnaie-couteau), đã có từ đời vua Phục-Hy (khoảng 2852 trước Công-nguyên). Sách «*Ta-kou-tchai*» viết «*Monnaie-couteau de l'époque antédiluvienne*» (có từ đời Thái.



HÌNH SỐ 1

Đao-tiền

Pièces de l'empereur Chen-nong, prises sur la forme des pièces couteaux pré-diluviennes (Tiền đời vua Thân-nong nhái kiểu đao-tiền cổ trước đời nạn Hồng-Thủy (đời Thái-cổ) Nhứt đao bình ngũ thiên

cổ, trước kỳ Hồng-thủy). Trên đao tiền, (1) có chạm hình sao Bắc - đầu và một hàng cổ tự. Trên vài kiểu đao-tiền khác, đã "đọc được cổ - tự ấy, thầy ghi «Nhứt đao bình ngũ thiên» nhưng không rõ ắt «ngũ thiên» thứ gì? (xem lại hình số 1).

2) Bổng-tiền xuất hiện sau Đao-tiền, lỗi hai trăm năm sau, vào khoảng đời Huỳnh - Đề (2697 - 2597 trước Công - nguyên), (xem lại hình số 3).

Sang đời vua Thuần (2255-2205 trước Công - nguyên), qua đầu đời nhà Hạ, thì đao-tiền biến hình. Thời buổi ấy, từ chính-phủ đến dân chúng, đều hiểu

biết giá-trị đồng-tiền, nên đao-tiền được thâu gọn lại cho thêm tiện, vừa ngắn, vừa nhỏ hơn trước, để giữ gìn, thu cất. Hình thù đao tiền, loại thứ hai này, gần giống cái chìa-khóa ô-tô đời nay! (xem lại hình số 2 : hàng

chữ đọc : « Nhứt đao bình ngũ thiên ».

3) Qua đền tiền đồng, kiểu « trong vuông ngoài tròn », thì có nhiều thuyết khác nhau : không biết từ ông vua nào đời thượng cổ, đã có sáng kiến, bỏ lưỡi của đao tiền, bỏ kiểu hình cái mai của bổng-tiền, chỉ giữ lại chỗ để xỏ xâu và tượng hình đồng - tiền « trong vuông » tượng - trưng sự vuông tượng (phương) của quả đất (hiểu theo quan - niệm thời ấy), và ngoài tròn, lấy ý sự tròn đầy - đủ (viên) của trời (xem hình số 4).

Khổ nổi là từ thái-cổ về sau và trong nhiều thế-kỷ, các kiểu tiền đều được đúc đi đúc lại không biết mấy ngàn, mấy muôn lần, trong ấy đúc chánh-hiệu của các vua chúa triều-đại nổi tiếp cũng có, mà đúc giả-hiệu do các

1) Năm 1935 hay lối đó, tác-giả còn làm việc tại tỉnh nhà Sóc-trăng, nhưn gọi qua Hương - cảng ba chai-lít nước mắm Hòn Phú-quốc, tặng một bạn Trung-Hoa về bên ấy nhưng còn nhớ và thêm món ăn quốc-túy Việt-Nam, bạn sau ông bạn làm trung-gian chở nước mắm, đem về cho tôi « gọi đáp ơn mọn » một mặt dây nịt bằng pháp-lam kiểu Thanh - triều, một quyển sách Hán-văn khảo về cổ-tiền ; hai đồng tiền « Ngũ thù » Vương Mãng ; và qui nhứt, là hai đao-tiền thật cổ, theo ông bạn Trần-Phụng-Hữu ở lại bên Trung-quốc, thì chính ông thấy tìm được dưới cột một ngôi chùa cổ, trong lúc trùng-tu chùa này.

Ngàn ấy của đời ba chai nước mắm, từ đây ai dám chê của nước ta không quý ? V. h. S.

nguyên-triều hay gần đây do các nhà bán đồ cổ cũng có, thành thử rất khó phân biệt giả-chơn.

a) Văn-Hóa nguyệt-san số 53 tháng 8 năm 1960, tác-giả bài « *Cổ - tiền Việt-Hoa* » viết nơi trang 962 rằng : « ...Rồi đến đời vua Thái-Nguyên « nhà Tấn vào 376 sau Tây - lịch, « mới có thứ tiền tròn, giữa có lỗ « vuông, chung quanh có 4 chữ « tượng-hình ». . . » qua trang 965 ghi rõ thêm : « tiền tròn của đời nhà Tấn, năm Thái-Nguyên 1 vua Tấn Võ-Đế (376 sau T. L.) (có in hình kê bên).

Nếu tôi không làm trong viện bảo-tàng, ắt sẽ tin ngay lời Nguyễn tiên-sinh, vì tôi có đọc và nhớ kỹ đời nhà Tấn, nhờ sớm giao-thiệp với phương Tây, nên sớm biết nầu, đúc, ché đồ đồng (bronze) (1). Nhưng cũng vì nhờ có làm trong viện bảo-tàng (2) nên tôi lại thấy một bằng-chứng khác hiển-hiện trước mắt, và do theo đó, thuyết của Nguyễn tiên-sinh đã chưa được đúng :

Đây tôi muốn nói về một om tiền cổ đã đóng quánh lại, xưa kia đào

1) Hiện nay, bên Trung-Hoa còn đào được đồ đồng đời Tấn (Ts'in) và khỏi nói là quý vô ngần.

2) Có nhiều ông bạn định chắc ở viện bảo-tàng có rất nhiều tài-liệu, khai-thác nội bao nhiêu sách-vở trong này cũng đủ nên người có học ! Tôi không dám ăn cơm của viện mà nói phụ ơn viện, nhưng tôi xin thú thật hiện tôi có sách tại nhà riêng không thua của viện, nhưng xưng danh « người có học » thì tôi tự xét chưa xứng chút nào ! V. h. S.



HÌNH SỐ 2

Kiểu thứ hai của dao-giống chìa khóa ô-tô đời nay, có từ đời Hạ (2205 trước C.N.) De la dynastie Hia (2205 av J.C.)

Hàng chữ xin đọc :
Nhứt đao bình
ngũ thiên



HÌNH SỐ 3

Bổ tiền

Tiền hình chiếc xương (chiếc mai) đời Tam-Hoàng đến đời Ngũ-Đế : từ 2697 tr. C. N. — 2205 tr. C.N. Les 2 caractères de l'inscription de cette pièce sont traduits pas nghi dương sur les bouquins des monnaies antiques.

L'une des pièces-pelles des San-hoang et des Ou-ti (2697 av. J.C. à 2205 av. J.C.)

được trong vùng Thanh-Hóa, ở trong một ngôi mộ xưa định chùng vào đời Đông-Hán. Giá thử ngày nay có người đào được cổ-tiền này, và nếu người ấy là đồng-bào ta, thì việc làm trước nhứt là sẽ xeo cạy các tiền kia ra khỏi om (nồi) làm như vậy, tiền cũ sẵn đã giòn, ắt sẽ hư bề mặt giá-trị mà chớ ; thêm dầu cho cạy được đồng nào còn nguyên vẹn, ắt sẽ nai lưng ketch, o.bê, chùi sạch, cạo ten, làm cho ra mới, và làm như thế, hồi ôi, lại còn báo-hại hơn nữa, vì đồng



HÌNH SỐ 4

Tiền Ngũ Thủ đời Vương Mãng (9 sau Da tô)

tiền đã mất « *pédigrée* » của nó (1) và trở nên vật không còn giá trị vì « màu hổ », khai sinh, lý lịch, bằng-chứng, đều tiêu-tan theo sự cạo, chùi, o-bề, làm cho sạch bóng kia rồi! (Đây tôi không có ý chê-nhạo và chỉ nêu ra dạng yêu-cầu từ rày nên tránh những sự dốt và vô tình làm mất lý-lịch của cổ-vật tìm được.) May thay khi trường Viễn-Đông Bác-Cổ tìm gặp om tiền nầy, nhờ họ biết phương-pháp giữ-gìn và tống cổ, nên nay ta còn một bằng-chứng đích-xác tiền đời Hán. Tiền nầy hiệu đề « *Ngũ thù* » (Wou chou) (xem hình số 4) truy ra kiểu tiền này chế-tạo vào năm thứ 9 sau Da-Tô, đời Vương Mãng (2). Ngày nay khách viếng viện bảo-tàng sẽ thấy trong tủ kính đặt tại phòng mỹ-thuật Việt-Hoa cái om tiền cổ nầy, kê bên có phiếu lý-lịch biên rõ : « *Ecuelle contenant des sapèques Wou-chou. — Nord Vietnam. — Inventaire N. 2481, A-III-3* » (Om đựng cổ-tiền « *Ngũ-thù* ». — Miền thượng Bắc, Trung-Việt. — Số trước bạ 2481, v. v...).

Theo ý tôi, om tiền nầy, coi vậy mà quý-hóa vô ngần, vì đây là tài-liệu gần như « *duy nhất* » của đời Hán, (năm 9 sau Da-Tô), tức cách không xa

năm Hai Bà chống Mã Viện (1) và biết đâu tiền nầy đã do binh Hán đem qua thông-dụng vùng Thanh-Hóa lúc theo Mã Viện sang đây cũng chưa biết chừng !

Cứ lấy tiền tròn « *Ngũ Thù* » (hình số 4) làm bằng-chứng thì đời Vương Mãng, đồng-tiền đã có hình tròn rồi, đời đâu đến đời Tần Võ-Đế, năm Thái-Nguyên (376 sau Tây-lịch) ???

b) Hãy khoan ! Còn nữa chưa hết đâu ! Cứ theo bộ-môn cổ-tiền của viện bảo-tàng để trước mắt tôi, thì kể về tiền hình tròn, viện bảo-tàng có bốn đồng đề « *Bán lượng* » cỡ lớn nhỏ khác nhau, tiền nầy có từ đời Tần qua Hán, từ năm 220 T.T.L. đến năm 86 T.T.L. (Năm 220 T.T.L. là năm Tần - Thi - Hoàng thông - nhứt Trung-Hoa, xưng Hoàng-Đế « *devenu empereur universel* » ; còn năm 86 T.T.L. lại là năm tức-vị vua Hán Hiều-Chiêu-đề). Lúc ấy, đồng tiền đã có hình tròn rồi, và như vậy hơi đâu mà cãi nhau vô bổ ích, thêm từ xưa có tục đúc lại cổ-tiền, thì làm sao biết đích-xác năm nào có tiền hình tròn trước nhứt ?

Ở đây, tôi xin kính-cẩn dâng lên hải-nội quân-tử bộ-môn cổ-tiền

1) *Pédigrée* là huyết-thống của chó nòi, ngựa giống. Ở đây tôi dùng với nghĩa « căn-cội, lý-lịch ». Một món đồ sứ tìm tại chỗ (mổ mả, ...) thì còn *pédigrée* ; đem về nhà buôn chưng bán thì mất *pédigrée*.

2) Vương Mãng soán ngôi Hán năm 9 qua năm 23 sau Da-Tô bị Quang-Vũ giết.

1) Sử chép Tô Định giết Thi Sách năm Canh-tí (40 sau Da-Tô). Hai Bà giết Tô Định năm Tân-sửu (41) và tự-tận ngày 6 tháng 2 năm Quý-mão (43) (Trần trọng Kim tr.48). Hiện nay, muốn tạc tượng Hai Bà, thật khó biết cách ăn-mặc, y-phục, cách cỡi voi, kiểu cờ-xí dời đó, v.v. Cho hay tượng đức Chúa Jésus. Khổng-Tử, cũng tạc theo tưởng-tượng chứ nào ai biết chọn-dụng thật ?

của viện bảo - tàng Sài - gòn, tôi đã sắp được, chiều theo thứ-tự đời và năm tôi được biết, còn điều gì khác cao-thâm hơn, dám nhờ chư vị cao-minh dạy-biểu thêm, tôi xin đa tạ.

1. — *Kề về tiền xài và thông-dụng (monnaie courante) trên đất Việt-Nam từ xưa đến năm chót vua Tự-Đức (1883) (sổ mục - lục ghi bạ viện bảo-tàng là Inv. N. 5017-A, cả thấy 267 đồng tiền).*

Bán - lạng (220 - 86 tr. Da-Tô) (từ Tấn-Thi-Hoàng đến Hán Hiếu-chiêu đế) — Ngũ-thù (118 tr. Da-Tô đến 618 sau Da-Tô) (1) — Hóa - Tuyển (Hou-ts'uan) (9-23 sau Da-Tô) (tiền khác đời Vương-Mãng) — Ngũ-hành đại - bồ (Kien - Te) (đời Kiến - Đức) (575 sau D. T.) — Càn-Nguyên (Kien-Yuan) (758-759) (Đường) — Khánh-Đức thông - bửu (763) (Đường) —

1) Tiện đây, tôi xin phép « dài-dòng đôi chút », để nói thêm cho tách-bạch về vài kiểu cổ-tiền. Như riêng về loại « ngũ thù sách Hán Thư, Vô-Đế-Ký chép rằng năm thứ 5 niên-hiệu Nguyên-Thú (118 tr. D. T.) thì bãi bán-lạng-tiền, để cho lưu-hành tiền Ngũ-Thù. Đồng Ngũ-Thù đúc đời Hán Vô-Đế, nặng 5 thù, trên-mặt đồng tiền có ghi hai chữ « Ngũ-Thù » lối triện (cổ-tự). Sách khác nói từ đời Hán đến đời Tùy, đều có đúc đi đúc lại nhiều lần tiền ngũ-thù, duy hình-chế lớn nhỏ không đồng, (và cũng tùy lớn nhỏ, giá-trị khác nhau). Riêng, trong om cổ-tiền của viện bảo-tàng (inv. N. 2481, A. III-3) tiền còu đóng quánh lại nhau, theo các học-giả và chuyên-gia tìm gặp thì định tiền ấy, cũng Ngũ-thù, nhưng thuộc đời Vương Mãng, đúc lối năm 9 sau Da-Tô. (Tiền Ngũ-thù Vương Mãng này, hiện không có trên khuôn treo, muốn xem tận mặt phải chịu khó bước qua phòng mỹ-thuật Việt-Hoa, xem trong om tiền, và nhìn hình vẽ số 4 của bài này) V. h. S.

Châu - Nguyên (Tcheou Yuan) (951-960) (2) — Dụng-Nguyên (951-960) (cũng đời Sài Vinh) — Tông-Nguyên (Song Yuan) (960-975) (Tông, Triệu Khuông - Dẫn) — Thái - Bình (T'ai-ping) (976-981) (Tông, Triệu Khuông-Nghĩa) — Thuần-Hóa (Choen Houa) (990 994) — Chí-Đạo (Tché-tao) (995-997) — Thanh-bình (Sen-p'ing) (998-1003) — Cảnh-Đức (king-te) (1004-1007) (đời Tông Chơn - tông) — Tường-phù (Siang-phu) (1008-1016) (Tông Chơn-tông) — Thiên-Hi (T'ien-Hsi) (1011-1022) (Tông Chơn-tông) — Thiên - Thánh (T'ien - cheng) (1023-1031) — Minh-Đạo (Ming-tao) (1032-1034) (Tông) — Cảnh - Hựu (king-Yeou) (1034-1037) (Tông) — Hoàng-Tông (Hoang - Song) (1038 - 1040) (Tông) — Khánh-lịch (K'ing-li) (1041-1046) (Tông) — Chí-Hòa (Tche-houa) (1054-1056) (Tông) — Gia-Hựu (Kia-Yeou) (1056 - 1063) (Tông) — Trị-Bình (Tche - p'ing) (1064 - 1067) (Tông) — Hi-Ninh (Hsi-ning) (1068-1077) (Tông) — Nguyên-Phong (Yuan-Fong) (1078-1085) (Tông) — Nguyên-Hựu (Yuan - Yeou) (1086 - 1093) (Tông) — Thiệu Thánh (Chao-Cheng)

(2) Đây là đồng tiền đời vua Sài Vinh, tức xưng Hậu-Châu Thế-Tôn. Lúc ấy trong nước khan đồng, Thế-Tôn dạy phá các tượng Phật lấy đồng đúc tiền, té ra sau đó dân-gian lén thu tiền Châu-Nguyên về đeo, chớ không dám xài tiền ấy, vì vậy đã khan lại càng khan thêm! Ngày nay Châu-Nguyên có nhiều giả-hiệu đồng nào chánh-hiệu thì quý lắm. Còn truyền-tụng câu : « Ngân vàng còn dễ kiếm, chớ Châu-Nguyên thật khó tìm » (Lời của Ba tôi dạy tôi, lúc sanh tiền) V. h. S. (Tiếp theo đời Sài Vinh là đời Tông, Triệu Khuông-Dẫn là Tống Thái-Tò).

VỀ BỘ TIỀN ĐỒNG ĐỜI XƯA...

(1094-1097) (Tống) — Nguyên-Phù (Yuen - Fou) (1098-1100) (Tống) — Thánh-Tổng nguyên-bửu (Cheng-Song) (hay là Thánh-Nguyên Tổng-bửu) (đời Tống Huy - Tông) (1101) (đồng thời với Nhạc Phi) — Sùng-Ninh (Tch'ong - ning) (1102-1106) n.t. — Đại-Quan (Ta-koan) (1107-1110) (Tống) — Chính-Hòa (Tcheng-Houa) (1111-1117) (Tống) — Tuyên-Hòa (Siuen - Houa) (1119-1125) (Tống) — Kiên-Viêm (Kien - Yen) (1127-1130) (Tống) — Thiệu-Hưng (Chao - Hing) (1131-1162) (Tống) — Chính-Long (Tch'eng - Long) (1156-1160) (đời Kim) — Đại-Định (Ta-Ting) (1161-1189) (Kim) — Long-Hưng (Long-Hing) (1161-1164) (Nam Tống) — Kiên-Đạo (K'ien-tao) (1165-1173) (N.T.) — Thuần-Hi (Choen-Hsi) (1174-1189) (N.T.) — Trị-Bình (Tche - p'ing) (1205) (đời Hậu Lý, V.N.) — Thiệu-Hi (Chao-Hsi) (1190-1195) (Nam Tống) — Khánh-Nguyên (K'ing - Yuen) (1195-1200) (Nam Tống) — Gia-Thái (Kia-T'ai) (1201-1204) (Nam Tống) — Thái-Hòa (T'ai-Houo) 1201-1208) (đời Kim) — Khai-Hi (K'ai-Hsi) (1205-1207) (Tống) — Gia-Định (Kia-Ting) (1208) (Tống) — Thiệu-Định (Chao - Ting) (1228-1234) — Đoan-Bình (T'oan - P'ing) (1234-1235) (Nam-Tống) — Nguyên-Phong (Yuen-Fong) (1250-1258) (đời Trần) (Việt - Nam) — Chí-Nguyên (Tche - Yuen) (1335-1340) (đời Nguyên) — Chí-Chính chi bảo (Tche-Tch'eng) (đồng tiền này đo 50 ly trực kính) — Thiệu-Phong bình-bửu (1341-1358) (đời Trần) (Việt-Nam) —

Hồng-Vũ (Hong-Wou) 1368-1398) (đời Minh) — Đại-Trung thông-bửu (Ta-Tchung) (1368-1398) (cũng đời Minh) — Thiên-Thánh (1391) (ngụy-tiền) — Kiên-Văn (Kien - Wen) (1399-1402) (Minh) — Thánh-Nguyên (1400) (Hồ-Quý-Ly) — Thiệu-Thánh (1401) Hồ Hán-Thương) — Vĩnh-Lạc (Yong-Lo) (1403-1424) (Đại-Minh) — An-Pháp (1418-1428) (tiền mấy năm chồng giặc Minh) (Việt-Nam) — Trị-Bình (1418-1428 (n.t.) (tiền Việt-Nam) — Thiệu-Bình (Lê Thái - Tông) (1434-1440) (V.N.) — Thái-Hòa (1443-1453) (Lê Nhơn - Tông (V.N.) — Diên-Ninh (1454-1459) (Lê) (V.N.) — Quang-Thuận (1460-1469) (Lê) (V.N.) — Cảnh-Thông (1498-1504) (Lê) (V.N.) — Đoan-Khánh (1505-1509) (Lê) (V.N.) — Hồng-Thuận (1509) (Lê) (V.N.) — Vạn-Lịch (Wan-Li) (1573-1619) (Minh) — Thái-Xương (T'ai-Tch'ang) (1620-1621) (Minh) — Thiên-Khải (T'ien-K'ui) (1621-1628) (Minh) — Sùng-Thuận (Tch'ong - Tchen) (vua Sùng-Trinh đời Mạt Minh (1628-1644) — Đại-Thuận (Trương-hiến-Trung chồng Thanh) (1643) — Thuận-Trị (Choen - Tche) (đầu nhà Thanh) (1644-1661) — Hoàng-Quang (Hong-Kouang) (Minh) (1645) — Long-Vũ (Long - Wu) (1646-1647) (Minh) — Vĩnh-Lịch (Yong - Li) (1647-1662) (Minh) — Khang-Hi (K'ang - Hsi) (1662-1722) (Đại Thanh) — Lợi-Dụng (Li-Yong) (1673-1678) (Ngô-Tam Quê chồng Thanh) — Dụ-Dân (Yu-Min) (1674-1676) (tướng Cảnh-Tĩnh-Trung chồng Thanh) Keng Tsing-Chung — Chiêu-Vũ (Tchao-Wou) (1678) (Ngô-

Tam-Quê chồng Thanh) — Hồng-Hóa (Hong-Hoa) (1678 - 1681) Ngô - Thê - Phan (Ou-che-Fan) chồng Thanh) — Ung - Chính (Yong - T'ching) (Ung - Chánh) (1723-1735) (Thanh) — Kiền-Long (Kien-long (1736 1795) (Thanh) — Cảnh-Hưng (Lê Hiên-Tông) (1740-1787) (V.N.) — Thái-Đức (1777-1785) (Tây - Sơn) (V.N.) — Chiêu - Thông (1786) (Lê) (V.N.) — Quang - Trung (1788 - 1793) (Tây - Sơn) (V.N.) — Cảnh - Thịnh (1793 - 1801) (Tây-Sơn) (V.N.) — Gia - Khánh (Kia - K'ing) (1796 - 1820) (Thanh) — Gia - Long (1802-1819) (Nguyễn) (V.N.) — Minh-Mạng (1821-1841) (Nguyễn) (V.N.) — Thiệu-Trị (1841-1847) (Nguyễn) (V. N.) — Tự-Đức (1848-1883) (V.N.) — Đạo-Quang (Tao-Kouang) (1821-1850) (Thanh) — Hàm-Phong (Hien-Fong) (1851 - 1861) (Thanh) — Thái - Bình Thiên - Quốc (T'ai-p'ing-t'ien-k'ouo) (1851-1864) (giặc Hồng-Tú-Toàn) — Quang-Tự (koang-tseu) (1905-1907) (mạt Thanh).

Đền đây dứt bộ - môn tiền xài. Còn đây là bộ-môn *tiền thương và tiền bùa* (monnaie-médaille et monnaie amulette) và vài đồng tiền chưa biết giả hiệu hay chính-thức, vì đời kế-tiếp vẫn còn đúc và đưa ra thông-dụng: (inv. 5017B) gồm 54 đồng và một quan (600 đ.) tiền hiệu Gia-Long:

— Tiền đời vua Thuận (?) (2253 trước Công-nguyên) (chưa biết quả chính-thức hay không?)

— Tiền Cổ-Bồ (koupou) (770-250 tr. C. N.) (chưa biết quả chính-thức hay không?).

— Bồ-tiến (750-150 tr. C. N.) (chưa biết quả chính-thức hay không?)

— Tể-bảo-hóa (*đạo tiền* đời vua Phục-Hi (280-260 tr. C. N.) (chưa biết quả chính-thức hay không?)

Mãng-Hóa-Bồ (Wang-Mang) (9 tr. C. N. — 23 sau C. N.) (chưa biết quả chính-thức hay không?)

— Tiền-đế « *Thiên-Phụng nguyên-niên* » (năm đầu Vương-Mãng) (9 tr. C. N.) (chưa ắt chính hiệu).

— Đại-quan thông-bảo (đời Huy-Tôn nhà Tống) (1107-1111) (đo othio để trực-kính).

— Ngũ-hành đại bồ, đời Kiền-Đức, (575 tr. C. N.).

— Tiền bùa có chạm hình nhật, nguyệt, nguyệt-tinh, đầu-tinh, theo tài-liệu để lại là tiền bùa đời Tống (960-1276).

* *

Đề chấm dứt, tôi xin nêu ra luôn rằng tại nhà riêng của tôi, tôi có một bộ-môn « *tiền bùa* » có một đồng lớn cỡ năm phân tây trực-kính, trên có hàng chữ « *Thái-thượng lão-quân... cấp cấp như luật lệnh* », « một đồng khác để « *trạng-nguyên cấp-đế* », đều là tiền cho người đeo khỏi bệnh, hay trẻ đeo cầu sự may thi đậu, v. v... (cũng thứ tiền nầy xưa các pháp-sư lên để dưới bàn tọa trước khi « *ngồi nghinh* » để cho khỏi bị ngọn lưỡi kiếm đầu sâu!). Ngoài ra tôi có vài đồng tiền thương, trên đề « *Thanh-Thận-Cần* », « hay một câu ban-khen khác », rõ lại đây là loại tiền bằng đồng đời vua Minh - Mạng (1820.

1840) chẻ ra một loạt với tiền vàng (sapèque d'or) tiền bằng bạc (sapèque d'argent) với thứ tiền đồng nẩy, sau Pháp đô-hộ bắc chước gọi « sapèque de bronze » để thưởng quan-dân có công với họ. (Độ trước thấy có một tạp-san ghi lời một học-giả rằng đời vua Minh-Mạng dư-dã phong-phú lắm nên đúc tiền cỡ lớn bằng vàng bạc để thông-dụng. Tôi không muốn cãi vì sợ hiểu lầm sanh ra ác cảm rồi khó làm việc, ích gì? Sự thật đó là loại tiền để dành thưởng công (monnaie-médaille), nên chẻ ra cỡ lớn, bằng loài kim quí, và vì hình tròn nên dễ lắm. Tôi lập lại đó là những: đồng-vàng (kim-tiền, sapèque d'or), đồng-bạc (ngân-tiền, sapèque d'argent), và đồng-tiền (sapèque de bronze). Đời Minh-Mạng, tiền xài và thông-hành, nếu bằng vàng thì gọi thoi vàng (từ hai đến năm lượng) và nếu bằng bạc thì gọi nén bạc (một nén 10 lượng). Vì vậy mới có tích lúc chạy giặc, đức Cao-hoàng chặt một thoi vàng ra làm hai để ông giữ phân nửa và bà chánh-hậu giấu theo mình phân nửa, sau nấy thoi vàng chặt hai ấy được đức Gia-Long sai thợ chạm thêm chữ làm của kỷ-niệm buổi mộng-trấn. Một tích khác nhắc chuyện ông Lê-Ngô-Cát, soạn xong bộ «Quốc-sử diễn-ca» khi dâng lên vua ngự lãm, vua khen, ông nhắc lại bằng câu lục-bát nầy còn truyền-tụng: «Vua khen thẳng Cát có tài: Ban hai xấp lụa, thưởng hai đồng tiền!» (Đây là tôi nhớ thuộc lòng, không ắt đúng nguyên-văn, xin đừng hỏi vặn tôi, tội nghiệp!). Lại nữa, nhà nào còn giữ kỹ bộ tạp-chí

« Đông-Thanh », xin chịu khó tra tìm giùm. Có một năm nọ, lời 1932 gì đó, tôi còn làm việc tại tỉnh nhà, Sóc-trăng, để dễ bề thân-hôn, tôi có được một đồng tiền Minh-Mạng thông bửu cỡ lớn trên một tấc Tây trực-kính, nên tôi viết thư ngay cụ Nguyễn-Văn-Tồ hỏi và được cụ trả lời trên tạp Đông-Thanh rằng đó là tiền đức Minh-Mạng sai đúc chính-thức năm 1836 (Minh-Mạng đệ thập-thất-niên) (1) định lấy đó làm đồng tiền cái (multiple de monnaie), nhưng sau xét thấy quá nặng-nề bế-bộn nên không đem ra dùng, chỉ để làm tiền dần kho, để mỗi tỉnh mỗi kho một mớ nhảm (2).

*
* *

1) Bây giờ mấy ông già bà cả mỗi lần gặp giấy-tờ hay vật gì cũ-kỹ, ưa nói chơi «đời Minh-Mạng thập-thất». Rõ lại năm đó là năm đức M.M. sai tu bộ điển-thảo trong Nam nầy.

2) Nay xét lại đồng-tiền xưa tuy bề-bộn nhưng cũng có chỗ hay. Tỷ như ngày nay, dầu gì ta cũng còn lại một vài đồng «đẻ cạo gió!» Hoặc như cướp đến nhà, nhờ sách nói lão hà-tiện vẫn chỉ đồng tiền kẽm cho chúng xúc, dầu nhiều lắm xúc mất một ghe tiền cũng còn hơn ngày nay chúng bán một cây đinh «vấp tai» đến bạc muôn bạc ức! Tiền giấy như bên Đức, Hitler xuống, một gánh giấy bạc chưa đổi một đĩa bít-tết; và bên Pháp, nghe nói lão André Citroen thua một đêm không biết mấy triệu quan. Trong khi ấy, lão nhà giàu xưa ở bên này, sai đầy-tớ vác theo bảy quan tiền, đã cong xương sống, lão đánh me đến sáng thua sạch vừa chẵn một đồng bạc! Hỏi bên nào hơn??? V. h. S.

Cũng trong tập « Văn-Hoá nguyệt-san » số 53 tháng 8-1960, nơi trưng 967-968, tác-giả bài về « Cổ-tiền Việt-Hoa » cắt-nghĩa về nguồn-gốc hai chữ « tiền-chính » và đưa ra nhiều lý-luận, đọc rồi khiến ta phân-vân khó biết đâu là đúng, đâu là sai. Tiện đây tôi góp dâng lên một thuyết khác: theo tôi được nghe cha tôi nói lại thì: « tiền-chính » hay « tiền-trình » có lẽ lại do tiền đời nhà Đường, niên-hiệu « Trinh-Quán » đời Đường Thái-Tông (627-648) mang qua xứ Việt ta từ thuở, chữ « chính » đọc « trình »... Tôi xin cứ biên ra đây, và kính hỏi lại người cao-kiên xin đính-chính cho.

* *

Vì bộ cổ-tiền của viện bảo-tàng hiện ngưng năm 1883, nên tôi xin gác qua một bài khác, câu chuyện về tiền đồng, kẽm, điều, giấy, từ đời Đồng-Khánh trải qua mấy năm đô-hộ Pháp đến xu đồng và các bạc mấy năm gần đây còn xài.

Một điều lớn tôi ước-ao hơn cả là từ đây quý vị đồng-bào có tìm gặp hay lưu-trữ tiền cổ nào khác hiệu, khác kiểu, khác năm với các đồng trong hai bộ-môn của viện bảo-tàng và kể rõ trên đây, xin đền tiếp-xúc với tôi. Hoặc chúng ta đổi nhau tùy sự thiếu thừa, hoặc quý vị muốn nhượng lại, tôi cũng rán làm cho vừa lòng. Nhưng tôi xin dặn kỹ đừng bắt chước các giai-nhân tân - thời, đi ra đường thì trang-sức hân-hoai mới chịu bước lên xe. Tôi đã già, đồng lương công - nhứt thêm ít-oi. Cứ để đồng tiền cũ-kỹ « thầy kệ nó », đừng chúi, ừng rữa, đừng o-bề gì hết; hãy cho tôi xem trước đã rồi sẽ nói chuyện sau! Đây là mở đầu *Thú vui chơi sắp-xếp cổ-tiền*, bắt chước kiểu các nhà sưu-tập quốc-tế thực-hành từ lâu trong các bộ-môn: tem-cò gởi thơ, tiền điều, mề-day, v.v.

VƯƠNG-HỒNG-SÊN

Giáo-dục

Herbert Spencer bàn về giáo dục trong tập « De l'éducation », có một ý kiến rất cách mạng:

« Những điều dạy bảo hờ hững nhất ở học-đường lại chính là những điều cần thiết nhất ở trường đời... những kiến-thức cốt yếu, những kiến-thức đào-tạo chúng ta trở thành một đại cường, những kiến thức phải dùng làm căn bản cho cuộc sinh-tồn của quốc-dân, được truyền bá trong bóng tối và trong những cuộc hội thảo âm thầm, trong khi các giáo chức có bằng-cấp của chúng ta chỉ làm việc lăm-ràm nhắc lại những công thức cứng nhắc không sinh khí... ».

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

chung quanh cái chết của vua Quang-Trung và giọng ⁽¹⁾ Lè-Phải

Trọng Lai

ĐỌC bài ông Khánh trả lời chúng tôi nghĩ rằng giá được ở gần ông để thảo-luận có lẽ tiện hơn, chứ viết trên giấy, ông hiểu khác ý của chúng tôi nhiều quá, (nếu không dám nói là lạc đề).

Với non 6 trang tạp - chí Phổ-Thông, ông Khánh trách chúng tôi không ngoài hai điều :

Điều thứ nhất, ông trách chúng tôi quá tin ở bộ Đại-Nam liệt truyện chính biên, một bộ sử mà theo ông « ai có đôi chút công tâm cũng phải nhận thấy rằng các sử quan triều Nguyễn lúc biên soạn đã mắc phải cái bệnh xu-phụ thời thế quá đáng. Họ đã dùng ngòi bút của họ đề cầu vinh, cầu quan to, bổng lớn... » do đó có 2 sai lầm :

a) Gọi hoàng - đế Quang - Trung một cách xách mé y như gọi một kẻ thứ-dân.

b) Sử - gia đã mơ truyện Phong-Thần hay Phong-Kiến Xuân - Thu.

Điều thứ hai ông trách chúng tôi ít hiểu biết về con cáo già Càn - Long nên tâng-bốc quá đáng, lại có giọng khinh-bạc và kỳ - thị chủng - tộc (?) như nói : *dưới mắt họ, vua ta chỉ là một tù trưởng, bị coi ngang hàng với một quan nhị, tam phẩm, tại triều...*

Cùng với việc trách hai điều trên, ông có mượn lời ông Cổ-Bàn-Nhân, giới thiệu quyển Quang-Trung của Hoa - Bằng để đính-chính một đoạn sử chúng tôi đã dẫn.

Tóm tắt công việc của ông Nguyễn-Thượng-Khánh là chừng ấy. Chúng tôi xin lần lượt trả lời :

**Tại sao chúng tôi tin
bộ Liệt truyện chính biên ?**

Thưa ông Khánh, việc cầu hôn công chúa Tàu và cái chết của vua Quang-Trung theo

(1) Chúng tôi giữ nguyên chữ ông Khánh viết.

chỗ chúng tôi biết, chỉ có chép trong các bộ sách sau đây :

1^o) Gia-phả họ Vũ do Vũ-Vĩnh-Thứ soạn năm Bình-ngọ, niên hiệu Tự-Đức 22 (1870).

2^o) Gia-phả họ Nguyễn Lê (?) do ông Nguyễn-Thượng-Khánh nhớ lại và chép trên Phổ-Thông tạp chí một ít (1961).

3^o) Tây-Sơn dã-sử (khuyết danh).

4^o) Đại-Nam liệt truyện chính biên do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn năm 1862.

Các sách khác về sau như « Tây-Sơn lịch sử » của Sở-Cường Lê-Dư (bằng Hán văn, Đông-Châu Nguyễn-Hữu-Tiến dịch) « Sử Tây-Sơn » của Thiện Đình « Triều Tây-Sơn » của Phan-Trần-Chúc, « Quang Trung » của Hoa-Bằng v.v... phần nhiều dùng tài liệu một vài sách trên (trừ gia-phả họ Nguyễn Lê, đến nay mới có dịp công-bố).

Xét quyển thứ nhất, chúng tôi thấy khó kết nạp vào lịch-sử được. Phạm là gia-phả thì không bao giờ do người đời sau soạn, vì theo thông-lệ gia-phả do nhiều đời nối chép mà thành. Ông Vũ-Vĩnh-Thứ làm chuyện « soạn » gia-phả họ mình có lẽ không ngoài mục đích « vẽ rắn thêm chân » cho dòng họ mình thôi. Việc làm ấy tuy đáng phàn-nàn nhưng chúng ta cũng phải công-nhận là ông biết rõ tông-tộc mình về mặt gia-hệ, đồng thời chúng ta cũng phải phục sự khéo léo của ông : những số, chiếu, biểu chương, ông viết rất đúng văn-pháp, khó mà nhận ra thực hay giả. Tuy nhiên, chúng tôi thấy có vài chỗ đáng nghi :

Trước hết, ông bảo rằng Vũ-Vân-Dũng (nội tổ của ông Thứ) làm chánh sứ sang Tàu dâng biểu cầu hôn và đòi Lương Quảng. Theo chúng tôi biết, Vũ-Vân-Dũng là một võ-tướng, mà việc đi sứ cốt ở biện-bác, thù tạc, nhiều khi có xướng họa nữa, như thế, đã mấy vua dám giao công việc ấy cho một võ tướng ? Đành rằng ông Thứ có lý khi « quân-sự hóa » vai trò của chánh sứ : phải xem xét địa-thể để hành quân, dòm dòm tình hình thực, lực đối-phương do đó cần giao cho võ tướng.

Nhưng, chúng tôi nghĩ, nếu việc trên quá cần thiết thì đáng lẽ võ tướng phải giữ chức phó-sứ hay bồi-sứ mới được chứ ? Như thế thì mới chu-toàn được hai cái khó : vừa rộng rãi trí óc, thì giờ để quan sát tình-hình, vừa thoát cái nạn « chuyên đối » nhiều khi bảm tính chất thứ tài dưới nhiều hình-thức oái-oăm mà Mạc-Đĩnh-Chi, Phùng-Khoắc-Khoan, Nguyễn-Đặng-Đạo, Đặng-Thụy, Lê-Quý-Đôn (1) v.v. đã có lần vướng phải. Vua Quang-Trung còn lạ gì những lối chơi biếm hóc của triều quan Trung-quốc, sao lại không trao cho một Phan-Huy-Ích (người đã chiếm được cảm tình của vua Càn Long) hoặc một Ngô-Thời-Nhiệm, một Trần-Văn-Kỷ hay một văn quan nào khác ?

Chúng ta đã đánh giá sai sự quan-hệ của cuộc đi sứ này nếu tin vào thuyết ông Vũ-Vĩnh-Thứ. Ông Hoa-Bằng đã đưa vào tác phẩm « Quang-Trung » những điều ông Thứ « soạn » nhưng theo chúng tôi, xét vấn đề như thế có phần phiến-diện và chủ-quan.

(1) ba ông trước do Trạng nguyên, 2 ông sau, 1 bằng nhân, 1 tiến sĩ.

Đi sứ, nhất là cuộc đi này, là phải vận-dụng tài năng biện-bác, phải khéo léo dùng sự việc chính đáng của người xưa để viện-chứng, hùng thuyết - phục đối - phương, khiến họ phải tôn - trọng ý kiến mình, nhượng bộ mình, làm thoả mãn đòi hỏi của mình. Trước khi đi, bao giờ triều-thần cũng hội nghị, thảo-luận kỹ vấn-đề, nghiên - cứu trước những trở ngại có thể xảy ra, gần như là chuẩn - bị một « cảm nang » cho vị sứ giả, nhưng rồi còn tùy chiều hướng của cuộc hội-thương, vị chánh sứ còn phải sử dụng tài hoạt-bát, óc thông hiểu cổ kim của mình, để quyền biến, đối đáp. Cuộc đi sứ này lại gồm cả hai công việc nặng nề : việc cầu hôn đã khó mà việc đòi đất cũng chẳng dễ gì ! Các triều đại trước, chỉ mỗi một việc đi nộp cống lễ mà còn sợ khó khăn bất trắc, không lẽ việc đi hỏi vợ, đòi đất, vua Quang-Trung lại chỉ nghĩ đến việc xem xét tình hình, địa thế mà thôi ư ? Bộ sách « Quang-Trung » của ông Hoa-Bằng chứa nhiều tài-liệu đáng quý, nhưng theo thiếu ý chúng tôi, ông Hoa-Bằng vẫn mắc chứng bệnh thông thường của phần đông khảo-cứu gia là thích công trình mình được đồ-sộ cho nên có phần dễ-dãi trong khi phân tích, kén chọn tài-liệu, một công việc đòi hỏi nhiều đức-tính mà khuôn-khổ bài này không cho phép bàn đến.

Điều đáng nói nữa là ông Thứ đã tạo một đạo sắc bằng chữ Hán hoàn toàn, (1) bảo rằng của vua Quang-Trung gửi cho Vũ-văn-Dũng.

Một vị hoàng-đế có óc tiến-bộ, luôn luôn hô hào dùng chữ nôm, bắt buộc sĩ tử đi thi phải thạo chữ nôm, thế mà đạo sắc ban cho một võ tướng lại dùng chữ

Hán ? Vua Quang-Trung tự mâu-thuẫn hay ông Vũ-vinh-Thứ đã không vẹn toàn khôn khéo ? Chắc rằng ai cũng trả lời câu này được.

Có lẽ còn nhiều điều đáng bàn hơn nữa nhưng vì không sẵn tài liệu ấy nên chúng tôi không tiện bàn thêm; nhưng điều ông Hoa-Bằng trích dẫn đưa vào quyển Quang-Trung, chúng tôi không dám căn cứ. Vậy tôi đặt quyển gia-phả họ Vũ ngoài việc khảo-sát về cái chết của vua Quang-Trung và việc cầu hôn công chúa Tàu. Chúng tôi xin thêm một ý kiến của người đi trước : trong Trung Bắc chủ nhật số Tết năm Quý - Mùi (1943) ông Lê-văn-Hoè khi giới thiệu gia-phả họ Vũ, cũng đã viết một cách do dự : « Phải chăng vua Càn-Long nhà Thanh đã bằng lòng trả vua Quang Trung tỉnh Quảng-tây làm nơi đóng đô và gả cho công chúa ? » (trang 20).

Xét đến quyển thứ hai có nói đến vua Quang-Trung là quyển gia-phả họ Nguyễn

(1) Chúng tôi xin phiên âm và tạm dịch đề bạn tham khảo : « Sắc Hải dương Chiêu viễn đại đô đốc đại tướng quân Dục vận công thần Vũ quốc Công tiên gia lãnh Bắc sứ chánh sứ kiêm toàn ứng tấu thỉnh đông tây Lương-Quảng di khuy kỳ tâm, công chúa nhất vị di khích kỳ nộ. Thận chi thận chi, kỳ dụng binh hình thế tảo tại thử hành, tha nhật tiên phong, khanh kỳ nhân dã — Khâm tai sắc lệnh — Quang-Trung tứ niên, tứ nguyệt, thập ngũ nhật. (sắc cho Thiên viễn đại đô đốc

đại tướng quân Dục vận công thần Vũ-quốc-Công lãnh chức chánh sứ sang Tàu, toàn quyền ứng đối, xin hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây đề dõm đồ bưng họ, xin cầu hôn công-chúa để chọe giã họ. Cầu thận đây, cần thận đây, việc xem hình thế dùng binh đều ở chuyển đi này, ngày khác khanh sẽ là tướng tiên phong đây.

Kính thay sắc lệnh

Ngày mười lăm tháng tư năm Quang-Trung thứ tư)

Lê. Không ai có thể nghiên cứu, khảo sát quyền này được vì nó chỉ còn trong trí nhớ của ông Nguyễn-Thượng-Khánh. Muốn biết, chỉ có việc đọc bài của ông Khánh (?) Nhưng chúng tôi biết nói sao đây? Nó trùng hợp với gia phả họ Vũ đến 90% ư? Sao lại có chuyện lạ thế nhỉ? Ông Khánh ơi! thế thì 10% còn lại có lẽ chỉ là sự khác nhau giữa những chữ Nguyễn với chữ Vũ, giữa vài tên Vũ-Văn-Dũng, Vũ-Vĩnh-Thứ với bốn, năm tên riêng của lệnh-tộc mà ông Khánh đã dẫn thôi chẳng? Còn 90% kia quả giống nhau như hệt à? Việc tính « thành phần bách phân » của sự giống nhau giữa hai gia-phả xin để tùy ông, chúng tôi xin tiếp tục nói đến việc khác.

Mặc dù do chính hậu-duệ của dòng họ Nguyễn Lê thuật lại, chúng tôi vẫn thấy gia-phả họ này có vài chỗ không được hoàn toàn minh bạch:

1) Tại sao vua Lê-Hiến-Tông lại đặt tên là Lê-Duy-Mật (3) cùng một tên với chú ruột của vua, người gần gũi vua khi còn nhỏ, và khi người ấy khởi nghĩa chống Trịnh-Giang, vua Hiên-Tông (khi ấy còn mang tên là hoàng tử Lê-Duy-Diêu) cũng bị vạ lây (bị giam đến đời Trịnh-Doanh mới được tha). Vua Hiên-Tông đặt tên con như thế là cố tình hay đang trí?

2) Cụ Nguyễn-Lê-Dương làm chánh úy (chúng tôi chưa có dịp tra cứu ở châu-bản triều Nguyễn xem có hay không), vậy xét về phẩm-cấp quan lại tại triều

Nguyễn thì đứng vào hàng chánh tam-phẩm, còn xét về lương bổng thì đồng-niên lãnh 150 quan tiền, 120 phương gạo, so ra chưa bằng một nửa lương bổng của quan tòng nhất phẩm, về phẩm ngạch còn ở dưới bốn bậc chánh và tòng, tại sao cụ lại được « ban quốc-tính » trong khi nhiều người khác không được? Theo chúng tôi biết hình như triều Nguyễn không có tục ban quốc-tính. Vả lại họ Nguyễn là họ cụ mang sẵn, việc gì vua Minh-Mệnh lại lăm cẩm bót đi chữ đệm mà lại gọi là « tứ tánh »?

Ông còn bảo rằng khi cụ Nguyễn Lê Dương « làm đến chánh vệ úy thì đưa gia - đình về mua đất đai ở làng Phong phú .. đề khai cơ lập ấp. Người định giữ năm xương tàn nơi đó với ngôi nhà thờ có 3 chữ đại tự « Nguyễn Lê Phái »... Tại sao có lý do đặc-biệt đó? Theo tâm-lý con người nhất là người Việt-Nam có ai làm nên vinh-hiến mà lại từ bỏ quê nhà không? Có ai về già lại thích « gửi năm xương tàn » nơi đất khách không? Có ai vô cớ thiết-lập nhà thờ dòng họ mình ở một chốn xa xôi không?

Thế mà cụ Nguyễn-Lê-Dương quyết ở lại Quảng-Nam. Đọc « Giòng Lê Phái... » Đến đoạn này chúng tôi thích chí quá! Vốn là dân Quảng Nam, lại ở gần Phong-phú, nay thấy nói có một vị quan to trước đây, đã có lần say mê cảnh-trí quê chúng tôi đến mức quên cả quê-quán, tôi rất khoái trí nhưng rồi lại bị cụt hứng ngay vì đọc tiếp thấy nói do sự khéo léo động viên tinh thần cha già, người con trai cụ đã làm cho cụ cảm động, đổi ý

(3) Chúng tôi xin lỗi đã làm nhầm tại bạn đọc về câu hỏi này nhưng không thể dùng được vì ông Khánh buộc chúng tôi lặp lại mãi.

nguyện, theo con về quê tổ mà « không quên trịnh-trọng đến lạy nhà thờ và đem theo cả cuốn gia phả của giòng họ ».

Rồi về đến quê hương, « vừa bước vào nhà, việc làm thứ nhất của cụ là lên lạy tổ-trên ở nhà thờ » (?) Thì ra, khác với lệ thường, quý tiên-nhân của họ Nguyễn-Lê được thờ cả hai nơi một lần : trong khi cụ Nguyễn-Lê-Dương săn-sóc nhà thờ họ ở Phú-Phong, thì người con trai cụ đã trốn ra Thanh-hóa lập một nhà thờ y hệt, tuy vậy, có lẽ nghệ thuật kiến-trúc, trang-hoàng xứ Thanh có gì đặc-biệt, linh động hơn, nên chỉ khi « nhìn thấy bức hoành phi có ba chữ đại sự Nguyễn Lê Phái » ở đấy thì cụ « ôm chầm lấy người con trai mà khóc nức-nở » dù là ba chữ ấy cụ đã từng chăm chút, quen thân ngọt sầu, bảy chục năm trời (4) khi còn ở Quảng-Nam.

Và sau khi chúng tôi có mấy dòng thảo luận trên Bách-Khoa tạp chí số 112, ông Khánh lại khéo-léo (nhưng chỉ khéo với ông thôi!) báo « trước » cho chúng tôi trong Phổ-Thông số 65 rằng cụ Nguyễn Lê Dương thọ 137 tuổi! Chúng tôi rất mừng thấy dân ta có người hấp-thụ được tiên-thiên và hậu-thiên dồi-dào đến thế! Thật là một kỷ-lục sống lâu trên đất nước này! Chắc ông Khánh sẽ bảo rằng số tuổi

(4) Cụ đỗ khoa thi vô dời Minh-Mệnh, và có lẽ làm quan đến đầu dời Tự-Đức là cùng. Nói cách khác, nếu ta cho rằng lệ về hưu của võ quan triều Nguyễn tối đa là 70 tuổi thì chúng ta có thể đoán phỏng thời gian ở Quảng-Nam của cụ Nguyễn-Lê-Dương như thế.

thọ của cụ Nguyễn Lê Dương được ông ghi trên tạp-chí phổ-thông là một sự thật. « Tình cờ chẳng hẹn mà nên » nó đã trùng hợp 90% với số tuổi cần thiết mà chúng tôi đã nêu ở tạp chí Bách-Khoa số 112, chứ thật tình ông không có ý nhấn trước với chúng tôi hoặc với độc-giả Bách-Khoa? Nếu thế, chúng tôi xin vâng. Và chúng tôi xin hỏi nhỏ bác « ấn-công » nào đó, có sao sắp con số 137 to và đậm nét đến thế??!!

Bộ sách thứ ba có nói về đời vua Quang-Trung là bộ Tây-sơn dã-sử. Bộ này vốn viết bằng Hán-Văn và tôi xem hỏi còn nhỏ nên chẳng nhớ được gì. Vì không có sẵn bên mình nên chúng tôi không thể định-đoạt được nên hay không nên căn cứ vào nó.

Rút cuộc, chúng tôi căn cứ bộ Liệt Truyện Chính Biên. Chúng tôi căn cứ bộ sách này vì mấy lẽ:

— Đó là bộ sách có nói tương đối đầy đủ về các nhân vật sống trong thời Nguyễn.

— Soạn giả là một nhóm người chứ không phải là một người.

— Đó là bộ sử viết gần đời Quang-Trung nhất (biết đâu các sử-quan lại chẳng gặp được một vài người gần gũi vua Quang Trung, được tai nghe mắt thấy những việc xảy ra! — nếu họ sống chừng 80 tuổi thôi).

Chúng tôi cũng đồng ý với ông Khánh rằng sự ghi chép bộ sử ấy không được hoàn-toàn trung-thực, nhưng chúng ta làm sao tìm cái « hoàn-toàn » được trong khi mọi vật đều « bất toàn »? Hoa hồng nào lại chẳng có gai? Những « gai »

CHUNG QUANH CÁI CHẾT CỦA VUA QUANG TRUNG...

của « hoa hồng » này là tâng bốc đương triều, và mặt sát đối-lập bằng những tiếng xưng hô. Song chúng tôi chắc chắn rằng những « gai » ấy không đâm nhằm ai được cả vì mới xem « hoa hồng » ấy ông Khánh đã la ãm lên là có « gai » rồi, huống hồ cầm đến nó, ai lại đại-dột không biết?

Tuy nhiên, chẳng có người nào cắt hoa hồng mà lại quá cẩn thận trầy hết gai rồi mới thưởng thức, thì ở đây cũng vậy, muốn cắt « hoa hồng » cho người khác thưởng thức, chúng tôi phải làm đúng cách là cắt theo cả « gai », và người thưởng thức chắc là sẽ nghĩ ở « cánh hoa », « nhị hoa » chứ ai đi nghĩ vào « gai » hoa làm gì! Vậy chữ tiếm, chữ ngụy, chữ tàn-ngược vô-đạo v.v... ai thèm chú ý cho lắm khi muốn xem, muốn biết về cái chết của Vua Quang - Trung hoặc việc cầu hôn công chúa Tàu?

Trích một câu văn của ai, bốn phận người trích là không được làm sai một tí nào, dù nguyên bản có viết sai, viết thiếu hoặc thể nào đi nữa cũng không được phép tự tiện sửa đổi (5) chắc ông Khánh thừa biết thể rồi.

Trừ trường hợp muốn viết một quyển sử thì có quyền lấy tài-liệu ở bộ sử khác (cố nhiên phải ghi tài liệu ấy và mục sách tham khảo) rồi tự do lựa chọn theo quan-điểm của mình, tuy nhiên, những chỗ loại bỏ dù có lý do xác đáng tuyệt - đối hay tương đối,

(5) Ví dụ câu nói ãm về địa lý của Hưng-Đạo-Vương nói khi sắp mất, câu ngớ ngẩn về lịch sử trong câu chuyện đàm thoại giữa vua Quang Trung và một cận thần... và biết bao chữ sai của văn thi sĩ Âu Á mà người ta vẫn duy trì như của André Gide, Từ Tư, Thạch Lam v.v...

cũng vẫn phải nên chú nó vào sách mình để người xem rộng đường kê-cứu. Chẳng hạn như đoạn sử sau đây của Charles B. Maybon (6) viết trong Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592 - 1820). Ông viết ở trang 313 :

« La fin de l'année 1792 est notable par un événement de grande importance : La mort de Nguyễn-Văn-Huệ. Encore dans la force de l'âge, de plus jeune de Tây-Son — et le plus remarquable de la famille — n'avait que quarante ans lorsqu'il fut attaqué de la maladie qui devait l'emporter (7) Il appela auprès de lui ses principaux mandarins pour leur donner ses dernières instructions ; il leur dit : Je sens que ma fin est proche, mon fils Toàn, qui ne manque pas d'intelligence, est bien jeune encore et je crains que des troubles ne suivent sa mort. Que les cérémonies de mes funérailles soient rapidement faites et sans perdre le temps transportez ensuite la capitale au Nghệ - An ; là vous pourrez vous défendre contre les troupes des Nguyễn si elles font mine d'avancer. Je vous recommande

(6) Tiến-sĩ văn-chương Pháp, giáo sư sử học danh tiếng của trường Đại học Hà - Nội cũ, sau về dạy ở Collège de France.

(7) Quelque temps avant sa mort, rapportent les auteurs annamites (Historiographies VI, 7, 8 ; Biographies XXX, 42) il était assis, un jour, vers le milieu de la journée, lorsqu'il fut pris de vertige, il aperçut alors un homme à cheveux blancs qui lui dit : « Comment oses-tu osé détruire les tombeaux des Lê » ? Puis le vieillard lui donna un violent coup d'une barre de fer dont il était armé et Huệ perdit connaissance.

mon fils » (xin tạm dịch : Cuối năm 1792 một biến cố rất quan trọng xảy ra : cái chết của Nguyễn-Văn-Huệ. Đang tuổi cường tráng, trẻ nhất trong số anh em Tây-Sơn — và là người đáng kể nhất của gia đình ấy — khi lâm trọng bệnh (7 bis) ông ta mới bốn mươi tuổi. Ông ta gọi các đại thần đến bên giường bệnh để trần-trối Ông nói : « ta cảm thấy ngày chết đã gần kề, con ta tên Toàn, không kém lắm nhưng còn bé quá, ta e có rối loạn xảy ra sau khi ta chết. Vậy lẽ nghi tống táng phải làm qua loa và sau đó phải dời đô về Nghệ-An ngay. Ở đây bọn người mới có thể chống cự được lực lượng quân Nguyễn nếu chúng lâm-le kéo đến. Ta gởi gắm con ta cho bọn người đây !).

Ngoài việc trình bày lỗi chép sử của một sử gia ngoại quốc, chúng tôi còn muốn nói rằng mấy câu trên không phải do sử-quan triều Nguyễn viết, không mong gì được quan to bằng lớn, liệu ông Khánh có cho là « không đáng tin » hay không ?

Đến đây, chúng tôi xin tạm ngưng thảo luận để có mấy lời xin lỗi quý vị hậu-duệ của Lê-Văn-Hưu, Phan-Phù-Tiên, Ngô-Sĩ-Liên, Vũ-Quyền cùng biết bao sử quan khác, nhất là cụ Phan-Thanh-Giản (người làm Tổng-tài khi biên soạn bộ Đại-Nam Liệt Truyện chính biên) là chỉ vì chúng tôi, vâng, chỉ vì chúng tôi mà tổ-tiên quý vị phải bị ông Khánh giễu là « mơ chuyện Phong Thần, Phong Kiến Xuân Thu », chịu tiếng là « mắc phải bệnh xu-phụ thời thế một cách quá đáng » và bị mắng là « dùng ngòi bút đề cầu vinh, cầu quan to, bằng lớn » (8)

Các cụ ấy không làm giống Tư-Mã-Thiên, Đông-Hồ hay 3 nhà chép sử nước

Tề là các cụ ấy bị liệt vào hàng đê tiện ngay. Không ngờ vì chúng tôi mà quý vị bị xúc phạm, xin quý vị thứ cho lỗi lầm ngoài ý muốn của chúng tôi.

Đối với hương hồn các sử gia đời trước, chúng tôi xin các ngài đừng phiền vì phần đông chúng tôi hiểu rõ nỗi khổ-tâm của các ngài : các ngài đâu có quyền điều khiển ngòi bút một cách tự-do khi phải chép sử đương triều. Công của các ngài vẫn được người đời lưu ý.

Chúng ta nên nghĩ rằng một Tư-Mã-Thiên không đủ sức chép tất cả lịch sử Trung-Hoa huống gì một Đông-Hồ, hay 3 nhà chép sử nước Tề chỉ có bốn phạm chép sử một vài đời ?

Khi xem lịch-sử nước họ, các học-giả Trung-Hoa có vớt tất cả sử sách đi để bằng cứ mỗi một bộ Sử-ký của Tư-Mã-Thiên viết từ đời Hán và vài trang chép việc Thôi tử của ba sử-gia nước Tề hay vài trang của Đông-Hồ ghi việc Triệu-Tuấn giết vua ?

Hầu hết sử Việt-Nam trước đây đều do các sử quan chép, cố nhiên lời lẽ tâng-

(7 bis) Những tác-giả Annam thuật về quãng ngày trước khi chết của ông ta như sau (theo Việt sử thực lục VI, 7, 8; Liệt truyện chính biên XXX, 42) : « Một hôm, vào giữa trưa, ông ta ngồi, bị xây xẩm mặt mày, thấy một người tóc bạc bảo rằng : « Tại sao ngươi dám phá hoại mồ mả nhà Lê ? » Rồi ông già ấy cầm gậy sắt đập mạnh và Huệ mê man.

(8) Theo chúng tôi được biết, hình như ngoài Ngô - Sĩ - Liên được thưởng năm chục quan tiền khi soạn xong bộ Đại Việt sử ký toàn thư, còn các sử quan khác chẳng hưởng được lợi lộc gì khi làm bốn phạm cả.

CHUNG QUANH CÁI CHẾT CỦA VUA QUANG TRUNG...

bốc, mặt-sát không chừng, chuyện huyền-hoặc bày thêm chẳng ít, nhưng ngày nay chúng ta tìm lại việc xưa, không khảo ở đây thì nhờ vào đâu? Theo ông Khánh thì cứ việc vứt tuốt, bỏ tuốt, chỉ nhắm mắt tin theo những gì ông đã kể ra thôi.

Muốn biết về Ngọc-Hân công-chúa ư? Cứ đến hỏi ông, ông sẽ đọc cho nghe bài thơ « Tự oán » của chính công-chúa sáng tác, có ghi trong gia phả Nguyễn Lê, ông sẽ kể cho nghe nàng thiếu-nữ nghĩa-quân vào cung liên lạc với công chúa mà chẳng ai hay...

Muốn biết vua Quang-Trung đã chết như thế nào ư? Hỏi ông, ông sẽ « chiếu bóng chặm » cho mà xem nào là Quang-Trung tiến vào hậu-cung dùng cơm... nào hân-hoan bưng chén rượu lên mời... nào bỏ dở bữa cơm tiến lại ngả lưng trên long-sàng và dầy-dụa một lúc rồi tắt thở luôn...

Muốn biết hoàng tử Lê-Duy-Mật ư? Hãy vứt tất cả sử đi để nghe ông thuật : hoàng tử Duy - Mật anh ruột Ngọc-Hân công-chúa, con trai vua Hiến-Tông, bởi cuối thế kỷ 18, vì họa Tây-Sơn mà phải bôn ba mưu đồ khôi phục cơ nghiệp cho cháu...

Và tò mò tí nữa, ai muốn biết tuổi thọ của cụ Lê-Duy-Dương ư? Thì đó, tìm Phổ thông số 65 mà xem ! Rõ ràng 137 tuổi, giấy trắng mực đen, do chính tay đích tôn của cụ viết ra, còn nghi ngờ nổi gì?

Nếu ai còn muốn tìm sự thực không thiên vị của lịch sử, do những người « đứng về phía nhân dân » chép thì hãy

giở Phổ Thông LXII, 12 : « Vì nhu nhược nên vua Hiến-Tôn bị quyền thần họ Trịnh xưng chúa » (9).

Muốn biết việc phong vương của thời trước diễn ra như thế nào, giở Phổ Thông LXVI, 63 sẽ được biết rằng mỗi khi vua Trung quốc phong vương cho vua Việt Nam thì vua ta cứ sang tâu mà « nhận ấn tín » như đời Quang-Trung đã làm (mặc dù dùng vua giả đi nhận).

Vừa rồi, nghe lời ông khuyên, chúng tôi có lấy bộ Quang-Trung của Hoa-Bằng xem lại, thấy nói khi vua Lê-Hiến-Tông đau nặng, băng hà, Nguyễn Huệ còn ở Bắc và có đứng tể; chịu tang, thế mà nhìn vào Phổ Thông LXII, 14, khi vua mất, Nguyễn Huệ vẫn cứ ở Phú-Xuân, chứ không dự lễ tang, mãi về sau, nghe Nguyễn-Hữu-Chỉnh lộng quyền mới kéo quân ra trừ (?).

* *

Đến điều trách thứ hai, ông bảo tôi « chỉ nghe nói đến vua Càn Long, cho đó là một đấng chí-tôn ghê-gớm lắm ». Ông đặc biệt chú ý các câu của tôi như :

(9) Theo các bộ sử, họ Trịnh bắt đầu lấn quyền từ đời Lê Thế-Tông : Năm 1599, Trịnh-Tùng xưng làm Đô nguyên-súy Tổng quốc-chính Thượng phụ Bình-An-vương và con cháu được tập tước vương mãi, Trịnh-Tùng còn định mức chu cấp cho vua Lê, nắm tất cả quyền binh, dân chúng gọi là chúa. Khi Lê Hiến-Tông lên ngôi, nghiệp chúa đã trải 8 đời rồi.

— Một ông vua « đầu dọc » của hệ thống lễ nghi Á Đông...

— Người Tàu đâu có chịu một hành động phạm-thượng như thế...

— ... Dưới mắt họ, vua ta chỉ là một tù trưởng bị coi ngang hàng với một quan nhị tam phẩm...

Tôi xin nói rõ nghĩa mấy dòng trên :

Chắc ai cũng biết luân-lý đạo-đức Khổng Mạnh phát xuất từ Trung Hoa, lan dần ra các nước lân cận như Triều-Tiên, Nhật-Bản, Việt-Nam. Vậy muốn ví với cái cây, ta phải kể Trung Hoa là gốc, ta là ngọn, muốn ví với một họ thì Trung Hoa là họ cả, ta là chi, phái (10). Vậy họ bị đặt vào một địa vị « đầu dọc » rồi còn gì? Chúng tôi muốn nói rằng vì thế họ buộc lòng phải xử sự đúng theo địa-vị, phải áp dụng tục-lệ đã có của hai dân-tộc.

Chúng tôi không có ý dùng từ ngữ « đầu dọc » để đề cao vua Càn Long, chữ ấy có đẹp gì cho lắm, nhất là chúng tôi đã cho nó nằm giữa hai ngoặc kép (loại dấu không phải ít công dụng như đã ghi giản lược trong sách giáo khoa).

Còn chữ « phạm thượng », không phải là từ ngữ chúng tôi dùng để trách vua Quang - Trung mà là chữ dùng phụ diễn một ý nghĩ phải có trong óc người Tàu hồi đó.

Theo tâm lý thông thường của mọi người, việc gả chồng ra nước ngoài là điều gây xôn xao cho dư luận nhất và hình như hầu hết đều phản-đối hơn là tán thành. Cứ xem dân ta đối với việc lấy chồng Tây, chồng Chà, chồng Chêch v.v... trước đây

(10) Xin nhớ là xã hội thời ấy.

thì đủ biết. Một công chúa Huyền-Trân gả về cho Chiêm-vương Chế-Mân đã làm dư-luận sôi nổi một thời. Để chỉ trích bóng gió cuộc hôn-nhân ấy, mấy câu ca-dao vẫn còn truyền tụng và 49 bài thơ nôm còn nằm trong văn-học Việt-Nam.

Vậy việc cầu hôn của vua ta, bảo sao dân Tàu, triều đình Tàu không coi là « phạm thượng » được?

Còn chúng tôi nói : dưới mắt họ vua, ta chỉ là một tù trưởng... là đúng theo cái thái độ khinh người của các ông « con trời » thuở bấy giờ. Từ xưa, họ đã dùng từ ngữ « Nam man » « Nam di » để gọi dân ta, như vậy, họ đã xem vua ta như thế nào?

Chúng tôi nói họ xem vua ta như một quan nhị tam phẩm, thế mà bảo là « khinh bạc » ư? Thử tưởng-tượng một viên quan nhị phẩm Tàu, ví dụ viên tổng đốc Lưỡng-Quảng chẳng hạn, cai trị gần 50 triệu dân (hiện nay 54.300.000 dân). Với nguồn nhân vật tài lực ấy, thế lực viên quan nhị phẩm của Tàu đâu phải nhỏ. Đã chắc gì dân Tàu, triều đình Tàu chịu coi vua « An nam » ngang hàng với một quan Tổng-dốc hay Thị-lang, Viên ngoại... của họ?

Chúng tôi nghĩ rằng Sử học ngày nay đã dần trở nên một khoa-học nghiên-cứu, sưu-tầm sự thực đã xảy ra trong xã - hội loài người. Bỏ-phận người chép sử là phải trung-thực với dữ-kiện xã-hội mà ghi chép đàng-hoàng, việc xảy thế nào, tả chân thế ấy chứ không phải vẽ-vang hóa sự-kiện lịch-sử để gây trò cười cho người ngoại-quốc.

Đứng vào quan - điểm ấy, chúng tôi thảo luận với ông Khánh, ông lại ngờ tôi « có giọng khinh-bạc kỳ-thị chủng-tộc » (?), ông vội vàng giảng - giải cho tôi rõ Càn-Long là người thế nọ thế kia...

Đối với tôi, Càn-Long chỉ là một người Trung-Hoa may-mắn thôi. Phạm-vi cuộc thảo-luận không cho phép tôi phê-phán về nhân-vật ấy. Nhưng ít ra chúng tôi cũng chẳng hề coi vua Càn-Long là ghê-gớm, là vĩ-dại như ông Khánh tưởng. Chúng tôi nghĩ rằng sùng-thượng hay chê-bai một người nào phải chờ xem đầy đủ những gì họ làm được chứ chúng tôi chẳng đại dốt khi thấy họ là vua, là quan hoặc thấy họ xưng con ông này cháu ông khác mà đã vội cho đó là ghê-gớm, là vĩ-dại. Có lẽ cũng vì thế mà có cuộc thảo luận này.

Ông Khánh còn sốt-sắng đưa ra một ít « sử-liệu » về Càn-Long, có lẽ không rút ở « gia phả Càn Long » vì chúng tôi thấy nó hơi giống một vài chỗ trong bộ « Càn-Long du Giang-Nam », một bộ kiếm-hiệp tiểu - thuyết, trong đó vai chính là vua Càn-Long, một người võ-ngệ tuyệt-luân, giàu lòng hào-hiệp nên tạm rời ngôi vua một thời-gian, vi-hành miền Giang-Nam để trừ bọn Quan lại tham - tàn, hách - dịch, « sửa trị cụ-thể » bọn ý thể ý thần bằng phương-pháp đấm đá rất cừ. Tóm lại, đó là một bộ tiểu-thuyết rẻ tiền (ba xu mỗi tập) tuổi 10, 11 xem nó rất khoái, chẳng khác gì phim cow-boy đối với trẻ con ngày nay.

Chẳng lẽ loại sách ấy mà ông Khánh cũng xem là sử-liệu à ? Ông là người thật khó hiểu : khi cần đối đáp với những người thảo-luận cùng ông thì ông « ngờ » tất cả sách vở họ dẫn, nhưng đến khi ông

đọc sách, thì bất cứ loại gì ông cũng « tin » ngay.

Điều khiến chúng tôi bức mình nhất là trong khi ông Khánh « *ĐỪNG HÃN VỀ PHÍA NHÂN-DÂN MÀ CHÉP SỬ* », chúng tôi cũng *TẬP-TÊNH ĐỪNG VÀO PHÍA NHÂN-DÂN MÀ ĐỌC SỬ*, thế mà ông Khánh nỡ xem chúng tôi như một người Mãn-Thanh của thế kỷ 18, tái sinh để mượn cớ dư cuộc thảo-luận, « tuyên-truyền » cho vua Càn Long vì lầm tưởng như thế nên ông « phản tuyên truyền » cho bỏ ghét, chứ không chịu lưu tâm đến vấn đề đang thảo luận.

Những dòng chữ in đậm trong bài đăng ở Bách-khoa 112 đã bị ông quên, chúng tôi nhắc lại để xin ông Khánh trả lời xác thực về mấy việc sau :

1. Có thật là từ đời Lê Hiển-Tông, họ Trịnh mới bắt đầu xưng chúa gây nên nạn vua Lê chúa Trịnh không ? (P.T. LXII, 12).

2. — Có thật là khi Nguyễn-Huệ trở về Phú-Xuân rồi, vua Lê Hiển-Tông mới băng-hà không ? (P.T. LXII, 10).

3. — Hoàng-Tử Lê-Duy-Mật có thật là anh ruột Ngọc-Hân công-chúa không ? (P.T. LXII, 10).

4. — Nếu thân phụ cụ Lê-Duy-Dương hoạt động ở Trấn-Ninh thì liên lạc với Lê-Duy-Chỉ thế nào ? (P.T. LXII, 15, 16).

5. — Cho biết rõ cụ Lê-Duy-Dương vào Quảng-Nam hồi nào, có dính dáng gì với sở thân thuộc Lê-Duy-Lương, bị vua Minh-Mạng bắt đổi thành họ Nguyễn, an trí ở Quảng-Nam không ? (P.T. LXII, 43)

6. — Phạm-Thái về sau « tìm yên tĩnh trong tiếng chuông hồi mõ ? ở chùa nào, vùng nào ? (P.T. LXII. 16) đây cũng là một « tiểu nghị án » của văn học).

7. — Con nhỏ nào của Lê-Hoàng-Phi chết ở Cao-Bắc-Lạng ? (P.T. LXII, 16).

8. — Cho biết rõ hơn lý do « tứ tánh vi Nguyễn » (P.T. LXIII, 43).

9. — Xin cho biết thêm (nếu có) vài ví dụ khác về ban quốc tính dưới triều Nguyễn (P.T. LXIII, 43).

10. — Xin cho biết ý-kiến của ông, một người trong dòng dõi, đối với dư luận nghi ngờ « văn tế khóc vua Quang-Trung » không phải Ngọc-Hân sáng tác (P.T. LXIV, 51) ? Nói cách khác gia-phả họ Nguyễn Lê có ghi Ngọc-Hân công chúa làm bài này không ? (Các chỗ khác thấy ghi riêng hai bài « Văn-tế vua Quang-Trung »

và « Khóc vua Quang-Trung » chứ không dồn thành một như ông Khánh viết).

11. — Có thật là « ấn-tín » An-Nam Quốc-Vương do giả vương Quang-Trung sang nhận ở Tàu không ? (P.T. LXVI, 63).

Các câu 3, 4, 5, 7, 8, 9 chẳng cần cho lịch sử lắm nhưng chúng tôi nêu ra để ông Khánh có dịp « xác đáng hóa » những gì ông đã nhớ và viết.

Nếu ông Khánh trả lời thẳng những điều trên thì thuyết « Vua Quang - Trung bị Ngọc-Hân công chúa đầu độc » do ông đưa ra chắc sẽ được dư luận công nhận dễ dàng hơn, bằng trái lại thì cuộc thảo luận coi như đã kết liễu, chúng tôi sẽ xem như ông Khánh đã công nhận những sử liệu sẵn có mà chúng tôi đã căn cứ.

Viết tại Huế ngày 28-9-1961

TRỌNG-LAI

ĐÍNH-CHÁNH

Trong bài của ông Trọng-Lai (B. K. 115) vì sơ xuất chúng tôi có đề các lỗi sau đây, mong các bạn sửa giùm. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

Trang	Cột	Dòng	In sai là	Xin sửa là...
63	1	22	... hai hoạt động	... lại hoạt động
63	2	25	... <i>chúng</i> tuổi tôi	... tuổi chúng tôi
65	2	28	... <i>nhân</i> cái sở đoản	... nhảm cái sở đoản...
67	1	32	... <i>giao</i> với bạn	... glao thiệp với bạn
67	2	3	... Lê <i>Hiến</i> Tông	... Lê Hiển Tông...
67	2	13	... ý kiến gì <i>vi</i>	... ý kiến gì dù ...
67	2	15	... Ai <i>tri</i> văn	... Ai tư văn...
68	2	31	... Nay là nàng	... Hay là nàng
69	1	5	... chán <i>vi</i> ngự y	... chán gì ngự y...
69	1	18	... tá thừ <i>vô</i> binh đoan	... tá thừ vi binh đoan
69	2	9	... niên <i>tào</i> từ thập	... niên tài từ thập...
69	2	17	... y <i>thiên</i> khuyết	... y thiên khuyết...
70	1	22	... chôn <i>đấy</i> .	... Xin thêm câu;

Bọn Diêu cùng khóc và nhận lệnh, giết ngựa trắng ăn thề.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135, Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)
Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 492

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

KÉN RẺ

Vân-Trang

TUY không tuyệt sắc, cô Ngọc vẫn là mối mơ ước đắm say của tất cả thanh-niên trong làng.

Gia thế cô cũng thường thường bậc trung như nhan sắc của cô. Nhưng bên ngoài cô là một gia-đình thâm nho, biết cách truyền dạy cho con cháu những gì hay đúng lạc trong nền lễ giáo Đông-phương và lại cho con cháu được theo Tây-học để hấp thụ những tiên bộ của văn-minh Âu-Mỹ.

Hai thứ ấy tác động trong con người cô Ngọc tạo cho cô một phong thái vừa kín đáo, vừa dạn dĩ, ý nhị, rất dễ yêu.

Chú Tư Vinh, cha cô, là một trung nông. Chú, tánh bốn thiện như hầu hết dân quê, và rất yêu con cái tuy ít hiểu chúng. Hai người con trai lớn đều có gia đình, làm ăn ở xa, hàng đôi tháng mới về thăm nhà một lần. Chú sống hủ hỉ với người vợ già tầm mẩn và đứa con gái út là Ngọc. Quanh năm, không ại nghe chú phàn nàn, đòi hỏi gì cả.

Ngọc hiền thuận và chịu khó, vợ chồng chú Tư hết lòng yêu quý. Tuy vẫn muốn gả con bắt rể cho vui nhà song thấy Ngọc không tỏ ý nong nả, chú thím chịu con, không hay thúc giục như phần đông các bậc cha mẹ thời tiền chiến.

Các anh trai làng, phần đông dốt hoặc chỉ biết đọc biết viết chút ít, không mấy anh là xứng với cô con gái cưng của chú Tư, song họ vẫn ước mơ cô như thêm ăn một trái cam.

Trong tuổi cập kê, năm bảy nơi tới hỏi, cô vẫn đánh chữ làm thính. Mãi rồi tưởng cô kiêu điệu, vài anh nôi đóa hát lên mỗi khi thấy cô đi ngang :

*Năm bảy nơi đến nói, mà em không
màng,*

*Ắt là chờ nơi chết vợ, để sân
sàng qui mô !*

Mỗi khi nghe, Ngọc chỉ mỉm một nụ cười rộng lượng tha thứ.

Đến năm cô hai mươi lăm tuổi thì một quyết định từ gia đình

cô bắn ra làm cho mọi người bật ngửa, rúng động cả giới thanh niên trong làng: Ngọc sẽ là vợ của anh chàng Hải, người con trai khùng khùng nhưng có ngón đàn tranh tuyệt diệu!

Khi nghe tin ấy, biện Khánh là một trong những tay gấm ghé Ngọc từ lâu, bật cười nói giữa đám đông nhân dịp ăn giỗ tại nhà chú anh ta là Mười Kỳ, có mặt cả chú Tư Vinh, cha của Ngọc:

— Trời ôi! tôi muốn xáng bịnh quá! Đã đành rằng tôi không thể đờn hay như anh Hải song tôi cũng không thể khật khùng được như anh!

Chú Tư giận tím mặt nhưng kềm được, ngồi lặng thinh.

Mười Kỳ cũng chẳng giàu nổi ngạc nhiên khi nghe tin ấy, sau một hớp rượu, hỏi khế chú Tư:

— Ủa, sao vậy anh Tư? Tuy thằng Hải nó có học hành thật đầy, song nó... bịnh mà!

Chú Tư buồn rầu đáp lời:

— Phải, anh Mười! Thằng Hải không được bình thường như đứa khác, nó có tật... lảng lảng! Nhưng thầy nó là đứa lễ độ và ân hậu, vợ chồng tôi bằng lòng gả con.

Mười Kỳ lại gặng:

— Anh nói vậy, chưa đúng! Nếu muốn chọn rể là người lễ độ và ân hậu thì đâu phải chỉ có thằng Hải? Mấy đứa kia lại mạnh khỏe hơn nữa! Tại sao bao nhiêu mai dong cầu khẩn, mà anh không xét tánh đứa nào hết,

giờ thì anh lại xét cho thằng Hải? À, hay là anh và con Ngọc đều mê ngón đàn tranh của nó, chứ gì?

Chú Tư tịt ngất, không biết phải đáp sao? Thật ra chú không phân biệt được rằng có phải cha con chú đã bị ngón đàn của anh nhạc - sĩ khùng đó mê hoặc hay không, nhưng chú thấy, ở con người anh Hải mà điều kiện sức khỏe thua kém đồng bạn không còn binh vực vào đâu nổi ấy, toát ra một cái gì cao cả, đẹp đẽ, chú chỉ có thể cảm thấy chứ không giải thích được. Bằng trực giác, chú tin rằng những cái ấy thích với tâm hồn con chú và làm ra hạnh phúc cho con gái chú, cho gia đình chú hơn là tiền của, hay thân hình lực sĩ mà đầu óc tối đen của những người lâu nay từng lăm le muốn làm rể chú. Mà điều quan trọng nhất là chú thím đã nhận lời và Ngọc đã bằng lòng.

Nín một chút, chú Tư trả lời:

— Anh nói, tôi chịu, song anh xét lại chỗ này: Thằng Hải nó có giàu đâu, vậy nên tôi có thể nói thẳng thắn là thực tình tôi thương nó...

Mười Kỳ chặn lời:

— Nhưng tại sao thương mới được chứ? Rê, mình chọn, chứ không phải con mà tự nhiên thương!

— Tôi thương nó là tại... tại... tại tôi thương! Tôi thấy nó có cái tốt, cái hay, tôi thấy rõ như vậy!

— Cái tốt, cái hay đó ở đâu? Cái tốt, hay gì mới được chứ? Nó

không phải là người bình thường mà ? Hay, tốt làm sao ?

Giọng Mười Kỳ đã bắt đầu cay cú. Chú Tư Vinh đáp ứng trả lời :

— Tôi không thể cắt nghĩa, nhưng tôi biết thằng Hải nó có cái đó, nó tốt, và không phải ai cũng có đâu ? Các gì đó, tôi thấy nhưng không nói được !

Sau một hơi khà như rần hổ, Mười Kỳ đặt ly xuống bàn cái cụp, nói nho nhỏ : «Ừ, nó có cái khùng, không phải ai cũng có được ! » thì chú Tư Vinh đứng dậy ra về. Chú không muốn làm to chuyện để con gái phải chịu cảnh đe dọa dư luận trong việc trọng đại của cả cuộc đời.

*
* *

Dọc đường, chú Tư buồn lắm. Nhưng chú không hề hối hận hay ngán ai hết song bản tánh lương thiện, chú không thể vui khi cái vui của mình gây buồn và bất mãn cho bao kẻ khác.

Hải không phải là một người bình thường, chú nhìn nhận như vậy. Song bảo đó là một tên khùng ngớ, thì chú Tư thấy cũng không đúng hẳn.

Vốn có di truyền dòng máu nghệ sĩ, Hải lại là một thanh niên hoàn toàn theo tân học. Anh nhỏ hơn Ngọc vài tuổi. Anh đậu thành chung năm chưa đầy hai mươi là một bảo đảm cho đời sống thời đó. Vài tháng sau, trong một buổi thi vào ngạch

thơ ký, không hiểu sao anh bỏ ngang phòng thi đi ra mặc dầu để bài thi dễ như bỏ túi và anh cũng đã làm xong nhưng không chịu nộp, vò quăng vào sọt rác.

Rồi từ đó, anh về nhà trau luyện ngón đàn theo truyền thống gia đình.

Anh biết đàn khi còn để chòm và sử dụng được hầu hết các nhạc khí thông thường. Nhưng anh thích nhất là cây đàn tranh. Mỗi khi anh hứng lên, khi gặp một phong cảnh gợi cảm hoặc như trăng trong gió mát hay một buổi chiều êm dịu thì anh đồn mê man, say sưa, có khi không ăn, quên ngủ. Chính những lúc đó, người ta bảo anh khùng ! Anh cầm cúi đàn, mười ngón tay nhảy trên các dây đàn, xuôi ngược như hai toán người hát xiếc, chạy tới lui khi mau khi chậm trên các đường dây căng. Tiếng đàn khi thì là lướt, nhún nhảy như hình bóng vũ nữ trong một bài nhạc điệu ảo khi thì dồn dã, dồn dập như tiếng pháo xuân.

Anh đàn tới cái độ say ngất như người ta say nắng rồi thì gục xuống cây đàn, ngủ quên ngoài trời sương.

Gia đình anh cũng biết anh như vậy nên vẫn để cửa ngỏ chờ những đêm anh đàn khuya ngoài sân. Có khi giữa chừng nghe tiếng đàn ngưng bật, người chị ra để gọi anh vào ngủ, thì thấy đàn và ghế còn giữa sân, mà không thấy anh. Tìm thì gặp anh đang tằm, lặn hụp, vẫy vùng giữa lòng rạch, thích thú dắm mình hàng giờ trong cái chắt nước trắng

pha trộn trong khi hàng xóm đều yên ngủ, tư bề vắng ngắt, lạnh lùng, thỉnh thoảng mới nghe tiếng chó sủa xa xa.

Anh thường sống âm thầm như bóng ma như vậy ít nhất là mười đêm trong một tháng : mười đêm mà trời có trăng. Anh đồn địch, tắm mát, dạo chơi ngoài đường cho tới khi trăng lặn mới chịu ôm đàn vào nhà ngủ. Nói đến chuyện làm thì anh chỉ ưng thuận có mỗi một nghề là thầy đồn cho gánh hát mà thôi, ngoài ra nhất định không làm một nghề nào khác, và anh tối kỵ nghe ai khuyên nên mưu sinh với cái bằng trong tay anh.

Thừa hiểu cái truân chuyên của các cuộc đời theo gánh hát, nên dù là truyền thống nghệ sĩ, gia đình Hải không chấp nhận yêu sách của anh, nên anh vẫn còn nằm ăn vạ ở nhà, chưa chịu làm ăn gì hết.

Chú Tư thờ dài ! Thật khó mà bào chữa cho ông rẻ tương lai khi trong làng ai nấy đều có đôi lần thấy anh ta một mình ngồi hay đứng hàng giờ trên đường đi hoặc dưới một gốc cây nào đó, im lặng nhìn cảnh mặt trời hay mặt trăng lên hay là lặn. Những lúc ấy, anh như người không hồn hay một tên phù thủy đang thôi miên, yên như tượng, gọi không thừa, kiên cần không nhúc nhích. Có lúc anh say mê quá, không hay biết hai đường nước dãi chảy lòng thông bên mép, hoặc biết mà không buồn lau, cũng chẳng muốn nhổ ra, hít vào gì cả !

Đến khi mãn nhãn, anh lững thững trở về, tia mắt vẫn còn bất định, vừa đi miệng lầm bầm những gì không ai nghe rõ.

Chính chú Tư cũng đã bị mấy lần gọi anh không thừa như vậy. Nhưng chú không chấp trách vì chú hiểu lúc ấy anh không còn sống trong thực tế. Mà chính vì vậy, chú càng tăng phần quý trọng anh hơn nữa. Chú thấy trong những cơn đó — những cơn mà người ta gọi là cơn khủng của anh — có một cái gì lạ, hay, siêu-thoát, không phải như hạng thể nhân lực lực thường tình ! Hơn nữa, qua khỏi giờ khắc kinh khủng đó Hải là một thanh niên ôn hòa, xử sự rất thông minh, sẵn lòng giúp đỡ bất cứ người nào cần đến anh và luôn luôn ăn mặc chững-chạc.

Có mấy lần đi ngang qua nhà Hải, chú thấy anh đang ngồi ở bàn viết sau cửa sổ, hai bàn tay chồng trán, mười ngón xóc trong tóc. Tưởng anh đang tính toán hay viết gì nhưng đến gần thì thấy trang giấy trước mặt anh trắng tinh, tuy cây bút máy đã mở sẵn nắp, nằm trên bàn.

Một lúc, anh chau mày, nhăn mặt, rồi nắm từng lọn tóc, xoắn qua xe lại. Có khi anh lùa cả hai bàn tay vào, rồi ngoai, giật từng hồi như một tên ác tâm đang nghiền, hành hạ kẻ thù ! Lát sau, khi cả cái đầu anh như tổ quạ rồi thì anh đứng lên, mặt đỏ như uồng rượu, lao đảo tới gieo mình trên võng hoặc ghề mây dài, mắt nhắm nghiền, ngủ mê mết.

Chú Tư thấy thương Hải lắm. Chú biết đó là tại trong đấu Hải có nhiều ý nghĩ mà chữ nghĩa không giúp anh diễn tả được. Anh tức tối và biểu lộ bằng những cử chỉ ray rứt như vậy. Chú dốt, nhưng chú hiểu. Trong lúc dẫn vật thể xác như thể đồng thời nạn nhân đã bị tinh thần dày vò không kém, có thể là đau đớn thập bội hơn nữa cũng nên.

Qua những nhận xét và cảm thấy kia, bây giờ chú chông đỡ với bao chông gai để tặng không đứa con gái yêu của chú cho anh chàng mà đời gọi là khùng ngổ đó. Chú muốn tìm một danh từ để gọi cái nhà chú hiểu và mền ở con người Hải song loay hoay mãi chú cũng không tìm ra, y như lúc nãy, khi ở nhà Mười Kỳ.

Chú thở phào, tức giận bước vào nhà, lột cái khăn quần đấu liệng mạnh xuống ván.

Ngọc rót một tô nước mời cha. Chú Tư bưng lên, ực một hơi như muốn dẫn xuống cái gì đã chặn ngang ngực chú suốt trên con đường về.

*
* *

Khánh không yêu Ngọc lắm đến cái độ ghen tương, song chính lòng tự ái làm cho anh bức bối khi nghĩ đến Hải. Hải kém hơn anh, anh nghĩ vậy. Ngọc gạt anh ta ra để chọn một tên khùng! Anh phải làm cho chàng rề lộ cơn khùng giữa đám cưới, nhà gái bề mặt để bỏ tức.

Anh bèn qua làng cạnh mượn cây đàn tranh của một người bạn. Hôm

nay là ngày cưới của Ngọc, anh ngồi bên cây đàn ấy trong buồng nhà bà Bích là chị anh ta, ở sát nhà Ngọc.

Lúc nào nghe đàn trai tới rước dâu thì anh sẽ đàn lên. Anh đàn không tệ lắm, chỉ vài năm nay vì xin được chân làm biện làng là anh mới bỏ bê, không tập luyện nữa mà thôi. Trước anh định học đàn để làm thầy dạy đàn. Nên anh đàn rất đúng nhịp, tiếng đàn đều đặn, chắc chắn dấu không được xuất sắc.

Cơn say mê âm nhạc của Hải kỳ dị lắm. Khánh hay bắt cứ ai cũng biết. Đang làm một việc gì và dù là tại nơi đâu, hễ nghe có tiếng đàn, — nhất là đàn tranh, thì anh ngừng tay, lắng nghe. Tiếng đàn mà dở thì dĩ nhiên không chinh phục được, nhưng nếu nó hay thì tâm trí anh như bị nó thu hút hoàn toàn. Lúc ấy, ngoại cảnh sẽ vô nghĩa. Đôi khi, anh rời chỗ để đi lẩn theo hướng đã phát ra âm thanh ấy, dáng như một người lên đồng.

Chưa bao giờ, người ta thấy Hải giữ bình tĩnh được khi nghe một giọng đàn hay.

« Đám cưới tới, tụi bây ơi! » Bọn trẻ con reo hò rùm phía trước. Khánh hơi hồi hộp, vội thử lại các dây đàn và bắt đầu rao sơ nhỏ nhỏ...

Ngọc đã được gọi ra chào và đứng cạnh Hải, cả hai sắp sửa làm lễ gia tiên.

Tiếng đàn tranh trong vạt bỗng nổi lên, qua hai lần vách ván và khoảng đất mây thước bên hè, lọt vào tai mọi người, như những hạt châu đỏ.

Hải chăm chú lắng tai nghe, vài phút sau, anh đã có dáng theo dõi bằng hết tâm thần, mắt nhìn lên vách thay vì nhìn bàn thờ.

Chú Tư chợt nhận thấy, hết hồn. Chú theo dõi từng cử chỉ của Hải trong khi ông sui trai và ông mai đốt đôi đèn sáp to gắn vào hai chân đèn bằng gỗ nhưng được lau bóng nhẵn.

Xong xuôi, ông mai bèn ra lệnh cho đôi tân nhân làm lễ. Bỗng ông và tất cả ai đứng cạnh bàn thờ đều trợn mắt nhìn chú rề. Chú vẫn chấp tạo trước bụng nhưng mắt thì nhìn vô định lên phía cây xiên ngang và chân mặt khẽ nhíp!

Nhưng Ngọc không hay biết chi cả. Cô gái có tây học, ngày thường dạn dĩ mà hôm ấy cũng bồi rồi như như một cô gái nhà quê. Nàng cứ cúi mặt ngó xuống đôi tay áo thụng và chờ Hải cử động để bước theo.

Nhưng Hải bây giờ hoàn toàn là một người đang nghe đàn và bị nghệ thuật thu hút!

Chú Tư, cả thím nữa đều đứng chết trân như hình nộm! Bỗng chú thốt ra được một tiếng lớn: — Ngọc!

Ngọc giật mình, ngược nhìn cha rồi quay sang nhìn Hải!

Nàng cũng rụng rời nhưng kịp thời trấn tĩnh chụp lấy tay Hải và gắn như lôi anh bước vào chiều trái trước bàn thờ.

* *

Ba hôm sau, lễ nhĩ hi xong, chú Tư trân trọng đem cái áo the của mình ra phơi trước sân, chợt thấy Khánh đứng bên nhà bà Bích, chú hỏi:

— Ờ, hôm dám cưới đũa nào đàn ở đâu gần đây, vậy hả Khánh?

Chú hỏi tự nhiên, song anh chàng có tịt, bồi rồi, nói quahh:

— Dạ... dạ... cháu không biết a, hôm ấy cháu đi khỏi!

Nhưng đáp xong, anh ta lại tò mò, muốn biết tiếng đàn của mình đã gây ảnh hưởng gì cho bên ấy, bèn hỏi lại:

— Mà tiếng đàn ấy nó làm sao, chú Tư?

Chú Tư nhớ lại, tức giận, nói:

— Có làm sao đâu! Song hôm ấy bên này tao đang làm lễ trang nghiêm lắm, êm như tờ, con ruồi bay cũng nghe, vậy mà thằng tiểu yêu nào đó Phát khùng sao mà đàn lên oảng oảng hoai như... tiếng..... chó con kêu!

VĂN TRANG

Yên lặng của nhân dân

Bá tước De Mirabeau trọng bài diễn-văn đọc tại Hội-Nghị Lập Hiến nước Pháp, ngày 15-7-1789, có nói:

« Sự yên-lặng của nhân dân là bài học cho các vị vua chúa ».

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

CON GÀ ĐIÊN

Nguyên-tác : *LEONCE GUERRERO*

Bản dịch : *DẶNG-TRẦN-HUÂN*



Tiểu thuyết gia Trí Lợi Leonce Guerrero sinh năm 1910 tại tỉnh Constitución. Năm 1930, ông cho xuất bản tập truyện đầu tiên với nhan đề Pichaman.

Truyện Con Gà Điên trích trong tập hợp tuyển truyện ngắn Trí Lợi do nhà Revista Atenea xuất bản năm 1948.

ANH nắng rạng đông rực rỡ trên thôn xóm. Mùi cỏ hắc thơm thía tỏa ra từ những cánh đồng ướt đầm sương đêm. Cảnh vật còn yên tĩnh. Chỉ thỉnh thoảng có tiếng bò cái gọi con hoặc tiếng la của người chăn lừa sửa soạn đi làm. Những căn nhà cũ kỹ xám đen hiện dưới ánh bình minh để lộ những hành lang sâu thẳm mờ mờ tối. Tiếng cửa mở rít ken két từ nhà này tới nhà khác. Những người đàn bà tóc còn rời bù chưa trải

lần theo con đường độc nhất trong xóm tới lấy bánh mì ở tiệm đầu làng. Gà sống báo động nhau bằng những tràng gáy ròn rã.

Có tiếng gọi kéo dài :

— Mai, ai, ai ?

— Dạ !

— Mày có xuống bắt con gà mái trong lồng kia ra không. Con gà sống phải giết ấy mở chét nó bây giờ thôi.

— Dạ !

Thiếu nữ vươn vai, dơ hai tay ra sau gáy uốn ngực ra phía trước phô diễn đôi vú cao và rắn. Thị mở nắp chiếc lồng tre, thò tay bắt ngờ chụp lấy đôi cánh con gà mái khi ấy đang nép mình dưới chân con gà sồng oai vệ. Thoạt đầu nó rầy và kêu quác quác chông cự nhưng rồi im ngay. Con gà sồng kêu cục cục trong họng ra vẻ tức giận. Thật là không chịu nổi ? Có mỗi con gà mái cuối cùng người ta cũng bắt nốt.

Những con gà mái trước đã lần lượt theo nhau vào nỗi biên thành thịt luộc, thịt hầm cả rồi. Chỉ còn một con mái già để an ủi nó trong lúc cô độc mà cũng không được sồng trọn vẹn mặc dầu đôi lúc quá say sưa nó có trót đập trụi lông hay mổ đồ ửng mào con nhân tình nó. Con gà sồng kêu dững, lực lưỡng giồng Rhode Island (1) giận lắm. Nó cắt cao đầu gần chạm tới nóc lồng, gáy lên một hơi lạnh lạnh chói tai như mọi lời oán trách. Tiếng gáy vang trong không gian lúc bình minh. Gà sồng quanh vùng đáp lại bằng những tràng gáy liên hồi cũng bằng một giọng ai oán hãi hùng.

Cúc cù cu !

Sự giận dữ của con gà biểu lộ trên đôi mắt đỏ gay. Nó lỏng lộn quay trước, quay sau rồi đập đầu quệt mỏ vào những nan lồng ngăn cách tự do. A ! Giá mà nó xông ra được ! Nó xông tới mổ nát những bàn tay

gian ác đã cướp sồng con gà mái thân yêu của nó. Nhưng nó bất lực, nó chỉ có thể quay cuồng lỏng lộn trong khoảng đất nhỏ hẹp bên trong những nan lồng mà người ta đã dành cho kiếp sồng gà què của nó.

Tiếng gáy xé không gian mang nỗi căm hờn của con gà từ tưng tới tận những ngọn đồi xa tắp. Phải chăng dự vọng đã quy tụ trên chiếc mào đỏ máu hay dồn xuống đôi chân thành chai với những chiếc cựa sắc bén. Đôi mắt gà say cuồng một cuộc tình chưa thỏa mãn, đồng tử sáng lên như hai cục than nóng cháy. Chân đập đất nó quay tròn trong chiếc lồng như lượn vòng gợi tình với một con gà mái tơ tưởng tượng. Cánh nó xả ra, cựa cào đất tung toé, mỏ kêu cục cục như điệu tán tỉnh con mái vô hình. Nó thấy mọi vật đều đồ rực trước mắt, những hình ảnh ma quái : nào những ngọn núi xa cháy nắng, nào nỗi nước sôi sùng sục trên ngọn lửa reo tí tách trong bếp sắp giết đời con gà mái yêu thương của nó. Nó nghĩ tới con gà mái già lông nhẵn trụi, da vàng ánh treo lưng lẳng trên cột trạn không cử động. Nó nhảy phắt lên, rồi nằm phục xuống phủ lên đồng cát như phủ lên một con gà mái lúc hưng tình. Nó nằm vật trên cát, mỏ hé mở, thở hừng hực. Nó toan đứng lên, nhưng lão đảo, loạng choạng như mất trí. Với đôi chân vững chắc nó cào đất bắn tứ tung. Mắt điên dại đỏ ngầu. Mỏ sùi bọt hai bên, đớp đớp không khí.

(1) Một tiêu bản Hoa Kỳ (Đ. T. H.).

Bà chủ lúc ấy còn nằm uể oải trên giường gọi the thé :

— Mai ? Mai ? Con gà sông nó điên rồi kia. Cắt tiết nó đi thôi kéo chết mất thì uổng.

Mấy phút sau, xác con gà sống cũng được treo lủng lẳng trên cột trạn bên cạnh con gà mái, bất động và không còn dục vọng.

Ông chủ đã dậy đang ăn điểm tâm trong nhà. Ông nhâm nháp khúc bánh mì phết bơ béo ngậy giữa hai tộp cà phê đặc quánh. Ông nói với vợ bằng một giọng như ngạt mũi:

— Trưa nay, bữa ăn thật linh đình.

Người vợ vẫn nằm trên giường
đáp lời chồng :

— Hai gà một bữa. Tại giết mất con mái thành con sông nó hóa điên đây, anh Đông ạ ?

— Anh cũng thế ? Bây giờ ai bắt
mắt em anh cũng hóa điên ngay.

— Thôi đừng dóc tổ nữa, ông nội ?
... Đây, nhưng mà ở xóm này thiếu
gì gà mái. ...

— Chào ông bà ?

Ông chủ nhìn lên : thằng Ngổ, người làm của ông Bát Căn, chủ lò thit trong làng.

Vừa lúc ấy Mai đi qua sau khi giết xong đôi gà. Ngổ sững sờ đứng lại, nhìn theo thân hình tròn trĩnh của Mai. Hắn như bị thôi miên bởi những đường cong hấp dẫn của người đầy tớ gái. Tiếng nói chề nhạt khô cằn của Đông lôi Ngổ ra khỏi mộng :

— Thằng người rừng này cứ thầy con Mai là gây ra thôi. Vào nhà lấy cà phê uống đi một ly cho người.

Ngô cười hi hi quay lại nhưng vẫn như tiếc rẻ không được nhìn thỏa mãn Mai với cặp mắt núng nính đang bận rộn công việc trong nhà bếp.

— Tội nghiệp mày Ngồ ạ ! Mày
mê con Mai quá mà nó đâu thêm đề ý.

— Đúng. Nhưng rồi Mai sẽ lọt vào tay tôi.

Đang vật lông gà, Mai cười rúc rích nói với Ngỏ :

— Chờ đầy rồi lọt vào tay hay là
sổ phận anh lại như sổ phận con
gà này.

— Nay bảo cho biết trước chỗ có
đùa với lửa.

— Thôi đi ăn đi cho được việc.

馬 車

Ngồi vào góc hành lang, ngồi bắt chân trên một chiếc ghế đầu, cầm bánh chấm vào ly cà phê nhạt nhẽo, đưa lên miệng nhai một cách ngon lành. Hấn yên lặng ngồi ăn mắt không rời ngắm nghía Mai tuy thị không mấy may chú ý tới hấn. Bà chủ vẫn đi lại trong nhà. Có tiếng nước xối ồ ồ trong phòng rửa mặt.

Mai cầm một chiếc bình nhỏ đặt trước mặt Ngõ:

— Đường đây này.

Lợi dụng lúc Mai tới gần, Ngõ nắm lấy áo thị và định sờ vào lưng. Mai hét lên :

— Đồ quý; Tôi vào mách bà chủ bây giờ. Cứ thấy người ta đâu là chót nhà. Lúc còn nhỏ sao người ta không chói tay lại để bây giờ quen làm hỡn... Trông cho tôi cái này đi.

Ngõ không nghe thấy gì cả. Trước mắt, hắn chỉ thấy một thân hình đàn bà mũn mĩn. Hắn chắc lưởi, mắt vẫn chăm chăm nhìn Mai một cách khả ố. Như linh cảm thấy sự bất trắc, Mai chạy thụt vào trong bếp. Đông nhìn theo cười ngất nghẹo : ông đã quan sát cử chỉ Ngõ từ đầu đến cuối. Ngõ thất vọng tiu ngflu như một hình nộm gặp bão, hai tay thờ thần buông thõng ngang đùi.

Đông khôi hài :

— Này, ra mà xem thằng Ngõ nó có giống con gà sông không kia... Này, Ngõ ! Sửa soạn cắt tiết cừu cho tao đi. Tao gọi mấy đèn làm việc ấy chứ không phải gọi đèn chơi. Uồng nột cà phê rồi bắt đầu làm đi nhé. Nghe thầy không ?

Ngõ lấu bấu trả lời trong họng, mồm vẫn vừa nhai bánh ngổm ngoàm vừa uồng cà phê. Dùng hai hàm răng trắng rắn chắc, hắn xé một miếng bánh cuối cùng rồi đứng dậy đi về phía bếp lấy đồ dùng.

Ngồi trong nhà Mai đã chặn trước công việc của Ngõ. Ném hòn đá mài và con dao ra ngoài, thị nói to :

— Này, cầm lấy !

Ngõ ngồi xuống mài dao trên hòn đá theo một điệu vũ Trí Lợi, mắt vẫn không rời thiếu nữ.

— Mai, đi kiểm cái thùng đựng tiết

Con cừu non bị trói chặt ở bờ dậu rên ư ư như để gọi lòng thương của loài người. Ngõ tiến về phía nó, lật ngửa con vật lên lấy thùng trói chặt bốn chân. Nó dấy dựa một cách tuyệt vọng. Rồi cuối cùng đành nằm im chờ đợi với đôi mắt đầm đìa nước mắt.

— Mang hòm lại đây mau lên.

Mai gắt :

— Chờ một tí, xong rồi đây ?

Ngõ đặt con cừu lên hòm, đầu lủng lẳng ra phía ngoài, chiếc cổ xù lông ưỡn lên trời. Con dao và hòn đá mài chạm nhau lách cách trong tay Ngõ. Mai luồn một chiếc thùng xuống phía dưới. Con dao sắc dẽ lông cừu mượt thành một thứ đường ngôi trắng rồi tàn bạo đâm xọc vào thớ thịt. Một vài giọt máu ứa ra khỏi vết thương nhuộm đỏ đám lông trắng. Rồi lưởi dao đi xâu rạch lên cổ con cừu một lỗ hồng rộng kinh khủng máu trào đỏ lồm từng đợt. Hơi thở phì ra lỗ hồng nơi cổ họng. Ngõ ngừng tay, cầm dao nâng chiếc cổ họng con cừu gấn đứt đôi. Hắn liếc Mai khi ấy đang ngồi xôm phía dưới, hai tay giữ chiếc thùng hứng giòng máu không để chảy ra ngoài một giọt.

Ngõ lại nhìn vết thương trên cổ con cừu. Rồi lại nhìn Mai. Vết thương và Mai. Hình như Ngõ thấy Mai và vết thương có điểm nào giống nhau ?



Cái miệng người con gái phải chăng chính là vết thương của con vật hay vết thương chính là cái miệng mập máy đầy nhục dục ? Ngổ thấy như thấy có một làn sương mỏng che mờ cặp mắt hắn. Lòng hắn rung động tới cực độ : hắn chỉ thấy cái miệng, máu đỏ và đôi chân khom khom của người thiếu nữ. Thị đứng kia, như khuất phục trước hắn. Hắn có thể giết thị được. Ngổ đưa mạnh nhát dao rạch theo đường sụn con vật. Thình thoảng hắn thở dốc lên. Xương sống nó kêu răng rắc, đầu chỉ còn lủng lẳng dính vào thân bằng lớp da sau gáy. Sau khi uống một hớp huyết cừu tươi. Mai đứng dậy bung thùng tiết đi về phía bếp. Ngổ không biết thị đã đi. Hắn cũng không nghe tiếng chân thị nữa. Hắn vẫn chăm chú nhìn con cừu nhỏ bé bốn

chân bị trói chặt đang thờ hực hực chờ chết với đôi mắt hiền lành. Hắn làm việc không ngừng, say sưa như con thú ăn mồi. Hắn cời dây trói, bốn chân con vật được thả lỏng ruỗi thẳng cứng nhắc trong lúc thân mềm nhũn.

Ngổ mỉm cười thỏa mãn. Phải là một tay lão luyện mới giết được con cừu một cách ngon lành như thế. Có lẽ chính hắn cũng cảm thấy sung sướng trong sự dẫy dụa, quằn quại. Ngổ nhìn xác cừu tưởng như chính đó là Mai nằm mặt nhôai sau một cuộc tình tàn bạo. Ngổ lắc đầu như vừa tỉnh cơn mê. Hắn nhìn xung quanh như không thấy bóng người nào cả. Hắn lại cúi xuống tiếp tục lột da con cừu. Những người đàn bà đã ra cả sau nhà lấy nước và củi.

Ngô cầm một chân sau con cừu, dơ dao rạch một vết thủng gần mông. Hắn cầm hòn đá mài nhét vào vết thủng đi đi nhiều lần cho rộng thêm lỗ hổng. Rồi quỳ xuống, Ngô kể miệng vào lỗ thủng thổi mạnh nhiều lần như thổi sáo. Khí trời thổi vào giữa làn da và thịt làm con vật phồng lên dần dần. Bốn chân cừu trở nên cứng nhắc phơi những chiếc móng đen đội xác cừu đứng dựng lên. Trông hình dáng con vật lúc ấy thật nực cười, giống như một cuộn len khổng lồ đặt trên bốn chân bằng gỗ. Khi thấy con cừu khá phồng rồi, Ngô lấy dây buộc vết thương ở cổ nó lại, rồi đứng ngắm nghía.

Nhìn con cừu phồng lớn lớp sau lớp lông trắng mượt nhẵn nhụi Ngô lại tưởng tượng như đó là thân hình Mai sau lớp quần áo trắng. Hắn muốn lột bỏ bộ quần áo ấy. Đôi mắt Ngô dóm ướt, sáng long lanh. Dùng mũi dao Ngô rạch một vết thẳng từ cổ xuống tới đuôi con vật. Lướt da mỏng rách đôi để lộ những thớ thịt trắng hồng. Vết rạch ngoằn ngoèo xuống tới chân. Ngô có vẻ vội vã lắm. Một tay cầm miếng da, một tay nắm thân hắn bóc lớp da con vật. Rồi thọc lưỡi dao vào bụng cừu hắn rạch mạnh, lôi ra một nắm ruột liệng xuống rãnh.

Hơi nóng và gây do mùi thịt sống tiết ra kích thích trí não Ngô. Một sự hưng tợn xâm chiếm tâm hồn Ngô. Hắn lật ngửa xác cừu, cái xác trắng phau khêu gợi nằm tênh hênh như mời chào Ngô. Hắn ngừng tay

kẹp xác con vật giữa hai chân. Hắn chống tay lên sườn ngắm nghía. Đúng, đúng là xác Mai rồi. Bây giờ hắn là thị ở trong tay hắn sau bao ngày mơ ước. Mai đây ! Mai đã thần phục Ngô rồi. Ngô muốn tỏ cho thị biết sự chiến thắng và sức mạnh của hắn. Ngô cúi xuống ôm lấy cái xác cừu nhỏ bé, vẩy máu trên làn da trắng nõn, treo xác trên một cái đinh lớn. Hắn dùng tay bẻ gãy nốt những sợi gân cuối cùng trên khuỷu chân con vật. Cái chân cừu lắc lư, máu lại ứa ra. Lớp da còn dính hờ vào thịt lũng lảng như chiếc khăn choàng bằng lông.

Ngô lấy nước rửa sạch những vết máu bên cạnh vết thương trên cổ cừu, vết thương do chiếc hòn tàn bạo của con dao nhọn gây nên. Hắn bóc hẳn lớp da rời khỏi thịt và quăng mạnh ra phía xa. Lúc này, xác con vật hoàn toàn trần truồng, nhẵn nhụi. Thịt cừu trắng muốt bên ngoài, đỏ hồng bên trong.

Mai ôm một bó củi tới, cất tiếng hỏi :

— Thề nào Ngô ! Xong cả rồi chứ ?

Hắn quay đầu lại nhìn người con gái rồi nhìn con cừu, nhìn khối thịt ngon lành treo lắc lư, nhìn thân hình Mai tròn trĩnh. Dần dần, Ngô thấy mắt nhìn kém rõ, hình ảnh trở nên buồn thảm, khô héo. Mai quay đi, cười khanh khách, tiếng cười vô tình như có một vẻ gì khiêu khích. . .

*
* *

Thọc hai tay vào túi quần, Ngồ lững thững đi trên con đường đôi bên rặng xương rồng dài. Mũi đội lật ra phía sau, Ngồ phanh áo đón gió để lộ bộ ngực lông lá, nở nang của một thân hình cường tráng. Hắn bước thình thịch trên cát nóng, đôi chân không dép và cạy ghét nện mạnh như chân ngựa. Răng cắn chặt môi dưới, Ngồ hình như đang bứt dứt điều gì. Nhưng một người như Ngồ thì có gì đáng dlay dứt nếu không phải những thôi thúc của bản năng? Thực ra hắn đang có những xung đột mãnh liệt của lòng dục chưa thoả mãn. Con gái vùng này không cô nào yêu hắn.

Tại sao vậy? Tại sao hắn quá vụng về. Hắn không biết tán tỉnh khéo léo. Hắn xấu trai, thật xấu với mái tóc bờ phờ xõa xuống vầng trán hẹp, ngắn ngắn. Mũi Ngồ tẹt dính như bị người ta dí xuống, răng to khắp khềnh chiếc thò ra chiếc thụt vào. Chân tay mặt mũi Ngồ khô héo, cằn cỗi. Người ta có cảm tưởng hắn là một con thú hung dữ và hơi háms lác lõng trong khu vực của người. Mẹ Ngồ khi xưa thụ thai Ngồ lúc nào cũng không hay. Suốt ngày, mụ say sưa bí tỉ. Mụ bị chó cắn chết khi toan chui vào một thửa vườn ăn trộm trái cây. Ngồ sinh ra đời và lớn lên trong hoàn cảnh tối tăm hắt hủi như vậy.

Những hột cát trên lối đi run rẩy lấp lánh ánh sáng mặt trời. Ngồ chợt thấy trong ảo tưởng hình bóng Mai lớn dần, lớn dần phía xa xa, Mai? Mai? Thị thật là khỏe mạnh, vạm vỡ. Thị bao dung như giòng sông

Môn - Giang (2) rộng lớn. Thị hung hăng khao khát như một con ngựa cái. Ngồ nhắm mắt, tay mơn mơn trên đùi mình. Hắn nhớ tới đôi chân vững, rắn chắc của Mai. Hắn mơ màng như nhìn thấy đôi vú cao và nhọn. Hắn như đánh hơi thấy hương vị quyền rũ thâm thía và man dại của da thịt Mai. Trời ơi, nếu lúc này hắn mà gặp được Mai. Ở ngay đây, chỉ có hai đứa chúng mình! Mai sẽ không thể nào thoát khỏi tay hắn. Ở, mà tại sao lại không có thể xảy ra như thế được? Thị sắp sửa lừa bỏ đi qua.

Gió trùng dương khoáng đãng đượm mùi muối bẽ thổi vù vù trên dặng xương rồng dài. Sự im lặng trên cánh đồng như trái ra rồi lẳng xuống. Thình thoảng, mùi phân xúc vật theo gió xông tới mũi Ngồ. Không một bóng người xung quanh hắn. Họa hoằn mới nghe thấy tiếng nhặng hoặc muỗi bay vo ve. Có tiếng kêu và tiếng chó sủa từ những căn nhà xa xôi vọng lại. Tinh thần căng thẳng, thể xác mệt nhọc, Ngồ vật mình nằm xấp xuống cát. Không khí trong lành miền biển và mùi lá cây làm dịu lòng Ngồ. Hắn nhắm mắt thiu thiu sắp ngủ bỗng nghe tiếng gọi:

— Ngồ, ồ, ồ!

Ngồ như sực tỉnh:

— Chính con bé rồi, Mai!

— Ngồ, ồ! Con bò đâu mất rồi?

Chính con bé rồi! Lần này thị không thể nào thoát khỏi tay hắn

(2) Mau le, một con sông thuộc Trí Lợi (Đ.T.H.)

được. Ngõ ngồi dậy, chuẩn bị như một con mèo rừng rình chuột. Nhưng cái gì thê kia ? Không phải Mai. Đó chỉ là một con cừu non. Tiếng nó kêu khiến hấn tưởng tiếng Mai cười. Ô, con vật khôn kiếp. Hôm nọ con cừu đã biến thành Mai. Nó sẽ phải đến tội.

Tiếng gọi gần hơn :

— Ngõ, ô, ô !

— Đúng Mai rồi ! không có thể làm được nữa.

Nép mình sau đồng lá, Ngõ nghe ngóng bước đi của Mai. Tiếng cành khô gãy rảng rắc dưới chân người mỗi lúc một gần. Mai chợt thấy Ngõ, thị quay phắt sang lối khác. Mai nhanh nhẹn và khôn khéo nhưng Ngõ cũng nhanh như cắt, nhất là ở những nơi vắng người hấn càng trở nên nguy hiểm. Hấn hung hăng không lùi trước trở ngại nào. Hấn băng theo một con đường tắt hiểm trở chót vót lưng đồi.

Mai thấy Ngõ tiến tới thị như một con thú dữ với cái miệng há hốc, thị thật kinh kêu rú lên. Ngõ nhảy chồm dậy vỗ lầy Mai như khi vỗ một con chuột nhắt. Thiều nữ ngã ngửa xuống cát nóng và con thú xông tới đè lên mình thị. Với sức khoẻ vạm vỡ của một thôn nữ, thị chống cự mãnh liệt trước thị dục của Ngõ lúc ấy không còn là một con người. Với tất cả thú tính Ngõ cào cào trên thân hình thị, xé quần áo thị. Trong giây lát, chiếc coóc sẽ rồi chiếc váy mỏng rách tả tơi ra

từng mảnh. Bàn tay thất vọng của gã đàn ông cào lên mặt Mai. Máu chảy đầm đìa. Máu không làm cho hấn ngừng tay, trái lại càng như kích thích hấn. Nhưng hấn vẫn chưa chê ngự được Mai. Hấn vớ một hòn đá lớn đập lên đầu người con gái. Thị rẫy đành dạch, miệng rên ư ừ.

Tên sát nhân cười, cái cười ngây dại. Hấn ngừng tay như để nghỉ ngơi rồi đứng dậy cởi áo vắt lên trạc cây. Hấn rút dao găm sau lưng, con dao tùy thân rất cần thiết cho hấn để chặt lau sậy, cắt hoa quả, hoặc đấu với thú dữ và kẻ thù.

Thân hình nâu sẫm của người con gái nằm khêu gọi một cách dâm dăng dưới chân hấn không khiến hấn chú ý. Lúc này hấn chỉ để ý tới nghề nghiệp chuyên môn của hấn : cần phải lột da con cừu này để đem về lò sát sinh của ông Bát-Căn. Sáng nay ông có nói rất cần thịt cừu non. Hấn bắt tay vào việc. Hấn trói con vật bằng dây lưng, kéo lên một mộ đất cao lật cổ họng cầm dao rạch vào mạch máu. Máu trào ra lênh láng. Tay phải đưa lên quệt mồ hôi, tay trái Ngõ đỡ chiếc đầu ngoẹo một bên. Khi thấy máu đã chảy hết hấn cởi dây trói. Hấn cắt ngang da đùi xác chết rồi thối vào trong da thịt như một tên thối kèn lão luyện. Hơn thỏ như thối một luồng sinh khí, cái xác người phồng lên một cách rùng rợn. Mũi dao lại rạch xuôi từ cằm xuống tới bụng. Làn da mịn chỉ có một chút « len » ở trên đầu rách đôi theo vết dao.

với tiếng rít ghê rợn. Mỡ trắng phau phì ra ngoài làn da rách, phủ kín các thớ thịt và đường gân. Ngồi chặt mạnh hai nhát vào khớp xương, hai bàn tay và hai bàn chân rời khỏi thân. Hắn nhặt vội, liệng vào bụi gai gần đấy. Rồi hắn cúi xuống lấy tay ôm các xác hồng hồng bất động một cách âu yếm như ôm một đứa trẻ say sưa ngủ. Hắn lấy áo lau sạch sẽ cái xác chết cho đến lúc không còn vết máu nào rồi treo lên cành cây.

Ngồi ngồi xuống nghỉ, thở hồng hộc. Tỳ tay lên háng, hắn ngẫm, nghĩa công trình của hắn và mỉm cười khoan khoái. Trời, thật là một con cừu trừu danh. Nặng và đẹp biết chừng nào? Mà hắn đã làm một công việc thực nhọc nhằn vì

nó cũng đáng lắm? Đáng coi là một kỳ công khác với những công việc thường ngày? Các xác lớn và đồ xộ này cũng được việc lắm đấy. Vác cái xác này lên vai hắn phải thú vị lắm? Hắn cảm thấy khoan khoái tới rùng mình. Một cảm giác kỳ lạ chạy trên da thịt hắn, rờn rợn và thích thú.

Nhưng hắn phải gấp rút mang cái xác này về lò thịt ngay đi thôi. Phải làm thật nhanh vì chính thể xác hắn cũng đang thêm khát Mai, người con gái vô tình đã trốn tránh hắn từ bao lâu nay. Bây giờ thì hắn đã chiếm đoạt được Mai rồi? Và như thể Mai hắn là đã hiểu Mai phải lọt vào trong tay ai?

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH:

MAI SỐ 32

Chính trị : — Nước Đức đi tìm một chính sách mới?
— Cuộc khởi nghĩa ở Syrie.

(Tiểu-Dân và Hoàng-Minh-Tuynh)

Kinh tế : Phỏng vấn Tòa-Đại-Sứ Anh về Hợp-Tác Quốc-Tế.

(Khánh-Trang)

Văn nghệ : Vùng trăng đỏ.

(C. D. dịch.)

Xong mưa, kiến tha trứng xuống.

(Lang-Đình)

Vợ chồng.

(Nguyễn-Lang)

Văn học : Karl Jasper và phép đọc tượng số

(Bùi-Giáng và Hoàng-Minh-Tuynh)

Phỏng vấn : Tổng kết cuộc phỏng vấn về chương trình giáo dục

(Nguyễn-Ngu-Í)

Hạnh phúc chính nơi bạn : Với bạn, hạnh phúc không bao giờ đến một mình

(Ngê-Bá-Lí)

Và các mục :

Tin văn, Câu chuyện phụ-nữ, Câu chuyện giáo-dục v. v...

đêm thu

SAO TRÊN RỪNG

Một đêm trăng mờ ảo
Anh tìm về thăm em
Phố buồn như hoang đảo
Gió ngừng ru bên thềm

Ánh đèn sao le lói
Căn phòng sao dịu hiu
Anh lạnh người thăm hỏi
Kiếp người sao tiêu điều

Anh đi vòng sau nhà
Một mình như bóng ma
Giật mình anh nghe thấy
Có tiếng gì bay xa

Rồi đêm trăng mờ ảo
Anh lại về thăm em
Như lá vàng lão đảo
Anh lui về trong đêm

Những bài tình đầu

S. T. R.

bờ lúa

BÙI - GIÁNG

Em chết bên bờ lúa
Đề lại bên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con

Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya trốn gió

Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn ruộng
Xương trong mình rã riêng

Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vui thân trong tội lỗi
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang

B. G.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE .
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Được khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

CHUYỆN CÁI RĂNG



(xin xem từ B. K. số 115)

Xế hôm sau Văn đến lấy phim. Sự hồi hộp, hi vọng và lo sợ đã quen đi, hôm nay chàng thấy mình rất nhản nại, chuẩn bị để nghe những tin xấu về cái răng. Chàng định ăn mặc thật cẩn thận, giày mới và ca-vát tươi màu để tránh cái vẻ đáng thương-hại của một người có khuyết-điểm, nhưng nghĩ hăng hái như vậy mà khi thực-hành chàng thấy không đủ hào hứng. Rốt cuộc ca-vát có tươi màu mà đôi giày thì vẫn đôi thường ngày. Cô y-tá nhí-nhảnh chào chàng :

— Thưa ông đến lấy phim ?

Lẽ tất nhiên. Sao cô không tìm được một lời chào nào khác hơn ? Thấy mặt mũi cô đẹp dễ dễ yêu, chàng mỉm cười không trả lời, nụ cười giễu cợt nhẹ nhàng. Thông minh, cô đáp lại cũng bằng một nụ cười nhỏ rồi khẽ cúi đầu quay vào. Sự

tiếp xúc với phòng bệnh hôm nay bắt đầu bằng nụ cười làm chàng hơi vui vui. Ông bác-sĩ tiếp chàng và đưa cái phim, chỉ một vết trắng nhỏ ở chỗ xương hàm. Thế là cái răng bị tuyên án. Bao nhiêu nỗi băn khoăn hồi hộp cuối cùng được kết thúc một cách trơ trẽn bằng cái vết trắng ấy trong mảnh phim. Sự có mặt của ông bác-sĩ chợt trở nên vô ích và lời nói của ông cũng hoá ra lạt lẽo. Cái gánh nặng của sự âu lo không biết đã rơi đâu mất hay bỗng thành nặng quá, quá sức cảm giác của chàng. Chàng cầm lấy phim giơ lên một cách thất vọng. Cái vết trắng sờ sờ ra đó, chàng không thể mong là một sự huyền hoặc. Chàng cúi chào ông bác-sĩ rồi quay gót. Cô y-tá cầm tay nắm cửa, hé mở vừa mỉm cười chào chàng. Chàng lách mình đi qua. Chợt thấy mình thiếu xã-giao một cách vô-lý chàng khẽ mỉm

CHUYỆN CÁI RĂNG

cười trả lại nhưng cô y tá đã ở quá sau lưng, cái mỉm cười nở quá chậm. Giận dữ, chàng nện mạnh gót giày xuống nền nhà và gọi xe đến phòng nha-sĩ.

Vừa gặp chàng, ông nha-sĩ nói ngay :

— Tôi đã được xem cái phim của ông. Hồi 11 giờ trưa nhân qua đó lấy cái phim của một người quen, tôi có hỏi xem cái phim của ông. Thật đúng như lời tôi đã đoán.

Hy-vọng rằng ông có thể làm với răng ai chẳng, chàng móc đưa tấm phim. Ông cầm lấy, giơ lên ánh sáng và chỉ cho chàng xem.

— Cái chân răng này tốt, ông thấy chưa. Còn chỗ chân này bị làm mủ vào xương hàm.

Chàng hỏi :

— Thế ông có cách gì chữa ?

— Phải nhổ thôi.

— Không thể có cách khác ?

— Chỉ có nhổ. Nhổ đi rồi mới làm curetage được.

Im lặng một phút. Cuối cùng chàng nói một cách chán nản :

— Nếu không có cách nào khác thì đành phải vậy chứ biết làm sao ? Chàng tránh không dùng chữ « nhổ », coi như nói lên chữ ấy là mình đã mạnh bạo đồng ý với ông nha-sĩ. Có thể người nha sĩ sẽ vin vào chữ ấy để xem như chính chàng ra lệnh. Nhưng ông nha-sĩ đáng chừng bình tĩnh đến mức độ không cảm xúc. Lập tức ông ra lệnh cho anh phụ lấy ống tiêm, thuốc tê. Ông châm mũi tiêm vào nướu, châm chỗ này rồi chỗ nọ, cùng khắp

vội vàng. Rồi xoi, rồi kiểm, ông ta túi bụi nạy, kéo, mắt chăm chăm nhìn vào cái răng như thù hiềm, như sợ nó trốn đi mất. Cuối cùng, một tiếng « xoảng » trên nắp khay, cái kiểm bỏ xuống, miếng bông thuốc áp vào và Văn hoàn toàn là một bệnh nhân thiếu não.

Trên đường về nhà, chàng thăm thương cho mình và cho anh thợ trồng răng hiệu Hồng Phát mà chàng vừa ghé cách đây 5 bữa. Bữa ấy chàng còn định ninh là răng mình còn tốt và người thợ trồng răng rất đồng ý với chàng về điểm đó. Anh ta đề nghị một cách êm đẹp : Tôi lấy gân máu cái răng này rồi tôi sẽ cưa đi. Xong đâu đó, tôi tra pi-vô răng xương vào. Răng xương « mác » bên Tây cần thận có bảo đảm và vàng 18 ca-ra chớ không phải răng Nhật đâu.

— Bao nhiêu tiền ?

— Tôi lấy ba trăm mỗi cái.

Chưa có kinh nghiệm về giá, nhưng chàng cũng kêu lên theo thói quen của người mua :

— Đắt thế ?

— Giá biểu tôi vẫn để 600 đồng một cái.

Chàng liếc nhìn lên tấm ghi giá biểu và đồng ý là anh thợ nói thật.

—...Các nha-sĩ họ đều tính 600 đồng một cái.

— Thế cưa đi thì mấy ngày mới tra được răng mới vào ?

— Cũng phải 2 ngày.

Chàng cười to lên, như chế nhạo người thợ nói lảm cẩm :

— Anh bắt tôi phải trồng hàm răng trong 2 ngày ! Một ngày thôi. Một ngày chủ-nhật.

Anh thợ lặc đầu :

— Một ngày thì không kịp. Vừa lấy đầu răng, vừa đục thạch cao, vừa đổ vàng, vừa làm cho sắc sảo cạnh góc. Một ngày không được đâu. Hai ngày là nhanh nhất rồi đó.

Không chịu để cho hàm răng bị thủng 2 ngày để hôm nay chàng cam nhận một lỗ thủng trong một tháng rưỡi. Vì lời ông nha sĩ còn như văng vẳng bên tai :

— Cái răng nhỏ xong, ông phải súc miệng với Sep yl trong 10 ngày. Uống Trisulfazine, Tetracycline 10 ngày. Một tháng rưỡi sau nghĩa là (ông dò lên cuốn lịch treo tường để gián tiếp nhắc chàng nhớ rằng việc này quan-trọng lắm) 15 tháng giêng ông mới có thể trồng được răng mới.

Chàng lặng nghe, không phản kháng, không mặc cả ngày tháng như lúc ngồi ở hiệu. Nghĩ đến đây, chàng thầm thương cho mình và cho anh thợ Hồng Phát.

Đồng thời, mỗi lo len lõi đến. Chàng làm nghề dạy học nên trồng một cái răng không phải là việc dễ có thể bỏ qua. Trước nhất là sự xấu xí buồn cười của một hàm răng « trống cửa sổ ». Thầy giáo thường ngày vẫn nghiêm trang xứng đáng với sự tín phục của học-sinh, mà tâm lý của người học sinh là không muốn chấp nhận một khuyết điểm nào ở nơi thầy giáo của họ hết. Thế thì biết làm sao ? Chắc chắn là không thể nói tự-nhiên như ngày thường để cái lỗ trống làm trò cười cho học sinh khiến trí óc họ xao lãng mà lời giảng của

mình cũng kém hứng thú. Nhưng che giấu cũng không được vì sớm chậm gì học sinh họ cũng tìm ra sự thật thì họ sẽ uy hiếp mình dữ lắm. Suy tính đắn đo đủ chiều, cuối cùng chàng quyết định : sẽ vừa nói sự thật vừa giữ cho mình không hóa thành trò cười.

Sáng thứ hai chàng vào lớp. Sau khi đầu đó im lặng, chàng liếc nhìn cả lớp một cách chững chạc rồi tay trái che miệng, chàng chầm rãi nói :

— Tôi vừa bị một nạn nhỏ làm hỏng một cái răng. Phải trong một tháng rưỡi mới chữa xong. Trong thời gian đó, có những âm lưỡi, âm răng như PH, V tôi không phát âm rõ được. Xin anh chị em chịu phiền và nhất là giữ im lặng hơn ngày thường.

Vẻ mặt nghiêm trang và giọng nói hơi buồn khiến học sinh kính cẩn nghe. Họ không biết là chàng bị tai nạn gì. Có lẽ ngã xe chăng ? Chắc không phải vì mặt mũi chàng lành lặn thế kia. « Còn chưa » nghĩa là thế nào ? Nhưng chàng không để cho họ suy nghĩ lâu. Chàng mở sổ gọi đọc bài và như thế là mọi người giữ hết thắc mắc.

Đối với một vài lớp đầu tiên thì dễ như thế đó. Nhưng có những lớp đến thứ tư hay thứ năm thứ sáu, chàng mới có giờ dạy thì tình hình biến chuyển bi quan hơn. Số là cái tin chàng bị gãy răng đã loan truyền đi và học sinh các lớp sau này cứ lén khúc khích với nhau khi gặp chàng khiến cho câu mở đầu mất vẻ tự-nhiên và nghiêm trọng đi. Riêng ở một lớp nọ thì ngẫu nhiên mà có một học sinh cũng bị bể răng nên hôm ấy anh ta đi học cứ lấy tay bịt miệng. Oái oăm là chàng kêu nhầm

CHUYỆN CÁI RĂNG

anh ta lên đọc bài. Thế là ở dưới lớp chỗ này chỗ kia có tiếng rúc rích cười. Một chị học sinh chừng thú vị quá phải nói bật thành câu :

— Hai cha con...

Chàng nghe, cũng muốn cười theo vì lời có duyên và hợp cảnh. Nhưng chàng phải cố kiềm hãm tiếng cười. Lời pha trò có duyên thật khó làm cho ta giận được. Cũng như ta khó ghét một người đẹp dầu người ấy có những khuyết điểm. Qua đi giai-đoạn nhập-đề, đến phần gay go là phần tiếp xúc hàng ngày. Phải tập sao cho bàn tay trái lúc nào cũng kịp thời đưa lên che miệng khi miệng phát ra một tiếng nói. Khi nói cả câu dài, khi giảng bài thì việc này không khó. Nhưng nguy nhất là những khi bật ra cười. Cười là cái biểu lộ tức thời có tính chất phản xạ tự nhiên. Đợi có một bàn tay đưa lên che miệng rồi mới cười thì cái cười đâm ra ngượng nghịu tính toán. Khi chưa quen khi chưa tập kiềm chế được, chàng đã vài lần lỡ cười rồi mới chợt nhớ ra mà ngượng nghịu mím miệng lại. Sau vài lần khuyết điểm như thế, chàng giữ thái độ khác khổ của một người có tâm sự để đối phó với sự quấy rầy của những tiếng cười xung quanh. Đến việc phát âm. Những chữ phụ âm môi răng (consonnes labio-dentales) lúc nhỏ học văn phạm chàng đọc thuộc lòng một cách khó khăn, bây giờ không cần coi lại sách mà vẫn nhớ. Cứ việc phát âm lên rồi chữ nào xì hơi ở ngay cái lỗ răng trông là biết ngay nó thuộc phụ-âm môi răng. Ví dụ phụ âm V. Thật là phiền phức khi tiếng Việt có nhiều chữ bắt đầu bằng V : vì, và, vâng, vả lại.... Nhiều chữ khi gặp phải chàng tránh đi, như thay

chữ VÌ bằng BỞI, VẢ LẠI bằng HƠN NỮA. Nhưng đó là khi giảng bài, có thể hoặc nói hoặc không, có thể thay chữ này bằng chữ khác, còn khi đọc bài cho ghi chép thì không thể nào trốn tránh được. Có những đoạn oái oăm như :

Bóng dương để hoa vàng hằng đoái

Hoa để vàng bởi tại bóng dương

Hoa vàng hoa rụng quanh tường....

Mỗi lần đọc chữ Vàng, chàng phải làm ra vẻ lơ đãng lấy một ngón tay ấn khít môi vào chỗ lỗ răng trống rồi mới phát âm. Chữ « vàng » phát ra nghe nhọc mệt và lơ mờ. Chàng nhớ liền đến lời ông nha-sĩ khi chàng tỏ ra băn khoăn :

— Mất một cái răng trong hơn một tháng thật phiền cho việc phát âm.

Người nha-sĩ trả lời không cần suy nghĩ :

— Mình sẽ vận dụng môi lưỡi để thay thế.

Ông ta không giảng xem vận dụng như thế nào và chàng cũng không muốn quấy rầy hỏi kỹ, coi như đó là việc nhỏ. Mà quả thật, khi gặp vào việc thì tự nhiên mình tự biết cách xử sự lấy. Và phải gặp lúc mất đi một cái răng chàng mới thấy rằng nói tiếng miền Nam như mình thật có những sự tiện lợi. Đó là khi dùng chữ VÀ, một chữ hay trở lại trong câu nói. Nói giọng miền Nam, chàng dùng chữ VỚI và phát âm như VỚI. Nhưng san phẳng đi được mấy trở ngại đó trong giờ nói tiếng mẹ đẻ thì khi dạy tiếng Pháp chàng không thể tránh những chữ Vous, Voir, Va, Viens... Ở đây thì không phân biệt giọng Nam giọng Bắc nào nữa. Chỉ còn phương pháp đọc nhất là lấy ngón tay ép

môi vào lỗ răng thôi. May thay, không người học sinh nào để ý đến cái ngón tay chiến lược của thầy. « Đoạn trường ai có qua cầu mới hay », chàng nghĩ thầm. Và chàng tự an ủi : « Mất đi một cái răng, mình có được biết bao những kinh nghiệm độc đáo về cái răng ».

Ngày đầu bàn tay trái phải luôn luôn giờ lên che miệng khiến cánh tay mỗi rừ. Nhưng giờ cuối cùng trong ngày, cánh tay mỗi muốn run lên. Ngày hôm sau chàng phải ngồi lại bàn, chống một tay để xa trước miệng vừa nói, y như một diễn giả lấy điệu bộ hoặc như một nhà trí-thức đang suy nghĩ. Vừa che giấu được cái xấu lại vừa tô-diểm cho đáng dấp thêm đẹp, thật là một cử-chỉ đơn giản mà quý giá. Sự phát minh này khiến chàng giảng bài một cách thích thú. Như một nhà nghệ sĩ mê say đi tìm những hình thức phô diễn mới, qua những ngày sau, chàng chỉ dùng một ngón tay trở cung lại để ngay trước miệng ngay chỗ cái răng trống. Và không biết vào ngày thứ mấy, chàng lại phát minh ra lối để dựng một quyển sách lên bàn cách xa mình 2 tấc, vừa đủ che miệng. Tuy vậy, những lúc thông thả thoải mái hơn hết vẫn là những lúc đứng ở cuối lớp quay mặt lên để đọc bài cho học sinh chép. Những lúc đó chàng khỏi phải che tay giấu miệng gì hết vì học sinh đều ngồi ngó lên thuận chiều với chàng. Sau chừng ba ngày những cử-động quen đi, biểu diễn thứ tự nhịp nhàng không còn lẫn lộn nữa. Dù vội vã trả lời lại, dù bất chợt bật ra cười, nhưng tay chàng đều kịp thời đưa lên che miệng.

Cái răng đã thường xuyên ám ảnh khiến lúc nào chàng cũng để ý đến cái răng. Gặp một người, ngồi nói chuyện là y như mắt chàng nhìn thẳng vào đôi hàm răng của họ. Và đến đây chàng mới thấy rằng mình đã sống rất hời hợt, tiếp xúc lâu với một người mà mình không hề nhìn kỹ họ. Lần này có nhìn kỹ mới thấy rằng người bạn mình mất hết một cái răng nanh hàm dưới khiến phía môi ấy móp lại. Một anh bạn khác nghe chàng than phiền về cái răng gây tai họa liền tươi cười đáp :

— Anh tưởng răng của tôi tốt lắm sao ? Này. . .

Anh bạn há miệng rồi chỉ vào dãy răng hàm, hàm trên không còn cái răng nào.

— Răng hàm hàm trên nhổ hết. Răng hàm hàm dưới còn vốn vẹn hai cái. Đó là hàm bên trái. Răng hàm bên tay mặt cũng như vậy. Tôi ăn chỉ nhai lớn chồn bằng mấy cái răng cửa nên ăn rất chậm.

Chàng nói một cách thất vọng :

— Ai có thể tin được khi thấy anh béo tốt thế kia.

— Đâu đã hết ? Ruột của tôi lại cũng là thứ ruột bệnh hoạn. Đêm rọi kiến chụp hình thì thấy cái kết-tràng lên bị a-míp ăn dày đi.

Chàng nhìn bạn và thấy yêu bạn hơn trước. Bệnh tật là một mối liên - hệ bạn hữu. Chàng được an ủi khi biết rằng chung quanh mình, những người khác không phải đều hoàn toàn khỏe mạnh, hoàn toàn sung sướng hết. Trong khi đó thì có những người làm chủ những hàm răng tuyệt đẹp. Một cậu học sinh nhà ăn chay trường lên đọc bài để lộ một hàm răng quá đẹp so với đáng dấp lam lũ của anh.

Hàm răng trắng tinh, nhỏ và đều. Chàng nhìn hàm răng một cách say mê như khi nhìn một tác phẩm mỹ thuật. Chàng thăm nghĩ và tiếc vắn vơ : có một hàm răng tốt như thế này mà chỉ để ăn rau đậu không thì cũng uổng. Cứ say mê chú ý vào những hàm răng khiến có lúc chàng suýt cười to lên khi tự ví mình với anh lái buôn ngựa. Muốn biết tuổi ngựa, chỉ cứ nhìn hàm răng nên bị méo mó nghề nghiệp chắc anh ta chỉ thấy những răng là răng. Dễ thường trong giấc mơ anh cũng chỉ thấy toàn răng ngựa !

Nhân nhìn răng người, chàng chợt nhớ đến răng của con mình. Chàng soát lại răng của con và thấy mình đã thiếu sót phận-sự. Thằng Thịnh có 2 cái răng nanh mọc lồi. Đáng lẽ khi răng sữa lung lay, mình phải đưa đi nhổ ngay để nhường chỗ cho răng vĩnh-viễn mọc ngay thẳng. Hết phương cứu chữa cho đứa lớn, chàng kiểm-soát đứa nhỏ. Vài cái răng sún nhỏ rồi. — do ai nhổ và nhổ bao giờ, chàng không hề biết đến, than ôi, — chàng không hiểu có còn kẹt lại chân răng không. « Thôi, để vài bữa mình đến chữa răng, đưa nó đến hỏi thăm luôn nha sĩ », chàng tự bảo như vậy.

Đúng hôm hẹn phải đến nha-sĩ, chàng bảo người ở :

— Hôm nay chị Hai khỏi phải đi ra trường đón em. Tôi đi đón lấy.

Chàng đi xe ra thẳng trường để đón con. Bé Phượng thấy chàng đến đón, mừng quá.

— Hôm nay chị Hai đi đâu không ra đón con, hở Ba ? Bé Phượng lật đật hỏi.

— Chị Hai bận.

— Ba chở con ra biển ngồi chơi mát đã rồi hãy về. Ừ, mà thôi, đi ra phố chơi đi Ba.

Chàng mỉm cười ranh mãnh nhìn con :

— Chắc ý con muốn nói : rồi chúng mình ghé lại hiệu kem Tuyết-Viên ăn chơi như bữa trước. Có phải vậy không ?

Phượng cười rũ lên như khi chơi cút bắt với bạn, ngồi nấp một xó kín bị bạn tìm bắt được.

— Kem ở hiệu đó ngon nhất đó Ba à. Thằng Trọng-Tâm bảo con vậy.

— Điều ấy có thể đúng lắm. Nhưng hôm nay chúng ta không có thì giờ. Nào, con leo lên xe đi, Ba chở con ra phố.

Phượng vui vẻ leo lên ngồi sau chàng, miệng hát vang bài hát vừa tập ở lớp. Xe rẽ qua mấy phố rồi dừng lại trước phòng nha-sĩ : Phượng ngạc-nhiên :

— Đây là chỗ nào ? Hiệu Tuyết-Viên ở mãi đằng kia mà.

— Vừa mới bảo xong : hôm nay không có thì giờ ăn kem. Ba ghé lại nha-sĩ để chữa cái răng. Con vào ngồi đợi một tí.

Quả tình cái phòng đợi lạnh lẽo này không làm cho bé Phượng phần khởi chút nào cả. Không có một chú bé bệnh nhân nào ngồi đó cả để cho Phượng nhìn vào và bậm môi nhíu mày với nó. Hai người đàn bà đau răng ngồi hần học liếc mắt vào người mới đến. Mặc dù ba bảo ngồi, Phượng vẫn ôm cặp sách đứng ngó ra mảnh sân nhỏ trước phòng. Ở đó, một dây nho nhẵn nạy bò lẩn vào trụ cột, đến mãi sát giàn mới dám đâm lá xanh. Đợi đến lượt mình, Văn

bước vào phòng sau khi dặn bé Phượng ngồi chờ. Nha - sĩ soát lại vết nhổ bữa trước. Nơi đó một cục máu đọng. Từ màu đỏ bầm, đầu cục máu chuyển sang màu trắng nhợt trông bần thiêu. Buổi trưa ở nhà chàng đã lấy lược lay cục máu để đẩy nó đi. Nó không rơi ra. Chàng lấy ngón tay đẩy. Nó chỉ nhích hờ một chút. Hơi ngượng vì cái cục máu trông bần thiêu, chàng bảo nha sĩ :

— Tôi đã lay cho ra mà không được. Lấy bông nắm rút đi mà vẫn...

— Ấy chết, — nha-sĩ la lên, — Ông muốn chết hả ? Cứ để y nguyên thế. Bông hút nước bần lăm, ông để vào bị sài uốn ván chết.

Văn thấy đầu mình khê choáng váng như vừa nhìn phải một cái chớp giật. Sài uốn-ván. Chết. Lúc nào cũng có thể chết được. Nhưng chàng đã tự trấn tĩnh : cũng may mà bông chỉ chạm vào mặt ngoài của cục máu, phần máu chết. Chỗ vết thương phải ở mãi tận trong.

Nha sĩ bôi thêm thuốc. Khi đã xong, chàng ra cửa gọi con vào. Bé Phượng nghiêm trang nhìn những khuôn mặt lạ và những dụng cụ lạ mắt. Chàng nói :

— Nhờ nha-sĩ xem dùm hàm răng cho cháu. Cái nào cần nhổ, cái nào cần chữa...

Chỉ đảo mắt qua một lượt, nha-sĩ đã bảo :

— Có cái chân răng này phải nhổ đi để có chỗ cho răng sau mọc lên.

Văn nhìn xuống đồng hồ : 6 giờ chiều. Chàng nói :

— Để hôm nào trở lại.

— Có thể nhổ ngay liền bây giờ.

Và thế là cái mũ và cái cặp sách phải rời bé Phượng lại nằm lên bàn giấy ông nha-sĩ để bé Phượng được bễ lên ngồi trên ghế da, mặt ngơ ngác không biết người ta sắp làm gì mình. Rồi những hiệu lệnh « mang khay... lấy thuốc tiêm... » được chuyển đi nhẹ nhàng, mũi tiêm đâm phập liên tiếp vào nướu răng, cái kiềm bẻ vẹo theo cánh tay, cái chân răng vất « xoảng » lên khay. Bé Phượng chưa kịp phản-kháng, chưa kịp ưng thuận. Một miếng bông đắp thuốc đỏ được nhét vào lỗ răng, hai hàm ngậm chặt. Và chàng chở người nạn nhân bất ngờ này về nhà.

Từ lần ngộ nạn này, Phượng mừng rỡ một cách rất dè dặt khi thấy Ba đem xe đến đón tại trường. Những cuộc chở xe đi dạo phố không chỉ hứa hẹn vui chơi sung sướng như ngày xưa. Hiệu kem Tuyết-Viên không được Khượng hăng hái nhắc đến nữa.

Sự săn sóc răng cổ cho con đã tạm xếp xong, chàng nghĩ đến răng cổ của những người quen. Dạy học đến bài « giải-phẫu bộ máy tiêu hóa » chàng dừng lại khá lâu để giảng về răng. Thôi thì : vệ-sinh khi răng lành, khi răng sâu, có nên nhổ ngay khi răng nhúc không, các phương pháp chữa răng, trồng răng... Đôi khi giữa những lời giảng say sưa chàng lẫn lộn nghĩ : Phải chi mỗi trường có nhiều giáo-sư để khi bắt dạy những bệnh tật ghi trong chương-trình người ta xếp cho thầy nào đã mắc bệnh gì thì dạy ngay bệnh ấy. Đối với bạn thì chàng hóa ra người cổ vấn nhệt-thành.

CHUYỆN CÁI RĂNG

— Anh nên làm eua-ron bằng bạch-kim cho cái răng đó... Ồ ! Ghé lại nha sĩ họ lấy gân máu cho. Đừng tin người thợ cầu thả đó.

Bày vẽ cho người ta nhưng rồi cuộc lại bị người bày vẽ lại. Việc ấy xảy ra như thế này. Số là từ ngày bị mất cái răng, chàng chỉ che miệng khi nói với học trò và người lạ, còn đối với người quen thì chàng cứ để tự nhiên. Che dấu là một cách tự hạ mình và có thể bị xem là một lỗi làm đáng chê cười. Tuy vậy đối với những người đàn-bà quen thì chàng không thể cười nói tự-nhiên với một cái răng thiếu, thiếu một cách trắng trợn thô lỗ như vậy. Mà thật thế, cái hàm răng trông một lỗ đen trông đến là buồn cười và ngu si. Để cho một người đàn bà thấy nó, chàng coi như là một sự khiếm nhã, y như chàng tiếp họ với một cái sơ-mi quên cài một hạt nút. Một hôm nói chuyện với một chị bạn quen, chị bạn nhận xét : Anh coi chừng kẻo mà thành tật đó nhé ? Cái tay che miệng đó. Trước đây tôi có một cô bạn quen cũng nhổ răng như anh và cũng phải che miệng như anh trong suốt thời kỳ chưa trồng răng giả. Sau đó, răng mới đã trồng nhưng tật cũ không bỏ được. Nhưng lúc ngồi nói chuyện, khi chợt cười cô ta vẫn đưa tay lên che miệng.

— Tật giữ trong bao lâu, chị ?

— Hai năm sau tôi vẫn thấy cô ấy che miệng.

Quả là một điều khá đáng lo thật vì mới 5, 6 ngày nay mà việc đưa tay che miệng đã hầu thành một cử chỉ tự-

nhiên. Cả đến khi nói chuyện với những người lớn, những người quen mà chắc chắn mình không cần và không nên giấu giếm gì cả thế mà chàng cũng quen tay đưa lên che miệng. Khiến một bà cụ quen thân ái bảo :

— Ông giữ chừng kẻo đưa tay che miệng hóa thành một thói quen đó. Tôi đã biết có mấy người như vậy. Cứ nói như thường, che làm gì ?

Chàng nghĩ thầm. Lẽ tất nhiên là nói chuyện với cụ thì không nên che làm gì thật.

Nhưng tuy nghĩ thế mà lúc để tay xuống chàng vẫn mừng tượng nghĩ đến cái xấu xí của hàm răng nên chàng ngượng ngượng thế nào. Bà cụ tiếp :

— Che miệng là một cử chỉ không đẹp.

Qua hai lần bị phê bình, chàng thấy người đàn bà chú ý đến cái đẹp hơn đàn ông. Và sự phù hợp của hai điều nhận xét khiến chàng thành thật lo trước cho cái thói quen xấu mà mình sợ sẽ không tước bỏ được.

Thứ bảy tuần đó, y hẹn, chàng đến phòng nha-sĩ để nhận sự săn sóc cuối cùng. Chàng hỏi thế thức trồng lại cái răng.

— Chỗ răng nhổ đi sẽ trồng thay bằng một cái răng xương, nhưng nó phải bám vào 2 cái răng hai bên. Có hai cách bám. Một là bao vàng răng bên cạnh, hai là làm pi-vô. Làm pi - vô thì phải lấy gân máu và cưa cái răng đi rồi thay răng xương vào.

— Như thế thì tiếc cho hai cái răng vô tội. Vả lại còn bị đau nữa khi lấy gân máu, khi cưa.

— Nhưng mà đẹp hơn là bao vàng. Các bà các cô thì đều chịu đau để cho đẹp. Có những cái răng mọc không đều, các cô đem đến nhờ nhổ đi và thay răng xương vào.

— Nếu tôi làm răng ở đây thì ông tính bao nhiêu mỗi cái ?

— Sáu trăm đồng. Phải trồng cái giữa và tám hai cái hai bên. Thế là 1.800 đồng.

Nếu ông lấy gân máu và làm pi-vô thì mỗi răng thêm hai trăm. Cộng lại là hai nghìn hai.

Văn suýt bật cười lên vì mình đã đoán đúng. Người nha-sĩ tính đúng như lời anh thợ Hồng-Phát đã nói, còn nhớ thêm hai trăm đồng lấy gân máu cho mỗi cái răng. Chàng nói :

— Người ta bảo khi chữa răng thì đến nha-sĩ nhưng khi trồng răng bít răng thì có thể nhờ thợ trồng răng. Họ tính rẻ hơn.

Nha-sĩ mỉm cười một cách gượng gạo. Có lẽ ông cũng nhận rằng lối lý luận vừa rồi là đúng. Tuy vậy, ông vẫn nhẹ nhàng nói :

— Nghĩa là... người thợ răng họ cũng làm cho ông có cái răng.

Nha-sĩ tính tiền chàng phải trả. Khi trả tiền xong, chàng cảm ơn người nha-sĩ và bắt tay giã từ. Bước qua vương sân rộng, chàng có cảm tưởng mình cũng đồng thời giã từ cái hình ảnh nghèo nàn của người nha-sĩ mà mình có khi đầu tiên tiếp xúc với ông. Quả tình lần đầu tiên đến ngồi ở phòng nha-sĩ, chàng thấy thương cho thân phận người nha-sĩ.

Trong phòng mạch của bác-sĩ, lẳng xẳng rộn rã bao nhiêu là nữ y-tá, thế mà

ở đây chỉ vồn vện có một anh phụ việc. Anh này lại thật thà, hơi quê mùa nữa, nên cảm tưởng vắng vẻ càng tăng thêm. Có lẽ chỉ cần một cô y tá hoặc đẹp hoặc làm dáng là đủ làm rộn ràng cái không khí của căn phòng. Sắc đẹp hùng biện như lời nói, có khi hơn lời nói. Không có đôi ba cô y tá nhí nhảnh với nhau để khách hàng vui lây thì sắc đẹp của một cô cũng có thể làm cho họ nghĩ ngợi vẩn vơ mà không khí đợi chờ đỡ tẻ. Dáng người nha-sĩ lại thiếu bệ vệ. Trắng hơn một chút, béo hơn nhiều nữa và đôi mắt nặng nề mỗi một hơn thì ông sẽ có vẻ giàu có sung sướng hơn. Thêm vào đó mấy cái ghế ở phòng đợi chàng không thấy có lần nào có khách ngồi đây. Chàng tự nhiên có cảm tình với ông ta như với một người bạn xấu số. Cảm tưởng đó hôm nay chàng đánh mất. Điều này làm cho chàng không vui vì quả tình chàng như vừa mất một người bạn. Nhưng nếu cảm tình đối với người nha-sĩ bị nhạt đi thì trái lại chàng thấy thêm tình yêu mến đối với anh thợ răng Hồng-Phát. Khi biết rằng trồng một cái răng với giá 300 đ. là không hớ một tí nào cả, chàng thấy yên tâm lạ. Chàng không còn nhìn anh thợ Hồng-Phát với một ý nghĩ kỵ nữa. Chàng không còn phải loay hoay để định trả một giá, trả sao cho khỏi bị đắt vừa khỏi quá rẻ. Chàng chỉ cần định điều-kiện thôi. Hôm sau chàng đến hiệu Hồng Phát.

— Anh nói phải چرا một cái răng ?

— Phải چرا một cái.

— Còn răng kia thì nhất thiết phải bọc vàng ?

— Phải bọc vàng, không có cách gì khác.

Tâm hồn chàng rơi thõm vào cái mệt mỏi của những ngày trước đây khi không tìm một giải pháp nào khác hơn, tốt đẹp hơn là phương pháp bọc vàng. Chàng nói thần thờ như một lời nuối tiếc :

— Không thể tránh được ..

Anh thợ vôi vàng trấn tĩnh :

— Nhưng tôi sẽ làm thật cẩn thận và mỹ thuật. Đường chỉ bọc sẽ rất nhỏ. Ông cứ yên tâm.

Chàng nói :

— Thôi được. Một tháng rưỡi sau tôi sẽ trở lại. Nha sĩ bảo phải đợi cho hết hạn đó.

Một tháng rưỡi ngưng nghỉu âm thầm qua, tối tăm như giữa mùa mưa gió. Khi kỳ hạn đến, chàng ngoan ngoãn ghé lại hiệu Hồng Phát. Người thợ trình bày rõ ràng hơn về những công việc phải làm trong 2 ngày để hoàn thành cái răng. Chàng vẫn cố mặc cả 1 ngày thôi, ngày chủ-nhật, nhưng quả tình người thợ không thể làm được. Chàng đành phải nhận nài chịu nhận hai lỗ răng trống trong hai ngày. Thật là quá sức chịu đựng, khi một lỗ răng trống thôi đã đủ làm chàng khó chịu. Khi ngồi lên ghế, chàng đợi nghe tiếng vù vù của bàn cưa quay. Và khi bàn cưa chạm vào răng, một cảm giác tê buốt chạy rần ở cột xương sống, tỏa một luồng lạnh ra khắp lưng. Hình như bao nhiêu bắp thịt ở lưng co rúm lại. Một mùi bột xương nhàn nhạt hăng hắc bốc lên mũi. Hết bàn cưa tiếp đến bàn nạo, bánh xe cưa... thần kinh của chàng như bị những tấn công dồn dập. Khi thân răng gãy nhẹ giữa hai ngón tay của người thợ, chàng quay sang cầm ly nước súc miệng và vôi vàng

đưa chiếc gương lên soi. Thật bất ngờ. Chàng đang đợi một lỗ trống toang ghê tởm thế mà sự thực thì lỗ trống mới không khác với lỗ răng trống bữa trước mấy. Sự bất ngờ có lợi này mang lại cho chàng một thú-vị nhỏ khiến chàng vui vui. Căn phòng chứa răng màu trắng màu của tường và của dụng cụ, chàng thấy bớt vẻ lạnh lẽo. Khi bắt tay từ già anh Hồng-Phát, chàng bắt tay chặt và giữ tay anh ta hơi lâu.

Tuy vậy suốt hai ngày sau, không lúc nào chàng thôi băn khoăn về cái răng xương mà chàng sắp nhận. Người thợ hết lời cam đoan về nghệ-thuật và kinh-nghiệm của anh, nhưng nếu chàng có thể sẵn sàng tin ở sự thành thật của anh thì trái lại chàng có nhiều nghi ngờ về trình độ thẩm mỹ của anh lắm. Do đó mà chiều hôm sau, khi đến hiệu, chàng thấy mình hơi hồi hộp. Anh thợ tiếp niềm nở nhưng không khiến chàng yên tâm. Dù cố giữ để không hỏi, — chàng biết câu hỏi và câu trả lời đều vô ích, — nhưng rốt cuộc chàng vẫn hỏi :

— Có đẹp không ?

Người thợ tròn đôi mắt và cái miệng

— Thưa....

— Cái răng làm có đẹp không ?

— A ! đẹp lắm. Để rồi ông xem.

Ở phòng khách, ngồi đối diện với chàng là một người đàn bà tuổi chừng hơn 40. Người ấy ngồi im, miệng ngậm một cách lúng túng. Chàng nghĩ : có lẽ người đàn bà này bị nhổ răng. Chợt người ấy hỏi người thợ :

— Sao tôi thấy nó cộm cộm đau đau.

Người thợ ngắt lời :

— Không sao đâu. Tôi đã coi kỹ rồi.

Người đàn bà im lặng nhưng dáng vẫn đăm chiêu. Đôi mày nhíu lại, tia mắt nhìn về người thợ có một vẻ gì giận dỗi. Cuối cùng, người ấy lại rụt rè :

— Sao tôi thấy nó cứ đau đau.

Người thợ xẵng giọng :

— Tôi đã nói rồi mà. Tôi đã xem kỹ rồi.

Vấn hỏi người thợ :

— Chắc bà kia nhỏ răng.

— Không. Bà ấy trồng răng.

Như mừng có dịp để phân trần, người thợ vội vã phân trần :

— Bà này trồng cả một hàm răng giả. Phải lựa thứ răng đen hiệu Nhật-bản cho bà ta. Tôi lấy cả hàm có 1.800\$. Vậy mà bà còn kỳ kèo là đau và cộm. Hiệu tôi làm có bảo đảm, ai cũng....

Khi câu nói chuyển sang mục quảng cáo, chàng không để ý nghe nữa mà chăm chú nhìn hàm răng đen đều đặn mà đôi môi của người đàn bà hé mở cho thấy. Chàng nghĩ đến sự chu đáo của kỹ nghệ, tạo ra loại răng đen đặc biệt của một thiểu số người còn sót lại trên các lãnh thổ vòng quanh Thái-bình-dương, ít ỏi và đặc-biệt như những động vật thời khuyết-sử còn lại. Người thợ đứng giậy mời chàng :

— Xin mời ông vào phòng răng.

Chàng đi theo người thợ, bỏ lại người đàn bà bán khoán một mình ở phòng khách với một hàm răng bị hất hủi.

Khi chàng ngồi chững chạc lên ghế rồi thì người thợ mở tủ lấy cái răng đã làm xong đưa chàng xem, kèm theo một câu đề-bạt :

— Ông coi xem, đẹp hết sức rồi đó.

Chàng chăm nhìn. Đường vàng viền nhỏ, có thể gọi là tinh-vi so với tác phẩm của anh thợ cũ ở Bồng-sơn. Tuy vậy chàng vẫn tham lam.

— Anh không thể làm cho nhỏ hơn nữa được sao ?

Người thợ nhún vai la to lên, ngạc nhiên như vừa nghe ai phủ-nhận tên mình.

— Như thế này mà ông còn chê sao ? Tôi gò suốt cả một buổi sáng nay mới được đó.

— Tôi không chê. Phải nói khen thì mới đúng. Nhưng ý tôi muốn hỏi là ông có thể làm tinh hơn nữa không.

Mặt người thợ dịu xuống, nụ cười hài lòng nở rộng và giọng nói cũng dịu lại.

— Chịu thôi, như thế là đẹp nhất rồi đó.

Vừa nói, người thợ vừa lẳng lặng tháo hồ trám, tra pi-vô và tra răng mới vào. Khi ngón tay người thợ đẩy ép chiếc răng mới đi sát vào nướu, chàng thấy đau đau. Nhưng liền sau đó là một cảm giác ấm áp đầy đủ, cảm giác của hàm răng trồng trái nay đã chấp nhận một bộ phận mới. Chàng lấy gương soi. Hàm răng đều đặn như tự thuở nào nó vẫn thế. Dù vậy, vẫn có một chút ngượng ngập gì trong cảm giác. Cái răng mới dường như cứng nhắc, nặng nề, thiếu sự thông thả dễ dãi của những cái răng tự nhiên Chàng nhìn

Lâu vào bóng hàm răng phản chiếu trong gương, gạt bỏ cái phần cảm xúc chủ quan để nghe lòng vui vui vì hàm răng đều đặn và bóng sáng.

Trả tiền và lấy giấy bảo kê xong, chàng cảm ơn người thợ. Lời cảm ơn thành thật, khác với nhiều lúc chàng nói vì xã giao. Đi qua phòng khách chàng chợt nhớ đưa mắt tìm người đàn bà ban nãy, nhưng các ghế trống không. Chắc chán nản người đàn bà đã bỏ ra về. Chàng tưởng chừng cảm thấy được sức cộm của cả một hàm răng mới trồng của người đàn bà. Nhưng giây thần kinh ở nướu, ở má, ở môi đều như nhất loạt không chấp nhận kẻ ngoại lai là cái hàm răng giả. Khi bước ra đến đường phố, sự suy nghĩ của chàng đã vẫn vor chuyển sang giá trị của những vật giả. Ai biết được hàm răng đen « rung rúc hạt na » của người đàn bà kia là giả? Ai biết được hàm răng trắng bóng, đều đặn của một người thiếu phụ sang trọng nào đó là không thật? Đi xa hơn hàm răng, chúng ta gặp những hàng lông mi cong, những nốt ruồi đẹp, những bộ ngực nở nang, nhưng càng thấy đẹp người ta càng đặt vấn đề nghi ngờ. Thực hay giả? Sự giả dối tinh-vi làm tổn hại không ít cho sự thật-thà. Một người có cái ngực đẹp tự nhiên, có hàm răng đẹp tự nhiên, có chuỗi ngọc trai thật, vòng kim cương thật, dễ bức mình biết bao khi kẻ bàng quan không phân biệt được họ với chủ nhân những món hàng giả. Giá trị con người thật khó định đoạt khi châu giả lẫn lộn xung quanh mình.

Ý-nghĩ của Văn bị ngắt quãng khi đi qua một hiệu tạp hoá quen người chủ hiệu mỉm cười chào chàng.

— Chào ông. Lâu ngày không thấy ông mua hàng.

— Chào bà. Hơn một tháng nay tôi.... bạn.

Chàng ghé vào hiệu mua một vài món hàng vặt. Chàng trả lời vui vẻ những câu hỏi của người chủ hiệu. Đến khi bước ra, chàng chợt nhớ rằng lúc nói chuyện mình vẫn còn quen đưa tay che miệng.

Buổi chiều hôm đó, cứ lúc nào nhớ ra là chàng lại nhìn vào gương để tìm xem cái cảm tưởng tốt đẹp về cái răng mới trồng có phải là một cảm tưởng sai lầm chăng. Lần nào cũng thế, chàng đều thấy là mình quả không lầm. Thật hiếm hoi hết sức là sự hài lòng về một món hàng mà mình vừa mua hay vừa sắm. Lâu lâu bắt chợt nhìn vào gương, chàng sung sướng gặp mặt cái răng mới trồng, đồng thời gặp gỡ luôn niềm vui của những ngày đầu sơ ngộ của nó.

*
* *

Bốn tháng sau, một bạn đồng nghiệp của Văn bị tai nạn ô-tô được chở về nằm ở bệnh-viện. Văn đến thăm. Những đường băng bó chàng chịt ở mặt, ở đầu, ở cánh tay. Sau khi kể những vết thương-tích anh mang trên người, anh bạn rên rỉ nói tiếp :

— Bị gãy hai cái răng cửa nữa.

Chi-tiết chót này suýt làm cho Văn cười lên. Chắc chắn là thương-tích không nặng lắm mặc dù băng bó khá bộn bâng nên anh bạn mới đủ tỉnh trí mà nhớ đến hai cái răng.

VÕ - HỒNG

Sau khi lành mạnh, người bạn đến văn phòng, miệng toe toét cười lộ trắng của hai cái răng gãy. Văn nhìn bạn giây lâu tìm xem có nét thay đổi nào trên khuôn mặt ấy không, do lỗ răng trắng gây ra. Trái với sự tưởng tượng của chàng, nét mặt không có gì thay đổi lớn. Lỗ răng trắng anh không che đậy, mới nhìn thấy một lần mà như là vật cố hữu của anh, không tăng mà cũng không giảm về quen thuộc của khuôn mặt. Chàng lưu ý đến phản ứng của cô thư - ký ngồi gần đó. Người đàn bà đẹp bao giờ cũng có những phản-ứng tự-nhiên không kềm chế kịp khi họ gặp một chi-tiết nào phản lại mỹ thuật. Nhưng không, cô thư ký vẫn tươi cười bồi thêm sức khỏe của người bạn và tỏ ra vui mừng vì người bạn thoát nạn một cách êm đẹp.

Chàng nghĩ đến một tháng sau người bạn phải đi trồng răng giả, phải chấp nhận hai cái viền vàng bao hai chiếc răng kế cận. Số phận của chiếc răng sẽ trồng chưa được định đoạt. Nó còn tùy thuộc ở người thợ mà anh bạn sẽ nhờ đến. Nó có thể đem lại cho anh ta sự khó chịu hàng ngày. Chàng tự nhủ thầm: May cho mình. Nhưng đồng thời chàng nghĩ: Tiếc thay, mình đã quên đi cái thú của sự hài lòng.

Thật vậy, chừng 1 tháng sau khi trồng lại chiếc răng, chàng thấy cái cảm giác sung sướng lúc đầu nhường chỗ dần dần cho cái cảm giác êm ả bình thường cho đến một lúc nào đó chàng nhìn vào gương mà không còn để ý đến chiếc răng trắng đẹp nữa. Trong khi đó, những mối lo thường dồn dập đến, đóng đô ở tâm hồn chàng, vững chãi, thường xuyên. Thật là khờ dại. Con người thích mơn trớn những nỗi băn khoăn, những nỗi khổ của mình, còn các điều toại-ý thì họ hưởng một cách vừa dè dặt vừa bủn xỉn. Đáng lẽ nên làm ngược trở lại. Chàng chợt mong mình có thể bước ra đường, đi từng bước nhỏ, sống hồi hộp trở lại những giờ băn khoăn khi cái răng bị tuyên-án, khi cái răng phải nhổ, khi cái lỗ trắng gây trở ngại âu lo và cuối cùng là niềm thoải mái khi cái răng mới trồng vừa ý chàng mong. Sự êm ả thoải mái ấy, chàng muốn nuôi dưỡng cho nó kéo dài, thật dài. Thấy lòng háo hức, chàng đứng dậy bắt tay người bạn và chào cô thư-ký. Chàng siết chặt tay bạn vừa vui vẻ nói:

— Một tháng sau anh tìm gặp tôi. Tôi sẽ mách cho anh một người thợ trồng răng hữu hạng.

VÕ-HỒNG

Cùng các bạn gửi bài:

Tất cả những bài gửi đăng về SỐ KỶ-NIỆM 5 NĂM của BÁCH-KHOA (15-1-62) và SỐ TẾT NHÂM DẦN, trân trọng xin các bạn gửi về tòa soạn trước ngày 30-11-61 để kịp chuẩn bị cho chu đáo. Đa tạ.

TÒA SOẠN BÁCH KHOA

ĐÃ PHÁT-HÀNH

TIN SÁCH số 6 và 7

Nội-dung gồm có:

Phần I. Tiểu-luận

THANH-LĂNG sáng-tạo và phê-bình: VƯƠNG HỒNG SẼN thú chơi sách. BUI KHÁNH ĐẢN định-mệnh với thiên-tài. NHẬT-TIẾN sách ngoài trời. ERNEST HEMINGWAY tại sao viết tiểu-thuyết và viết như thế nào? Cô THU-LIỀU trình-bày.

Phần II. Mục Thường-xuyên

Sinh-hoạt Thư-tịch — Cổ-thư Kỳ-thư — Sinh-hoạt Báo-chí

Phần III. Điềm sách

THU TRUNG thêm hoang. PHƯƠNG MAI tâm-sự kẻ sang Tần. ĐỖ TẤN và THU-LIỀU đôi mắt. THU-TRUNG và PHƯƠNG-MAI thăm tình nhân loại. ĐỖ TẤN vàng dại. SONG-MỘC khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục. THU-TRUNG hai tập thơ in thạch-bản: tiếng hát tự-do và Xuân-Việt thi-tập.

Phần IV. Giới-thiệu sách

tất cả các sách ấn-hành trong tháng 7 và 8 năm 1961

TIN SÁCH chỉ in vừa đủ bán cho độc-giả dài hạn. Muốn biết thể-lệ mua năm, xin viết thư hỏi toà-soạn, số 60-62 Ký Con, Saigon. Độc-giả đồ-thành xin hỏi tại các hiệu sách lớn. Độc-giả ở xa, xin gửi 10\$00 tem thư, để tên ông Nguyễn-Ngọc-Linh.

CÁC BẠN YÊU THƠ TÌM ĐỌC:

TRUYỆN CHÚNG MÌNH

của NHẬT-TUẤN

- Để nhớ lại những kỷ-niệm buồn khi mình còn ở tuổi đôi mươi.
- Để tìm lại những hình ảnh cũ của một truyện tình âm-thầm ngày thơ dại.
- Để cầu nguyện cho những người đang yêu nhau và sắp bỏ nhau.

ĐIỂM SÁCH

Cô Phương-Thảo

Tên sách : CÁI BONG BÓNG LỢN

Tác giả : PHAN-VĂN-TẠO

Nhà xuất bản : Nam Chi tùng thư

Mười lăm truyện ngắn của Phan-Văn-Tạo hợp thành tác-phẩm *Cái bong bóng lợn* do nhà xuất-bản Nam-Chi ấn-hành, chính-thức trước-ba tác-giả vào làng văn-ngệ.

Cái bong bóng lợn có đủ bề tròn để làm một quả địa-cầu, một thứ thế-giới tâm-tình xoay chuyển giữa cái vũ-trụ hiền-lành, quen thuộc. Hai cực của quả địa-cầu là hai khu-vực khác nhau, một đằng là chỗ quê-hương yêu dấu thu hẹp trong *Cái cầu ao*, một đằng là sự sinh-hoạt vui vẻ bên ngoài biểu hiện trong *Trận quyền Anh* hay là một chuyến *Đi xem đá banh* giữa chốn phố phường đông-đảo, hoặc giả tưởng mình xa-lạ, quan-sát thị-thành *Dưới mắt du khách* vô tư. Nhưng cái phần chính của thế-giới này là đường xích-đạo, nơi cái mặt trời yêu thương ấm áp tỏa nồng sức sống quanh năm. Đường xích-đạo ấy, tức là khung-cảnh gia-đình, trong đó người ta thấy rõ tác-giả đang ngồi chăm chỉ viết những *Lá thư cho vợ*, hăm hực giải *Bài toán khó* cho con, khổ sở vì phải *Cãi nhau* vô-lý chừng nào ! Thực ra, ở đây không phải là không có đủ thất-tình với những âu lo khốn khổ, vui vẻ, hân hoan. Ta còn gặp gỡ những sự trù tính *Dọn Nhà*

của *Ông Ba Kim* và nỗi băn khoăn về *Mười thang thuốc* gia truyền không có chút gì hiệu-lực. Nhưng rồi ruột gan hơn hết có lẽ là chuyện *Đi mổ* và *làm văn-ngệ*, và nếu không có *Sơn* và *Hạnh* lạc loài, người ta dễ tưởng trong vũ trụ kia chỉ có vợ chồng anh Văn và ba đứa bé, thằng Tùng, thằng Long, con Bích bàng bạc trên hết một cái hình ảnh đáng kính của người mẹ già, thấp thoáng chung quanh những cái bóng đáng quen thuộc của đôi người bạn.

* *

Nếu nhà văn xác-định cuộc đời bằng tác-phẩm mình và tác-phẩm là trạng-thái hiển hiện nhất của tinh thần nhà văn thì *Cái bong bóng lợn* của Phan-Văn-Tạo giới thiệu với ta những khung cảnh đời rất thực và đã vẽ lại những cái sắc thái hết sức trung thành về chính bản thân tác giả.

Ở đây, tương-lai không hiện đến với chúng ta như một chân trời mờ-mịt, cũng không chấp chới như bao cảnh sắc huy hoàng. Ở đây, tương lai không có chỗ ngồi. Tương lai

không có đồng xanh tưởng tượng để mà nuôi sống, không có rừng rú, để mơ mộng để mà ăn - thân. Người ta chỉ gặp hiện tại — hiện tại rõ ràng, ngăn nắp, chu đáo, hiền lành với những cảnh đời bình dị, no đủ, với những âu-lo dần vật quen thân. Và thỉnh thoảng, để cho hiện-tại thêm được ít nhiều gia-vị của một cuộc sống vẹn tròn, tác giả dặt ta trở về quá khứ. Đó là một cuộc sống cũ xa xôi đã được sương tuyết thời gian làm cho sồn mồn góc cạnh, chỉ còn hiện lên với những kỷ niệm êm đềm trong những sinh hoạt thô-sơ. Hình như tác-giả sợ vị cay-nồng của những ngày qua gần gũi, cho nên quay về mặt ngọt hương thơm của buổi thiếu thời đã sạch tính chất thời gian.

Do đó, tác giả tìm được một sự hồi xuân rất lạ ở trong tâm hồn qua cái thái độ lặng im đối với những ngày sắp đến cũng như qua cái tinh-thần thưởng thức những ngày đã qua. Dường như bao nhiêu móng vuốt cuộc đời cào cấu lên trên da thịt không làm sồn sút mây may đến cái vỏ ngoài bọc sắt của một con người thiết thực, và hình như sau sự đe-dọa, sau phần lệch lạc, tâm hồn tác giả chóng tìm được thể quân-bình trong những điều kiện luôn luôn ưu-đãi con người.

Có thể nói rằng tác-phẩm của Phan-Văn-Tạo là một bút ký về cuộc đời mình, là thứ-tự. Truyện cổ làm ra về khách-quan để sự mô - tả về mình cho được thêm phần thoải-mái. Bản khoản về sự thoải-mái, về một tiện - nghi tinh thần, có lẽ đó là nội-dung ý hướng chủ chốt ở trong tác-phẩm. Cũng bởi lẽ đó mà Phan - Văn-

Tạo chỉ thích nói về hiện tại. Những người bằng lòng với hiện tại mình mới có quan điểm rõ ràng như thế, mới có thái độ khôn ngoan như thế. Ở trong cuộc đời tác-giả, tất cả sự việc xảy ra hàng ngày đủ có ý - nghĩa thâm trầm của nó và đủ gây cho tác-giả một sự xúc động cần thiết để hướng tác - giả trở về khuôn-khổ, đi vào nề-nếp với tất cả lòng tự nguyện chân thành. Nếu có những trở ngại nào xảy ra ở giữa cuộc đời thì trở ngại ấy chỉ có tác dụng làm cho tăng gia hạnh phúc mà thôi. Sau trận cãi nhau vợ chồng càng yêu nhau thêm. Sau chuyển *Đi mố*, hạnh phúc gia-đình càng thêm chan chứa, y như sau trận mưa đông, hoa lá càng thêm tươi tốt bộn bề. Thỉnh thoảng tác - giả cũng muốn nói lên một cái sự thực vô cùng bi - đát, tưởng tượng đến cái cảnh chết của mình ở trong đám ma anh Văn, nhưng vì quá yêu sự sống cho nên tác giả mô-tả sự chết và tả sự chết để cho sự sống tăng thêm cường độ hân hoan về một ý-niệm bảo tồn. Như thế, tác-giả có lẽ không cần dùng đến tưởng tượng làm gì. Con người quân-bình như thế không thể dùng óc tưởng tượng — một loại *bà điên trong nhà* — khi mỗi sự việc đều có giá trị sâu xa, chỉ cần lấy sự quan sát thông minh, lấy óc chiêm nghiệm kinh-tế là đủ giới thiệu cuộc sống đúng theo cân lượng mà lòng tác-giả thiết tha đòi hỏi ở trong cuộc đời. Kể ra, tác giả cũng có tưởng tượng đầy chừ, nhưng chỉ tưởng tượng trong sự chỉ định hạn-chế, của cái nhu-cầu tiện-nghi tinh-thần, chẳng hạn như cái *Đám ma anh Văn*. Và một đôi khi tác-giả còn đi xa hơn, mạo hiểm trình-bày một cái hoàn-cảnh có lẽ ở trong cuộc đời,

chàng hạn truyện Sơn và Hạnh, nhưng mà ngay ở đoạn đầu ta thấy tác-giả tỏ ra ngần ngại lắm rồi, sợ sự bày trò gay cấn như một người cha không dám hứa hẹn chi tiền để con khỏi phải hoang phí về sau. Nên đến đoạn kết, trước một sự tình cần phải dứt-khoát với Hạnh, thì Sơn làm gì? « Anh nằm vật ra giường. Có tiếng gõ cửa. Anh vẫn nằm yên. Chàng dậy mở cửa. Mà cũng chẳng cất tiếng thưa » (57). Như thế, câu chuyện đã được kết thúc. Mặc dầu gay cấn cuộc đời vẫn còn tiếp diễn, xót xa cuộc đời vẫn còn kéo dài bởi vì chắc gì nàng Hạnh đã chịu dừng tay gõ cửa, chàng Sơn đã chịu nằm vạ với mình mãi mãi trên giường ! Nhưng mà nhà văn của ta chỉ muốn đến đây bởi vì chỉ chịu-đựng được cuộc đời đến đây mà thôi. Những gì, nếu có về sau, đó là phần việc của những tác-giả trư-tình, của những cây bút lâm-ly, gây cấn, không thuộc trong quả địa-cầu của cái bong bóng hiền-lành có thể dẫu kín trong chăn mà ngủ suốt đêm.

Tóm lại, dù có đóng vai hồn-ma lơ-lửng, dù có khoác áo du-khách nước ngoài, tác-giả cũng chỉ là kẻ tạm thời thay đổi hình thức trong một dạ-vũ hóa-trang để được hưởng hết cung bậc trầm bổng của một bản đàn tuyệt-diệu ở chính nơi mình. Đi vào thế-giới *cái bong bóng lợn*, đừng ai ngó-ngấn tìm sự run rẩy của cái con người nhỏ bé rợn ngợp trước bờ vũ-trụ bao la, đừng ai lường công tìm nỗi xót xa của cái thời khoảng phù-du ở giữa dòng đời vô - tận. Cũng đừng mong tìm những sự nôn-mửa chán chường ở trong nhịp sống thờ-ơ, nhạt-nhẽo, và đừng khám phá men nồng mảy độ trong

lòng lờng-lộn hăng say. Ở đây là cái cuộc đời êm dịu mà chỉ vượt qua sống mũi của người vợ hiền có thể mất đi buổi sáng đẹp trời chủ-nhật, quên vắn đồng hồ cho đúng còi trưa là đủ gây nên giận-dữ bất ngờ. Phải chăng đây là tính thần cổ-diễn ở trong nề-nếp, tính chất duy - lý ở trong suy - tư, quan niệm thực-dụng ở trong kinh-nghiệm ? Hay là chỉ cái biểu-hiệu tinh-tế của một tâm-lý hưởng-thụ thoát từ bản-chất thông-minh đo-lường rõ được ni-tắc cuộc đời ?

Nhưng chính vì vậy, *Cái bong bóng lợn* của Phan-Văn-Tạo có những tính chất đặc biệt gì và cái khu rừng bong bóng cao su mỏng mảnh, nhiều màu.

Nói về yêu-đương thì người nhân-tình chính-thức và thiết tha nhất của Phan-Văn-Tạo, ấy là người vợ. Cũng đừng tìm sự vớ vẩn của tuổi hoa-niên hay sự hờ hững về chiều đây nữa. Từ *Tặng Nội thi* ở trong Đường thi đến *Gửi Bà Tú* của Trần-Tế-Xương, thế kỷ chúng ta mới có con người can đảm viết một *Lá Thư cho vợ* đem vào văn học, một cái lá thư gây nên xốn-xang mặc cảm cho biết bao người. Sau sự ân-cần của một người chồng, tác giả kể sự săn sóc của một người cha nhắc sự trung thành của một người bạn và sự ngoan ngoãn vâng lời của một người con. Một cái tình thần đạo đức vững vàng, những cái ý tình lành mạnh chủ từ tác phẩm mà không làm cho tác phẩm trở thành « tái đạo » một cách khô-khan, cuộc đời trở thành ước lệ. Được thế là vì trong cái con người luân-lý vẫn có con người văn nghệ, con người sống thực với mình, cố gắng tỏ bày sự thực của mình trong cái lương trí sáng suốt, luôn luôn kèm theo nụ cười nửa

miệng mang về từ những khu vườn văn học Tây-Phương để biết giấu mình, khiến cho người mình trở nên khó coi đến một mức độ nào đó vừa đủ làm thành một kẻ thông-minh. Bởi vậy, người ta yêu mến dễ-dàng một cái ông chồng thương vợ mà vẫn đổ lỗi cho vợ, một người cha thương con mà vẫn tát con để che những sự bất lực của mình. Nói xấu về mình để giữ vững lấy phần tốt, đó là giá trị đối xử của tác giả vậy, và đó là cái bản-linh của người khôn ngoan, của người đã biết tự tin một cách quá sức rõ-ràng. Ở Phan-Văn-Tạo không có chút gì kiểu cách, cầu kỳ, không cần có sự làm duyên làm dáng để che đậy sự nghèo nàn, vụng dại, như một số người quá trẻ mới vào cuộc đời tưởng mình có thể che mất thế-gian bằng những phần son và những mốt lạ. Tác giả có thừa tế nhị để hiểu về mình, về người ở trong một cái khuôn khổ tìm kiếm định sẵn, và thừa tự nhiên để phát biểu lên một cách giản dị lạ thường. Hầu như ở khắp các truyện không có truyện nào là ta không gặp khá nhiều nhận xét hết sức tinh vi diễn tả một cách hết sức bình thường, bình thường đến độ làm cho người ta kinh ngạc ở các thể cách diễn-đạt như muốn thách thức, che giấu những lối uốn câu gò chữ của biết bao người.

Người ta ca ngợi tác giả làm cho sự sống bình thường trở nên ý nhị bao nhiêu ! Và giữa những sự hỗn loạn, điên cuồng *Cái bong bóng lợn* giới thiệu với ta một cái khu vực ổn định khác thường. Tuy vậy người ta có thể trách cứ tác giả ở cái tinh thần điệu độ quá mức, ở sự hạn-chế quá rõ của những tâm-tình, bởi vì chính sự giản dị ở trong bút-pháp, chính sự yên lành ở trong cách nhìn làm cho xúc-phạm

những người vốn hay thắc mắc với đời. Thực là vô lý xiết bao khi chính tác giả chỉ có cái lỗi đã cố gắng nói lên sự thật về mình ! Và khi có một cái nhìn lạc quan đối với cuộc đời, làm sao người ta có thể dừng lại sâu hơn trên bờ suy-niệm như những tâm-hồn đau khổ gặm nhấm ưu tư ? Nhưng mà làm sao không ghen với một chị Văn có một người chồng hiền hậu, trung thành như vậy luôn luôn viết, những thư tình cho vợ, chỉ biết che đậy sự xấu hổ của mình ở trên đôi má đừa con nhỏ nhất ? Và làm sao không ghen với một anh Văn có một người vợ tế nhị, đảm đang như vậy biết hốt bát bụi để mà âm thầm khuyến-khích chồng làm văn nghệ, và trước ngày mổ còn lưu bức thư cảm động dường kia ? Cái bong bóng lợn rẽ tiền bền bỉ hơn cái bong bóng cao su loè loẹt làm cho người ta khó chịu hay là cảnh sống tròn đầy của các gia đình trung-lưu kiểu-mẫu làm cho nhiều kẻ chạnh lòng ?

Người ta chỉ biết anh Văn ngồi viết thư tình cho vợ hay loay hoay dọn nhà đóng đinh treo cái đồng hồ, cũng chỉ là cái anh Văn đáng yêu của chị Văn thôi. Nhưng ra khỏi nhà, dù là đi xem một trò giải trí, một trận *đá banh*, một trận *quyền Anh* anh Văn mới thực là người đáng mến của cả chúng ta. Bởi vì nơi con người đó ta mới thực sự gặp được cuộc đời, gặp về tuổi hổ, xót xa của một võ-sĩ tới tấp dầm vào đối thủ vì những lý do bản-thủ khác thường, nơi con người đó ta mới gặp lại con người lấy vé hạng chót, trở về khán đài bình dân, trở về với bạn của mình, với những tiếng hò, tiếng hét, cả tiếng chửi thề, để sống được giữa không khí truyền cảm tung bừng mãnh-liệt.

Cô PHƯƠNG-THẢO

BÁCH KHOA CXVI

VỀ TRANH

ĐOÀN-THÊM

Bao-la ngậm gió chờ rung chuyền
Nghĩ lặng chân trời ý bạc mây

Trưa ngả sang chiều nghiêng ngổ nằng
Nỗi đêm lay bóng sạm màu cây

Cỏ loang phận héo tìm phương sống
Nước đục sông dâng vùn ánh ngày

Ác tỏa nóng hè, thương rủ biếc
Se lòng cắt bút lại buông tay

Hiền-hậu xanh thắm, trong gợn trắng
Lướt cong thuần-nhã dọc theo ngang

Quanh co ngả tía chìm u-uất
Cháy rực xa xăm đỏ loạn vàng

Đậm nhạt pha sương, buồn thả xám
Nẻo đường sáng-tạo biệt hoang mang

Tình thâm ai dạy hoà tươi sáng
Cho cảnh yên vui nét nhẹ nhàng ?

Đ. T.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUYỄN-NGU-Í**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu phát-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XVII

★ PHAN-DU.

Sinh ngày 1-5-1915. Tại xã Phước - Đức, quận Quế - Sơn. Tỉnh Quảng-Nam (Trung-Việt).

Thời tiền chiến, đã cộng tác với các báo :

Tiểu-thuyết thứ bảy (Bắc) Mai (Nam).

Suốt thời chiến tranh không viết gì cả.

Sau ngày đình chiến cộng tác với các báo : Trách nhiệm, Mùa lúa mới, Rạng đông, Bách-Khoa, Văn-Hữu, Mai, Lành mạnh, Tiểu-thuyết thứ Bảy.

Đã xuất bản : « Cô gái xóm nghèo (truyện ngắn) (1959).

Anh Ngu-Í,

Anh tha lỗi cho tôi về sự chậm trễ này. Chắc anh cũng có những lúc như tôi? chẳng hiểu vì sao tự dưng đâm ra

lười biếng viết thư [...] Riêng đối với anh, còn có lý do để lười biếng hơn. Cứ nghĩ mình chưa đóng góp được gì đáng kể lắm, sự-nghiệp văn chương

CUỘC PHÒNG-VĂN VĂN-NGHỆ...

còn ít ỏi quá thì quan-niệm, đường lối và kinh-nghịem sáng tác của mình đưa ra liệu có lợi ích gì cho người khác không. Thôi thì cứ khất nợ lần hồi để nhường lời cho các văn-hữu khác và nhờ sự hưởng-ứng đông đảo mà mình lọt được chăng. Ngờ đâu với Ngu-Í thì cái kế hoãn-binh này không có hiệu quả chút nào. Thôi thì phải thanh-toán cho xong vậy.

Anh hỏi sáng-tác để làm gì ? Với tôi, ta để thoả cái hứng truyền cảm, đạo đạt những gì mình nhận thấy là đẹp trong cuộc đời, trong con người, những gì cần ghi lưu và làm sống lại để có thể kêu gọi, đề-nghị ở người đọc một sự đồng tình nào đó về thái-độ sống, quan-niệm sống hợp lý hợp tình hơn, qua sự giác ngộ lý-tính về cuộc đời.

Văn-ngệ sở dĩ được coi là cao quý là vì cái mục-đích phụng-sự của nó. Sáng-tác không thể là để vui, không thể chỉ viết theo tùy hứng, không thể coi như là một công việc phụ thuộc trong lúc trà dư, tửu hậu. Một nhà văn-ngệ phải có đường lối và lập-trường rõ rệt — xin hiểu là lập trường văn-ngệ nếu không thì sự theo dõi của độc giả chỉ là một cuộc phiêu-lưu vô lối, có hại nữa là khác. Nhà văn không bao giờ được quên trách-nhiệm của mình đối với độc-giả. Muốn sáng tác theo đường lối, thể cách nào tùy ý, nhưng một tác-phẩm nghệ thuật phải có một ý nghĩa nào đó có lợi cho sự thiện-hóa của con người. Nghệ-thuật phải mang vào cho cuộc sống : ánh sáng, thanh khí gió lành và hương hơn.

Về lẽ lối sáng tác, trước hết, xin thú thật là tôi viết rất khó khăn chứ không phải dễ dàng như nhiều bạn hiểu đọc tôi thường tưởng. Nói khó khăn chưa đủ, tôi phải nói là vất vả như một con trâu kéo cày. Nhưng được cái là tôi bất chấp mọi tiếng ồn. Tôi có thể viết trên tàu, trên ô-tô, trong nhà in, tuy vậy có hai thứ tiếng tôi kiêng kỵ nhất là tiếng trẻ khóc và tiếng vợ... mè nheo.

Khi đã tìm được đề tài — thường thì nhờ ở sự tình cờ ngẫu nhi nhiều hơn : một nụ cười, một điệu bộ, một giọng nói, một gương mặt nào đó hay một sự kiện không đâu nhưng lại gợi ra những cảm nghĩ, liên tưởng với những nghệ-cảm đã qua, những kỷ-niệm xưa cũ, chẳng hạn hai người đàn bà nói chuyện mua vàng trong tiệm ăn làm tôi nhớ tới một người nông dân hám của sống trơ trọi trong cái trại ở miền núi để xây dựng «Vàng Hời» — tôi bắt đầu nghĩ cốt truyện, xây dựng bố cục trong trí. Xong rồi tôi viết. Nhưng không viết đúng theo thứ lớp trong bố-cục. Đoạn nào, phần nào gợi hứng nhiều hơn thì tôi viết trước. Có khi là đoạn chót, hay câu kết được xuất hiện trong bản thảo trước tiên. Cũng có khi là đoạn giữa. Cứ thế tôi tiếp tục. Đừng hòng xem bản thảo, đầu là bản thảo thứ hai, thứ ba của tôi mà tìm được mạch lạc câu truyện.

Tôi viết văn như người ta quay phim, dán phim. Vì viết xong, tôi dùng kéo xấp các đoạn, dán lại theo một tuần hợp lý và đọc đi đọc lại, sửa sang cho đến lúc nào vừa ý tôi mới cho mời ông «Văn-phạm» vào. Tôi có thói quen cho nhốt kỹ ông «Văn-phạm» vào một nơi kín

thận, nhất thiết không cho góp ý lời-thôi trước khi công việc cất xén, chấp nối hoàn thành. Nhưng sau đó thì cái quyền kiểm soát của ông ta lại được tôn trọng rất mực.

Về những sáng-tác tôi thích nhất trong số tuyển ngắn tôi đã viết cũng thật khó nói. Nhưng để vừa lòng anh, tôi tạm

chọn những chuyện sau này : *Vàng Hời*, *Bàn tay kẻ dối*, *Cái cùm thứ hai*, *Con ngựa hai chân*, *Bảy Tấn*, *A-Xiu* và trong số này, tôi yêu nhất là *A-Xiu* của tôi. Khó nhất là về lý do tôi khó nói với anh tôi chỉ có thể nói nhỏ với một người mà thôi : *Vũ-Hạnh*.

PHAN-DU



★ HỢP-PHỐ.

Toàn tên : Trần-Thị-Hợp-Phổ.

Sanh ngày 7-7-1923 tại Đà-Nẵng (Trung-Việt).

Đã cộng tác với các báo : Ánh-sáng (1948-49), Lẽ-sống, Thế-giới, Mới, Nhân loại, Chị cùng em, Sài-Gòn mới, Giáo dục phổ thông... ; ở trong nhóm « Chân trời mới » (1948-49-50)

Đã xuất bản : Chị Dung (truyện ngắn, 1948),

Bánh và Thuận (truyện khoa học cho trẻ em 1958).

Hiện trông nom viện Giữ trẻ tỉnh Gia-Định).

— Tôi viết là vì tôi muốn thiên hạ biết danh tôi.

Tôi ngo ngo. Xuýt nữa là cây viết rời khỏi mấy ngón tay... nam nhi của tôi. Chưa một ai trả lời tôi một cách mau mắn, thẳng thắn, trắng trợn và lạnh lùng như thế, nhất là ai kia vốn thuộc phái... chẳng mạnh gì, lại chuyên lo chặn trẻ nít.

Tôi xoay tròn cây viết trong tay, nhìn chị. Chị bình thần đứng sửa lại mấy tấm hình người chính tay chị cắt ở giấy cắt-tong để cho lũ trẻ em nghèo mà chị trông nom ở viện Giữ trẻ.

— Chị nói thiệt hay nói chơi đó?

Đến phiên chị nhìn tôi, ngo ngo:

— Anh hỏi mới kì ! Bách - khoa là tờ tạp chí đứng đắn, anh phỏng vấn đảng hoàng, tôi trả lời nghiêm trang. Thì ai đời lại hỏi như thế chứ?

Một thoáng tình nghịch lướt qua đôi mắt chị khi dứt câu hỏi thân mật. Tôi cũng vui vui. Nghĩ rằng « đối phương » đã đi con đường thẳng tuốt thì mình phải mượn lối quanh co.

— Tôi hỏi chị nói thiệt hay nói chơi, là vì tôi nghĩ thế này : « Chữ danh » cũng có năm ba bảy đường. Có « quý danh »

mà cũng có « tề danh », có danh thơm muôn thuở mà cũng có danh...

Chị cắt đứt câu tôi bằng bàn tay quạt lia quạt lia không khí trước mũi chị.

— Cái anh Ngu-I này ! Rõ khéo ỡm ờ ! Danh tôi muốn đây là loại danh của Nguyễn-Công-Trứ đó.

— Nghĩa là « Phải có danh gì núi sông ? »

Chị gật đầu. Sắp xếp mấy hình, nhân vật của một tấn tuồng múa rối cho trẻ xong đầu đó, chị mới thông thả :

— Mà có phải anh khi bắt đầu viết cũng nghĩ đến việc « làm cho thiên hạ biết tên mình » chứ ?

Tôi giật mình tìm cách đánh trống lảng.

— Không đâu, chị ạ. Tôi viết là vì muốn thiên hạ để ý đến ... ơ ơ ...

— Đến Ngu-I ?

Tôi vội níu lấy cây sào : « Đúng thế. Tôi muốn thiên hạ để ý đến cái biệt hiệu của tôi hơn là cái tên tôi ! »

Chị cười ra tiếng : « Thì anh tránh ông Tây lại gặp bà đầm. Tên cúng cơm cha mẹ đặt hoặc biệt hiệu do mình khai sanh, rồi cuộc cũng vẫn là mình.

— Thế thiên hạ đã biết danh chị rồi chưa ?

Chị lại cười, nhưng không đáp.

— Nhưng danh có rồi, thì phải đến lợi chứ.

— Dĩ nhiên. Lúc đầu, mình viết để mong được đăng, được thấy tên mình nằm trên giấy trắng bằng mực in ! À tôi nhớ hồi tôi học ở Huế, viết một bài ngắn

cho tờ báo Nhi đồng ở Hà - Nội, tờ « Cậu Ấm », anh nhớ chứ ? Một bài ngắn nói về một thắng cảnh tỉnh tôi : Ngũ-Hành-Sơn. Họ không đăng, nhưng ở mục « Hộp thư có đăng » đại khái : « Em Hợp-Phố, Huế : Rất tiếc bài em không đăng được. » Thế mà tôi sướng như được lên mây ! Tên mình được nêu lên mặt báo ! Anh thấy đó : tuổi trẻ ai mà chẳng háo danh ! Nhưng khi mình được người ta biết ít nhiều, mới nghĩ đến lợi... Mà lúc đó mình mới có quyền !

— Quyền eo sách !

— Gần như thế. Để treo giá chó anh. Lắm khi, người ta đưa tiền nhuận bút cho tôi trước. Có sướng không, anh ?

— Vậy cái gì đã xui chị viết ?

— Thì đã nói với anh rồi. Cái « tôi » phách lối, cái « tôi » tự phụ, cái « tôi » háo danh đã giục mình cầm bút. Rồi cái lợi đẩy thêm mình. Để rồi sau mới tới cái mà mình cho là bốn phận :

Bốn phận đối với người và đối với chính mình ».

— Tập truyện ngắn đầu tiên của chị, « Chị Dung », hẳn là bắt nguồn ngay ở những người, những việc ở trước mắt chị ?

— Phải. « Chị Dung » có tính cách hồi ký hơn là truyện. Tôi cho rằng viết phải làm sao cho người đọc chia sẻ ý nghĩ của mình, hoặc thương, nhớ, oán, hờn như mình muốn ; mà muốn được thế, những gì mình sáng tác phải ăn chịu với cuộc đời trong đó mình đang vật lộn, chó đống cửa mà tha hồ cho trí tưởng tượng dấn đi đâu thì dấn là chẳng đưa đến kết quả tốt đẹp nào.

— Chị viết một mạch hay viết từ hồi ?

— Tôi viết một mạch, anh ạ. Buồn cười là hề quính chừng nào tôi viết mau chừng nấy. Sáng mai phải giao bài, mà tối nay chưa có chữ gì, là một cốc cà phê, rồi lời ý đưa nhau mà tuôn ra trên mặt giấy. Tôi hay viết về đêm ; tĩnh mịch của đêm khuya giúp tôi nhiều trong công cuộc sáng tác. Tôi có cái lạ này, anh à, là khi bài đăng báo rồi tôi không muốn đọc lại. Thấy nó sao sao đấy. . .

— Viết một mạch thế, hẳn sau chị có sửa. . .

— Sửa thì sao khỏi, anh. Song tôi sửa lại không nhiều. Vài ba câu, năm mười chữ.

— Chị viết lúc đầu, có ai khuyến khích chị không ?

— Có chứ. Trước hết là anh hai tôi (1). Rồi sau đó, các anh Thê-Húc, Tam-ích, Đông-Hồ, chị Mộng-Tuyết. Và nhất là bạn đọc. Tôi còn nhớ nổi vui sướng khi truyện đầu của tôi được đăng trên báo « Ánh sáng », truyện « *Thằng tàng hình* » : thư độc giả khen làm tôi càng háng hái viết.

— Chị có làm thơ ?

— Không anh à. Anh không tin sao ? Cũng phải. Có người đàn bà nào mà lúc hai chín không gởi nhớ nhung mong đợi vào mười câu lục bát ! Tôi thì lại ù ù cạc cạc về thơ. Niêm luật tới giờ, có ai truy, cũng bi ! Nhưng một anh bạn thơ lại nhân đôi truyện của tôi mà « phổ » ra thơ. Đó là anh Trữ-Vũ. Và hai truyện ấy là « *Tổ ấm* » và « *Tình mẫu tử* ».

(1) Tức Thiên-Giang, anh ruột (Nguyên-Ngu-Í chú).

— Chị cho biết những lời khen nào đã khiến chị càng đi sâu vào con đường văn nghệ, con đường khá nhiều chông gai đối với phụ nữ ?

— Tôi nhớ mãi lời khen của hai người. Một là anh Đông-Hồ : « Những bài phóng sự ngắn của cô — như « *Hộp sữa con Chim* », « *Ổ bánh mì* » — là những bức tranh rất sống. Cô viết phóng sự như người ta vẽ tranh, mà vẽ khéo ! » Hai là của anh Trữ-Vũ : « Truyện chị viết là những bài thơ. Người ta đọc được một phần nào tấm lòng chị gởi trong đấy ».

Sự nhớ chị đã sáu năm nay tận tụy với một tổ chức xã hội giữ trẻ em nghèo, đào tạo một số cán bộ cho các Vườn trẻ, lại từng được hội Phụ nữ quốc tế mời giúp cho lớp mẫu giáo vừa thành lập ở Xóm-Chiếu, được Unesco, Usom mời thuyết trình đây, đó về vấn đề chăm trẻ, tôi xoay câu chuyện :

— Sống với trẻ, hẳn các sáng tác sau này của chị hướng về tuổi ấu thơ nhiều ?

Chị ngược nhìn lên, ánh mắt long lanh : « Đúng vậy. Tôi đã viết mấy truyện về Tết Trung Thu ở Nhân-loại đạo nọ. Tôi mong được sống và lo cho lũ trẻ nghèo lâu lâu. Sống với chúng, có lắm cái ấm, êm. Còn với người lớn thì. . .

Chị bỏ lửng câu. Hoàng hôn ở cái xóm Chuồng Ngựa ngoại ô này đã bao trùm cả cây ngọc lan cao nhất trong vườn. Tôi không nhìn chị nữa, mà ngó lên một mảnh trời con lấp lánh ánh sao nào.

— Nguyện vọng của chị ngoài sống với trẻ, còn có thêm gì nữa không chị ?

— Sau khi chăn nuôi trẻ con cho thiên hạ, tôi muốn lúc trở về già, chăn nuôi lũ

CUỘC PHÒNG-VĂN VĂN-NGHỆ...

cháu nội ngoại của tôi, của anh hai tôi, và nuôi thật nhiều mèo (tôi rất thương loại thú này, chúng có một cái gì êm ái, dịu dàng, tôi không thấy chúng giả dối như người ta nói). Chị mơ màng một đời rồi tiếp :

— Tôi lại còn mấy tập bản thảo sau đây, về giáo dục cả :

« Những câu chuyện giáo dục, « Dạy con trong gia đình », « Nghệ thuật chần trê ».

Tôi mong chúng được in thành sách. Riêng cuốn sau hết, tôi có gởi nhờ bộ Quốc gia giáo dục xét từ lâu. . .

— Và chị vẫn chờ đợi ?

— Và tôi vẫn đợi chờ.

Không biết sao tôi liên tưởng đến một câu Kiều :

« Biết đâu Hợp-Phố mà. . . »

NGUYỄN-NGU-Í viết lại.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes *JOB* Surfiner

COFAT CHOLON



SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Văn hóa và kỹ thuật

TRONG khi các nhà lãnh đạo ở Nga-Sô đang thúc đẩy cuộc thi đua hết tốc lực với Mỹ, vận dụng mọi khả-năng vào cuộc thi đua này, thì giới thanh-niên Nga-sô sôi nổi lên vì sự tranh chấp giữa hai quan-niệm để chọn lựa một con đường. Vì ích lợi quốc gia, vì sự cần thiết của nhu cầu quốc gia, người thanh-niên lớn lên nên đi ngay vào con đường chuyên môn để trở thành một chuyên viên đặc lực sau này chăng ? Hay là giáo dục chuyên môn vẫn cần phải được bổ túc bằng giáo dục nghệ thuật để con người có thể sống đầy đủ, khỏi mất quân bình, sống cuộc đời đáng sống của mỗi người ?

Hai quan niệm chống đối nhau công-khai, và ở Nga hiện nay có những cuộc tranh luận trước công chúng giữa phe

này với phe kia. Tiêu biểu cho mẫu người trí thức bênh vực sự phát triển toàn diện của con người là nhà văn Ilya Ebrebourg. Ông này cho rằng nếu chỉ biết có khoa-học, chỉ lao đầu vào kỹ thuật người chuyên viên sẽ có một cuộc sống tinh thần nghèo nàn đáng thương, ông nhắc đến tinh thần nhân bản, đến cái tình vì tể-nhị của văn hào Tchékov, « bậc thầy muôn thuở ». Ông cũng viện dẫn đến lời của nhà vật-lý-học Ambarstumian, một trong những kẻ đang tính toán điều khiển các phi thuyền không gian, nhà vật lý học ấy cũng đã nói rằng : « Con người khác con lợn là ở chỗ thỉnh thoảng biết ngẩng đầu nhìn lên các vì sao ».

Nhưng người hùng của phe đối nghịch là Poletaiev, một kỹ-sư điện, liền nhảy lên diễn đàn để phản đối. Theo ông ta,

thanh - niên không nên phí thì giờ vào việc học hỏi cho có những « kiến thức phổ thông tổng quát ». Ông vặn hỏi có phải nhờ kiến thức tổng quát mà Nga có thể vượt bực về sản xuất thép, có thể dựng được nhà máy ở các miền băng giá Tây-Bá-Lợi-Á, có thể làm hầm tránh bom nguyên tử dưới bể chằng ? Nhu cầu của quốc - gia và khoa học không cho phép những sự hoang phí về kiến-thức phổ-thông tổng quát. Ông không thể tưởng tượng rằng giữa lúc bệnh tật tràn lan trong xứ như lúc này mà các vị bác-sĩ lại đi nghiên-cứu về những vấn-đề y-học tổng quát. Tốt hơn hết là mỗi sinh-viên đều chọn lấy một ngành chuyên-môn để có thể nhanh chóng trở thành hữu-ích. Kiến-thức phổ-thông, cái đó chẳng qua thỉnh thoảng người ta cũng cần tới như là cần hút một liều thuốc. Dầu sao thế cũng là xa xỉ. Riêng về phần ông, Poletaiev tuyên bố rằng từ khi ra khỏi trường ông ta không hề đọc tới một quyển sách nào, ngoại trừ thứ chuyên-môn của ông.

Lời nói quả-quyết của một kẻ cuồng tín cũng có sức lôi cuốn, tuy nhiên việc « không hề đọc quyển sách nào » chẳng phải là điều lợi ích. Hậu quả tai hại của nó ông ta có dịp thấy ngay trong một cuộc tranh luận khác hồi tháng 2 - 1961, cũng lại với nhà văn Ehrenbourg. Trong dịp này Poletaiev say sưa nói : « Khoa học là làm việc, là sáng-tạo, khoa-học không cho phép ta có thì giờ để thờ, để tán dóc. Chuyên-viên là kẻ nô-lệ của khoa-học, chuyên-viên không một phút nào được xa rời công việc làm của mình, xa rời công-trình sáng-tạo của mình, dù là

để nghỉ ngơi. Ngày chủ nhật, tôi nghỉ bằng cách chúi đầu vào cái máy điện tử do tôi sáng chế ra...Cái máy ấy là con gái tôi, nó sẽ trở thành cộng-sự-viên của tôi, nó phụ tá tôi. Tôi dành hết thì giờ của tôi cho nó, không có dư dàu mà đi phung phí vào những công việc khác. Kể nào đã thốt ra cái câu nói ngu xuẩn này : « Cuộc đời không có nghệ thuật chỉ là một chuỗi dài những động-tác sinh-vật tối tăm ! », kẻ ấy không hề biết tới khoa-học là gì ! ».

Poletaiev vừa nói tới đây, Ilya Ehrenbourg liền giơ tay lên ngắt lời : « Bạn có biết ai đã thốt ra cái câu ngu xuẩn đó không ? Đó là Joliot-Curie ». Cử tọa reo lên ầm ĩ, Poletaiev đại bại, lấm bầm trong mồm : « Joliot-Curie cũng có thể lảm chửi ». Nhưng xung quanh không ai chịu nghe ông ta nữa : người ta đang sùng bái Joliot-Curie.

Theo ước lượng của Jean Marabini trong tạp chí *Arts* thì hiện nay có lẽ còn đến 2/3 sinh-viên ở Nga đòi có quyền trau dồi về văn-hóa và từ chối cái vinh dự làm « nô-lệ kỹ thuật ».

Vả lại trong xã-hội chuyên-viên với nhau cũng đang có những vấn-đề nan giải : lương bổng của những chuyên-viên thường, những người xây dựng và điều khiển các nhà máy trong nước, lại thua rất xa lương bổng của thiểu số những nhà thông thái ngồi tính toán quỹ đạo và tốc-độ của các quả vệ - tinh. Cho nên người ta cho rằng giới chuyên-viên ngày nay còn gồm các nhà thông thái hơn là những công ao mặt vụ M.V.D.

THU-THỦY

Văn nghệ và đạo đức

Có tin rằng bộ Tư-pháp ở Pháp sắp đưa ra trước Nghị viện một dự-luật sửa đổi điều 283 Hình-luật, nhằm mục đích nghiêm cấm báo chí và các tác phẩm xâm phạm thuần phong mỹ tục. Điều 283 trong hình luật hiện thời chỉ riêng cấm xuất bản các loại dâm thư. Dự luật mới nói rộng phạm vi cấm đoán đến cả phim ảnh, quảng cáo và mọi ấn loát phẩm xét ra « trái với thuần phong mỹ tục ».

Trong giới xuất bản và nhà báo ở Pháp nổi lên một dư luận phản đối xôn xao. Các ông André Parinaud, (chủ nhiệm báo *Arts*), Jean Claude Fasquelle, Henri Flammarion, Claude Gallimard, René Julliard, Roland Laudenbach (*Table Ronde*), Jérôme Lindon (nhà xuất bản *Minuit*), Bernard Privat (nhà xuất bản *Grasset*), André Sabatier (nhà xuất bản *Albin Michel*) Jean Chastel (nhà xuất bản *Corréa*) và một số tên quen, thuộc khác cùng ký tên vào một bức thư ngỏ gửi lên ông Chương Ấn (garde des Sceaux) để phản đối dự luật nói trên. Họ viết : «... Chúng tôi đồng ý với ngài cần phải chống lại dâm thư ngỏ hầu cứu vãn đạo lý công cộng, tuy nhiên không thể viện lẽ cứu vãn đạo lý để mà hạn chế quyền tự do ngôn luận và quyền tự do theo đuổi một nghề nghiệp đã tự nguyện tuân theo những kỷ luật của danh dự và của sự liêm khiết tinh thần... »

Nhà xuất bản *Minuit* nêu lên trường hợp nước Tây-ban-nha đang cấm hết các tác phẩm của Samuel Beckett và quyển *La*

modification của Michel Butor, cũng vì lý do thuần phong mỹ tục. Liệu những sách ấy rồi có bị cấm ở Pháp chăng ? (Tác phẩm của Beckett và Butor đều do nhà *Minuit* xuất bản).

Chủ nhà xuất bản René Julliard dài dòng và ai oán hơn. Ông cho rằng nếu dự luật mới được chấp thuận thì sẽ xảy ra nhiều việc phi lý. Rất có thể những tác phẩm của Miller và Céline sẽ không được lưu hành nữa ; bởi vì nếu cấm các sách ít dâm hơn, của những tác giả vô giá trị khác, mà không cấm sách của Miller và Céline chẳng hóa ra chánh phủ tự mâu thuẫn sao ? Tóm lại, « đi theo con đường ấy người ta sẽ tiến lần tới một chủ nghĩa đạo-đức hẹp hòi theo kiểu Tây-ban-nha, ở xứ này học văn học Pháp họ mang *Athalie* và *Esther* ra giảng mà không bao giờ dám động tới *Andromaque* và *Phèdre* ! » Ông ta kêu : « Ngày nay, không có một chính trị gia nào là không tự xưng yêu dân chủ tha thiết, nhưng bên vực dân chủ mà cứ làm cái kiểu trùm tư tưởng ấy thì thực là một lối bên vực lạ lùng ! »

Phản ứng của các ông hàn trong viện Goncourt cũng rất mạnh mẽ. Tổng thư ký của hàng lâm viện Goncourt là ông Gérard Bauër ngại rằng sẽ có những sự lạm quyền về phía các kiểm duyệt viên, bởi vì danh từ thuần phong mỹ tục có vẻ rất « cao-su » : phong tục biết đến giới hạn nào là còn thuần mỹ và đến đâu là hết thuần mỹ ? Phó mặc cho sự quyết đoán của các viên chức tư pháp cảnh lại chăng ? G. Bauër khuyên chính phủ hãy cứ áp dụng điều 283 cũ, và nếu xét chưa đủ hiệu quả để chặn đứng

những lời quảng cáo mê ly, những lời loan tin giật gân trên các báo, thì nên bắt chước nước Áo mà thành lập một hội đồng gồm các chủ báo, nhà văn, ký giả chuyên nghiệp để tự họ thỏa thuận tự ấn định mức hạn chế với nhau, tự xét với nhau xem những gì là nên viết ra và những gì là không nên.

Đại khái người ta cho rằng vấn đề đạo

đức trong tác phẩm văn nghệ là vấn đề danh dự, lương tâm của con nhà văn, và nếu phải có sự can thiệp thì người ta mong đó là sự can thiệp trong nội bộ những người đồng nghiệp với nhau, căn cứ trên tinh thần tự giác, hơn là sự định đoạt của pháp luật, của chính quyền.

THU-THỦY



Từ truyện thần tiên đến truyện khoa học tưởng tượng

« Ngày xưa, ngày xưa .. »

Ông già bà cả, hay những nhà thơ nhà nhạc bắt đầu kể chuyện đời xưa, chuyện thần tiên điểm ảo bằng mấy tiếng « Ngày xưa ngày xưa » mầu nhiệm, nhưng với những chuyện khoa học tưởng tượng thì lại phải bắt đầu bằng :

« Ngày mai, ngày mai ... »

Mới xét qua, thì sự tương phản giữa hai loại truyện (1) đều do trí tưởng tượng loài người sáng tạo ra nó rõ ràng quá. Truyện đời xưa căn cứ vào sự huyền diệu, dựa vào một quá khứ xa xôi, còn truyện khoa học thì dự đoán tương lai, bắt nguồn từ những khả năng, những hứa hẹn của khoa học ngày nay.

Song hai loại này lại có hai điểm giống nhau : cái hứng thú đều nằm trong cái quyền lực phi thường nó hơn hẳn cái quyền lực của con người. Truyện xưa, thì cạnh người thường, có những sinh vật phi phàm : những tiên, những thánh, những thần khổng lồ, những quỷ lùn tịt, những yêu tinh... Truyện khoa học, thì người lại có những khí giới, y phục, dụng cụ, cách chuyển vận... tối tân hơn, lạ lùng hơn, tài tình hơn sự thật, và thám hiểm Hỏa tinh, Kim tinh, giặc giữa tinh cầu là điều chẳng có chi lạ cả.

Vả lại, cái tương phản giữa hai loại truyện trên không phải gắt gao cho lắm, kẻ giữa, còn có một cái bản lề : đó là loại truyện kinh hoàng mà tác giả tiêu biểu nhất là Hoffmann và Edgar Poe.

Điểm khác nhau dễ nhận nhất giữa loại truyện huyền diệu và loại truyện quái dị

(1) Chúng tôi phân biệt *chuyện* : kể bằng lời, với *truyện* : ghi bằng chữ, bằng hình.

à loại trước các bà tiên đóng vai quyết định, còn trong loại truyện sau lại là yêu, quỷ, ma cà rồng. Còn đây là điểm khác biệt quan trọng: truyện thần tiên không cần đến sự quái lạ, sự hãi hùng, mà chỉ nhờ đến phép màu, và sự kì diệu; không có là gì bí ẩn là khác thường. Ngược lại truyện dị thường sử dụng cái gì đi ngoài vòng sự tự nhiên, sự thông thường, đặc biệt là sự xâm kích tàn bạo của cái thế giới bên kia.

Nhưng khác hẳn nhau, là kết cấu của hai thứ truyện.

Với truyện thần tiên, mọi việc rồi như ta mong mỏi: trai lành gái ngoan có năm tai bảy nạn rồi cục cựa tay trong tay đi trọn đường đời, kẻ dữ, kẻ gian sau cùng lấy cái chết hay ngục tù đền tội lỗi; tóm lại, thiện thì được thưởng, ác thì bị phạt. Nó làm ta vui.

Truyện quái dẫn trái lại: kết cục vai chánh chết một cách bất ngờ hay tan biến sau một cơn sấm sét. Nó khiến ta sợ.

Một ví dụ:

Cùng một đề tài: ba điều ước, mà xưa ước khúc dồi lợn để ăn, rồi vợ nảy í tình nghịch, ước thấy nó dính lỗ mũi ông chồng, để phải ước cuối cùng, khúc dồi rớt xuống, còn nay: hai vợ chồng ước được một số tiền lớn, tiền có, mà tiền đó là tiền bù đũa con độc nhất bị chết vì tai nạn ở xưởng, bà mẹ sau đó bán tin bán nghị ước bừa con mình sống dậy, một đêm khuya lạnh lẽo, thì có tiếng chân, tiếng gõ cửa, tiếng gọi quen thuộc nhưng người cha cho đó là hồn con bắt

đặc kì tử hiện về nên ước nó biến đi và nó biến đi thật, để lại trên tuyết những dấu giày...

Tác giả những chuyện dị thường chú trọng bầu không khí hơn là cốt truyện.

Họ mô tả một thế giới thật, thế giới ta đang sống với những chi tiết rất là tỉ mỉ rồi đột nhiên, những sự việc tương phản xuất hiện, làm ta chẳng rõ ngay đâu là hư đâu là thực: sự đổ gậy giữa sự thật và điều tưởng tượng nó bất ngờ quá, gieo vào lòng người đọc hoang mang, bốt hoảng.

Cho nên chúng ta không ngạc nhiên mà thấy tác phẩm rùng rợn nổi danh do các nhà văn tả thực viết, như Dickens, Balzac, Mérimée, Maupassant, Alexis Tolstoi, Gogol...

Điều đáng kể là ban đầu, những nhà viết hoặc kể chuyện ma quái tin đó là chuyện thật, như Don Calmet một tu sĩ ở I-Pha-Nho, thế kỉ XVII như Saint-Simon, một tâm hồn dưng liệt ở Pháp, đầu thế kỉ XVIII. Họ viết không phải để kể truyện dị thường (như ma-cà-rồng...) mà để chứng minh những sự lạ lùng đó.

Đến Balzac, Mérimée, Alexis, Tolstoi cũng viết truyện ma cà rồng, mà chẳng tin chúng có thật, cốt gây bầu không khí hãi hùng.

Rồi đến cuối thế kỉ XVIII và đầu thế kỉ XIX, truyện dị thường phát triển rất mau chóng trong một thời gian ngắn và được những danh sĩ điểm tô, tạo hẳn một loại văn chương dị thường.

Và sự xuất hiện loại văn chương này, cái gạch nối liền truyện thần tiên với truyện khoa học là để giải đáp một nhu cầu của thời đại đó.

Đề tài ba loại truyện kể trên kể khá nhiều, tùy theo sức tưởng tượng của mỗi nhà văn, nhưng ta cũng có thể sắp xếp chúng vào một số nào đó, cũng như các nhà hóa học đã sắp loại những vật thể vậy.

Có lẽ giả thuyết sau đây có phần nào ảo tưởng chăng, nhưng vì xét lại các đề tài, thấy một số được lặp đi lặp lại từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc, nên cũng xin đưa ra.

Từ xưa từ xưa, loài người mơ ước những gì ?

Đi đứng lâu lắc, mệt nhọc, nên ước đi mau đi khỏe, thì tưởng tượng những tấm khảm bay, như con ngựa có cánh hoặc cỡi mây, đạp gió... Làm việc cực nhọc nên mơ làm chóng rồi mà không mệt, cho nên có những vị thần dọn tiệc trong nháy mắt, dời cả một lâu đài như trở bàn tay... Sợ cảnh « vừa măng sữa đã đã thân tàn rồi », nên nghĩ ra những suối tắm được muôn đời trẻ mãi, những linh đơn uống vào trẻ mãi không già. Tình yêu rắc rối, người yêu đổi thay, thì có những mụ phù thủy chế những thứ thuốc có phép làm lứa đôi nào uống yêu nhau đắm say cho đến hơi thở cuối cùng.

Loài người buổi sơ khai chưa hiểu được Thiên nhiên, chưa ngự trị được Tạo vật, thấy mình quá yếu đuối, nên gởi bao hoài vọng trong các truyện thần tiên, nhất

là xã hội thời bấy giờ còn đầy bất công, áp bức.

Nhưng rồi khoa học và kỹ thuật giúp người làm chủ Thiên nhiên. Bao ước mơ viễn vọng xưa nay thành sự thật. Hơi nước, sức điện với bao thực hiện của chúng làm người ta không còn ngại không gian. Người ta quên lần thăm bay, ngựa bay mà say sưa với xe hơi, với tàu thủy, với tàu hỏa, với tàu bay ; máy móc là những vị thần làm việc nhiều, nhanh : giờ ngón tay bấm một cái nút là ánh sáng chan hòa, là xe chạy, máy bay...

Nhưng sau phút tự kiêu, con người thấy mình còn chưa thắng được bệnh tật, già nua, chết chóc. Chung quanh con người, còn lắm điều chưa biết bao vậy. Do đó mà bóng tối chập chờn, quỷ ma ẩn hiện, cái chết « âm » được dịp trả thù những gì mà khoa học chưa chiếu được ánh sáng của nó vào. Nên có những tờ giao kèo giữa nhà thông thái Faust với con quỷ Méphistophilès, có những hình nộm, những tượng đá sống đời người, có những gái đẹp hút máu kẻ si mê, có những hồ li chung chã gối với thư sinh mặt trắng.

Một chút vang bóng của bao mê tín dị đoan thời Trung-cổ, một sự cố tình trốn tránh bao cái thắc mắc của con người không giải quyết được, là hai nguyên nhân thúc đẩy sự phát sanh loại văn chương rừng rợn dị thường. Và loài người có khác nào vị phu nhân này, ưa nghe chuyện ma quái, để rồi bạn hỏi có tin không thì trả lời : « Tôi không tin chút nào, nhưng mà chúng làm tôi sợ ».

Rồi cuối thế-kỉ trước, Jules Verne tưởng tượng tàu ngầm, cho một nhân vật mình đi vòng quanh thế giới trong... 80 ngày, thám hiểm mặt Trăng bằng khinh khí cầu, thế kỉ này. Herbert George Wells cho dân Hoả tinh xuống đánh địa cầu chúng ta, tưởng tượng người tàng bính, máy thám hiểm thời gian. Một số các điều dự liệu của hai nhà văn Pháp, Anh trên đây đã hóa lời thời. Khoa - học đã đi những bước khổng lồ.

Loại truyện khoa học tưởng tượng lại có dịp khai thác luật tương đối, cùng những thực hiện mới mẻ nhất của khoa học. Cho nhân vật du hành không gian, cho họ gặp những luật lệ vật lí khác, cho họ đụng độ với những giống người khác. Có nhà văn lợi dụng những việc này để châm biếm những cái bất công, những cái lỗ lã của nhân loại: nói chuyện Hoả tinh chẳng hạn, mà thật ra để ám chỉ chuyện địa cầu.

* *

Nhìn lại, ta thấy qua ba loại truyện tưởng tượng kể trên nỗi thắc mắc cùng nguyện vọng của cả loài người.

Tay không trước vạn vật bí mật, nham hiểm loài người sợ sệt, loài người ước mong. Truyện thần tiên ra đời để đáp lại sự đòi hỏi ấy.

Rồi hiểu được Thiên nhiên, làm chủ được tạo vật, loài người lại run sợ trước cái Chết, cái Già... tiềm thức bị đe dọa. Truyện dị thường xuất hiện.

Rồi khoa học lại làm con người lo ngại: những điều nó đã thực hiện được,

những điều nó có thể thực hiện trong tương lai đáng làm cho trí óc con người bận rộn. Nỗi khắc khoải một cuộc chiến tranh tàn khốc tiêu diệt cả hoàn cầu ám ảnh con người không ít. Rồi nghĩ lại người ta thấy mình còn bị tù hãm bởi không gian, bởi thời gian, bởi luật nhân quả..., thử để cho tưởng tượng mượn cánh khoa học mà bay về Tương lai.

Phản ánh ba đoạn đường của nhân loại, đúng hơn, phản ánh những nỗi khắc khoải cùng những niềm ki vọng của loài người trong ba đoạn đường, một sự phản ánh chưa biết có đúng hẳn không, nhưng là một phản ứng bổ ích.

* *

Trên đây là tường thuật sơ lược buổi diễn thuyết của ông Roger Caillois tại thính đường Viện Đại học Sài-Gòn, ngày thứ năm 12 tháng 10 vừa qua. Cuộc nói chuyện này đặt dưới sự chủ tọa của ông bộ trưởng bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, và do Viện đại học Sài-Gòn cùng hội Nghiên cứu Đông-Dương tổ chức.

Diễn giả vốn là một nhạc sĩ về Ngũ-Pháp, chuyên khảo cứu về ca dao, cổ tích Đông-Tây, lại là trưởng ban văn chương trong tổ chức Giáo-Dục. Khoa học và Văn hóa của Liên-Hiệp-Quốc.

**YÃ-HẠC và
TRINH-NGUYỄN thuật**

BÁCH KHOA CXVI



CÁI CẦU AO

Một trong 15 truyện ngắn đặc sắc của PHAN-VĂN-TẠO
mà bạn đọc BÁCH-KHOA sẽ thấy trong tuyển tập :

CÁI BONG BÓNG LỢN

NAM CHI TÙNG THƯ' xuất bản

Ấn loát và trình bày rất mỹ thuật, **Giá 65 \$**

Đã có bán tại các hiệu sách Đô Thành và các Tỉnh.

Mua sỉ và lẻ xin hỏi tại :

NAM CHI TÙNG THƯ'
3, Nguyễn - Siêu
SAIGON

Toà soạn BÁCH KHOA
160, Phan-đình-Phùng
SAIGON

Hiệu sách VĂN NGHỆ : 51, Phạm-Ngũ-Lão.

Bách-Khoa đã nhận được :

- Phổ mưa chiều ấy ; Vắn đề tuổi trẻ với duyên ái (Mạc - Phong - Thanh) — Thái Phiên và cuộc Duy - Tân khởi nghĩa (Thiện-Sinh) — Qua đường ; Đêm (Hiền-Hữu) — Chiều ; Tình trăng (Thanh - Lan) — Tuổi Kim Thạch kỷ duyên của Bùi Hữu Nghĩa (Đào) — Cầu Ô - thước ; Thu - Nguyệt ; Hồn-Thơ (Phong-Lâm) — Về nguồn ; Những vắn thơ buồn hôm nay (Nguyễn - Lam - Tiên) — Tiếng quê - hương ; Vườn khuya ; Giã từ (Lê - Tâm) — Chân tình ; Ngõ chiều thu (Hùng - Linh) — Hận chiến (Cao-Phan) — Mưa thu (Hương - Kiều - Giang) — Bài hát nguyên trình ; Thung lũng tự-do ; Ngủ trưa (Vũ - Phương - Ly) — Chẳng rõ ; Khoắc khoải ; Đợi em ; Xuân Cộng-hòa (Khánh-Hòa) — Thoát ; Vắng bạn ; Yêu hôn ; Buồn ca thể-kỷ (Thanh - Vân) — Kiếp người (Thanh-Lan) — Cổ nhạc Việt-Nam với con người văn-nghệ hiện-đại (Mặc - Lam) — Lão Vạn (Hoài - Minh) — Trùng dương ; Mâu thời gian ; Tâm Nga (Kiều-Thanh - Phương) — Chén rượu năm tàn ; Mồ bát ngát (Tư-Trâm-Lệ) — Điệp khúc đen ; Mồ côi ; Tiễn đưa ; Sóng đêm (Vũ-Kiệm) — Cuồng dâm (1341). Tìm em (Vĩnh-Đỗ Trúc-Lang) Tan trường ; Lời ca ; Cổ đại ; Tuổi xanh (Viên-Linh) — Cổ nhạc Việt-Nam với con người văn nghệ hiện đại (Đào - Đăng - Bàng) — Màu trắng (Cao-Ngọc-Doãn).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ

- **Ô. Viên - Linh** Thơ - viên Bách-Khoa đã nhận được mấy bài ông gửi do Ông Ngu-Í trao. Đa tạ.

*

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Người công-giáo trước Thời-đại** tập vở tập-thể đầu tiên do một số trí-thức công-giáo biên soạn Sách dày 204 trang, giá 50đ.
- **Hy-vọng** tập thơ của Hoàng-Bảo-Việt. Sách dày 110 trang, gồm 50 bài thơ. Bản đặc - biệt không đề giá.
- **Việt-Nam khảo-cổ tập-san** Số 2, đặc-biệt có những bài khảo luận về giáo-sĩ Đắc-Lộ và chữ quốc ngữ, những mục tài-liệu và diềm sách. Tập - san dày 256 trang in trên giấy trắng.
- **Biệt-ly** (qua thi ca Việt-Nam) của Nguyễn-Hữu-Chi, Nam-Chi Tùng Thư xuất bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày ngót 200 trang gồm có 3 phần : Bối cảnh — Tiễn biệt — Ly tình và phần tổng kết : Hợp tan, trong đó tác-giả đã đem « phân giải các yếu tố cấu tạo tình cảm biệt ly qua cảm xúc mà thi nhân ký thác vào thi phẩm ». Bản đặc biệt không đề giá.
- **Đất Phù-Tang** (dưới mắt một tùy-viên Văn - Hóa xã - hội) của Phạm-Trọng-Nhân, Hội Việt-Nhật xuất bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 87 trang trình bày : nạn nhân mãn, vẻ đẹp thiên nhiên, tâm hồn nghệ sĩ, mâu thuẫn mặc cảm, tôn giáo, giáo dục và hai cuộc cách mạng tại đất Phù-Tang.
- **Mùa Phụng-Vỹ** tập thơ của Lương - Trọng - Minh, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 114 trang khổ lớn gồm 57 bài thơ của thi sĩ Lương - Trọng - Minh. Bản đặc biệt không đề giá.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG — ĐỦ TIỆN NGHI
TIẾP ĐÃI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chúa Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : SAIGON 34

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhờ dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CÔNG - TY
ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

NGƯỜI CÔNG-GIAO TRƯỚC

THỜI-ĐẠI

NGUYỄN-VĂN-ÁI — L. M. NGUYỄN-BÌNH-AN — HỒ-ANH-CHƯƠNG
Pierre ĐỖ ĐÌNH — L. M. TRẦN-THÁI-ĐÌNH — L. M. CAO-VĂN-LUẬN
L. M. BÙI-CHÂU-THI — TRẦN-VĂN-TOÀN — NGUYỄN VĂN-TRUNG
L. M. NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

ĐẠO và ĐỜI

1961

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 2373⁶

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TAN-NARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY



LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siền — Téléphone : 20.821 — SAIGON